

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya

Bài học ngày 2.7.2020

12. Đại Kinh Sư Tử Hống (Mahāsīhanāda Sutta)

Sư tử hống (sīhanāda) là lời tuyên bố không khiếp sợ của bậc Sư Vương. Trong bài kinh này ghi lại về lời Đức Phật nói về sự ưu việt vô thượng của Ngài, và có thể nói chung chư vị Chánh đẳng chánh giác, đối với cả ba phương diện tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Gọi là Đại Kinh Sư Tử Hống vì là bài kinh dài (đại kinh) so với kinh ngắn hơn (tiểu kinh) trước đây.

Tôn giả Sāriputta khi đi khát thực nghe lời chỉ trích của Sunakkhatta: "Sa môn Gotama không có tri kiến thù thắng, thuyết pháp do mình tạo ra sau khi suy luận, trắc nghiệm. Pháp ấy nhằm đến một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hưởng thượng, có thể dẫn người thực hành đến chỗ đoạn tận khổ đau.". Tôn giả về thuật lại với Đức Phật. Đức Thế Tôn dạy rằng mặc dù đó là lời chỉ trích nhưng vô tình là tán thán Phật, mặc dù vậy một người thiếu trí như Sunakkhatta không thể nào hiểu được sở chứng và cảnh giới cao rộng của bậc Toàn giác. Rồi Đức Phật đi vào chi tiết những sở đắc, sở chứng, năng lực hiển hoá và cảnh giới cao rộng của chư Phật. Những tuyên bố này khiến tỳ kheo Nāgasamāla đang đứng quạt hầu phía sau chấn động tâm tư. Có lẽ vì thế gọi là Đại kinh Sư Tử Hống.

063. Lời chỉ trích đối với Bậc Đại Giác



Kinh Văn

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú tại Vesālī (Tỳ-xá-ly), ở phía ngoài thành, trong một khu rừng phía Tây.

Lúc bấy giờ, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi, vừa mới từ bỏ Pháp và Luật này, nói lời nói như sau trong Hội chúng ở Vesālī: "Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp

ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm, và thuyết cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau".

Lúc ấy Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, vào thành Vesālī để khát thực. Tôn giả Sāriputta nghe Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi nói như sau trong hội chúng ở Vesālī: "Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân, không có trí kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm và thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau".

Rồi Tôn giả Sāriputta khát thực xong, sau khi ăn và đi khát thực trở về đến chỗ ở Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi, vừa mới từ bỏ Pháp và Luật này, nói lời nói như sau trong hội chúng Vesālī: ""Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân... (như trên)... diệt tận khổ đau".

-- Này Sāriputta, Sunakkhatta phẫn nộ và ngu si, do phẫn nộ nên nói lên lời ấy. Này Sāriputta, Ông ta nghĩ: "Ta sẽ nói xấu". Thế mà kẻ ngu Sunakkhatta lại nói lời tán thán Như Lai. Này Sāriputta, ai nói như sau là tán thán Như Lai: "Pháp ấy được thuyết giảng cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau".



Những điểm cần nhớ

Sunakkhatta một người thuộc dòng Licchavi. Xuất gia theo Đức Phật có lúc trở thành người hầu cận Phật. Do nghiệp quá khứ vị này chỉ có thể chứng thiên nhãn mà không chứng được thiên nhĩ. Do quá chú trọng về thần lực mà vị này không trưởng thành trong giáo pháp. Về sau này khi Sunakkhatta rời bỏ giáo pháp theo ngoại giáo. Đức Phật đã có lời tiên tri về cảnh giới tái sanh của những đạo sư ngoại giáo mà Sunakkhatta quy hướng. Tất cả đều trở thành sự thật. Tuy vậy do chấp thủ sai lạc, Sunakkhatta đã không rời bỏ được cái nhìn sai lạc về giá trị chân thực của đời sống phạm hạnh.

Sunakkhatta khi nói đến giá trị của sự tu tập thì chú trọng đến thần lực phép màu. Vị này cho rằng, theo sự hiểu biết của mình, thì Đức Phật chỉ dạy về pháp có mục đích hướng thượng có hiệu năng đoạn tận khổ đau nhưng không dẫn đến thành tựu năng lực siêu nhiên.

Lời bình phẩm đó, mặc dù có tánh cách chỉ trích, nhưng có phần đúng là Đức Phật giảng dạy giáo pháp chỉ với mục đích hướng dẫn chúng sanh giác ngộ giải thoát như câu chuyện những chiếc lá simsapa.

064. Sự trống rỗng của một người thất bại



Kinh Văn

Này Sāriputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia, sẽ không có tùy pháp nào về Ta như sau: "Đây là Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

Này Sāriputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia, sẽ không có tùy pháp nào về Ta như sau: "Đây là Thế Tôn, vị đã chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua thành, qua núi, như đi ngang hư không, độn thổ trời lên ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như trên đất liền, ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên". Này Sāriputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: "Đây là Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng chư Thiên và loài Người, xa và gần".

Này Sāriputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia sẽ không có tùy pháp nào về Ta như sau: "Đây là Thế Tôn, sau khi đi sâu vào tâm chúng sanh, tâm loài Người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham. Hay tâm không tham biết là tâm không tham... tâm chuyên chú... tâm tán loạn... đại hành tâm... không phải đại hành tâm... tâm chưa vô thượng... tâm vô thượng... Tâm Thiền định... Tâm không Thiền định... tâm giải thoát... tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát". Vị ấy biết như vậy.



Những điểm cần nhớ

Điều sai lầm lớn của lời chỉ trích này Sunakkhatta, với trình độ hữu hạn, không thể hiểu hết về tuệ giác, năng lực và cảnh giới của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lời khen, tiếng chê không nói lên được giá trị thật sự. “Xưa và nay người không bị chê bai vốn không có”. Bất cứ giá trị nào của cuộc sống cũng có nhiều bình phẩm khen chê hai trái chiều.

Hơn thế nữa, đối với thị phi, Đức Phật và các bậc thánh luôn an nhiên. Nếu cần phải nói điều gì thì các Ngài nêu rõ ý nghĩa.



Nên cẩn thận

Mặc dù trong hàng đệ tử cư sĩ của Đức Phật có rất nhiều vua chúa, những người có thể lực và ngay cả Đức Phật cùng các đệ tử có nhiều thần lực nhưng không bao giờ có chuyện áp đảo những người chỉ trích bằng sức mạnh. Nếu lẽ phải không chuyển hoá được định kiến sai lạc thì bậc thánh trí chọn sự im lặng thuận với tự nhiên.

065. Mười lực của Như Lai

Đức Phật được gọi là Đấng Thập Lực vì Ngài có 10 năng lực mà không ai trên thế gian này ngoài chư vị Toàn giác có thể có được. Chỉ có một bậc đầy đủ mười lực này mới có thể gọi là “tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn”:



Kinh Văn

Này Sāriputta, Như Lai có đầy đủ mười Như Lai lực, chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười?

(1) Ở đây, này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ (Tri thị xứ phi xứ lực). Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, và chuyển Phạm luân.

(2) Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại (Tri tam thế nghiệp báo lực.) Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

(3) Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri con đường đưa đến tất cả cảnh giới (Tri nhứt thiết đạo trí lực). Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

(4) Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại, nhiều sai biệt (Tri thế gian chủng chủng tánh lực). Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

(5) Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri chí hướng sai biệt của các loại hữu tình (Tri tha chúng sanh chủng chủng dục lực). Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri ... chuyển Phạm luân.

(6) Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri những căn thượng hạ của các loài hữu tình, loài Người (Tri tha chúng sanh chư căn thượng hạ lực). Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

(7) Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiên, chúng về Thiên, về giải thoát, về định (Tri chư Thiên tam muội lực). Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

(8) Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều thành hoại kiếp. Ngài nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

(9) Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rõ ràng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời và về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về lời và về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Này Sāriputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

(10) Lại nữa, này Sāriputta, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc tự mình chứng tri, chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này Sāriputta, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Sāriputta, Như Lai có đầy đủ mười Như Lai lực. Chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Nguru Vương, rống tiếng rống sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Sāriputta, nếu ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy mà còn nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trác nghiệm, thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau". Này Sariputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy; không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên. Này Sāriputta, như Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu Thiên định, thành tựu trí tuệ có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Này Sāriputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.



Những điểm cần nhớ

Mười trí lực (Dasabalañāṇa), hay mười Như Lai trí lực (Tathāgatabalañāṇa):

- 1. Trí hiểu nguyên lý và phi nguyên lý (Thānāthānañāṇa), đức Như Lai biết rõ các sự kiện, cái gì có thể xảy ra và cái gì không thể xảy ra.*
- 2. Trí biết quả nghiệp (Kammavipākañāṇa), đức Như Lai biết rõ các hạnh nghiệp của chúng sanh, thiện ác dẫn đến quả dị thực tốt xấu ra sao? Quả trở mức độ như thế nào?*
- 3. Trí biết đạo lộ mọi sanh thú (Sabbatthagāminīpatipadāñāṇa), đức Như Lai biết rõ các sự thực hành là con đường dẫn đến tái sanh trong những cõi vui và cõi khổ, biết rõ hành động đưa đến lợi ích hiện tại, lợi ích tương lai và lợi ích tối thượng.*
- 4. Trí biết bản chất dị biệt (Nānādhātuñāṇa), đức Như Lai biết rõ thế gian có bản chất đa dạng như uẩn sai biệt, xứ sai biệt, và giới sai biệt.*
- 5. Trí biết khuynh hướng dị biệt (Nānādhimuttikañāṇa), đức Như Lai biết rõ sự khác biệt khuynh hướng của chúng sanh, có chúng sanh khuynh hướng hạ liệt, có chúng sanh khuynh hướng cao thượng, chúng sanh đồng khuynh hướng sẽ thuận dòng với nhau, hạ liệt thân cận hạ liệt, cao thượng thân cận cao thượng, dù ở quá khứ hay hiện tại cũng vậy.*
- 6. Trí biết thượng hạ căn (Indriyaparopariyattañāṇa), đức Như Lai biết rõ căn cơ cao thấp của chúng sanh, biết rõ chúng sanh có kiến chấp như vậy tiềm miên như vậy, sở*

hành như vậy, có căn trì độn, có căn lanh lợi, có tính khó dạy, có tính dễ dạy, có khả năng giác ngộ hay không thể giác ngộ.

7. Trí biết sự nhiễm-tịnh-ly của thiền định (*Jhānādisankilesādiñña*), đức Như Lai biết rõ sự ô nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất ly của thiền định, nhập định và sự giải thoát.

8. Trí biết tiền kiếp (*Pubbenivāsānussatiñña*), đức Như Lai có trí nhớ chính xác và nhớ nhiều về các kiếp sống quá khứ, từng nét đại cương và chi tiết đa dạng.

9. Trí biết sự sanh tử (*Cutūpapātañña*), đức Như Lai với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân ngài thấy rõ sự sống chết của chúng sanh; biết chúng sanh này sanh đến chỗ hèn hạ hoặc cao sang, xấu xí hay xinh đẹp, hạnh phúc hay đau khổ, là do hạnh nghiệp như vậy. Chúng sanh đi đến tùy theo nghiệp.

10. Trí đoạn lậu (*Āsavakkhayañña*), đức Như Lai tự mình thắng tri vô lậu tâm giải thoát, đoạn tận các lậu hoặc. Ngài biết rõ sự đoạn diệt hoàn toàn các lậu hoặc như vậy.

Trích từ “**Kho Tàng Pháp Học**” - Tỳ khuru Giác Giới soạn dịch

066. Bốn Vô Sở Úy Của Như Lai

Đức Phật không có bất cứ sự sợ hãi hay e dè nào đối với **những chỉ trích đúng pháp**. Sự vô úy ở đây không phải đơn thuần là sự bất chấp mà là có cơ sở. Bốn sự chỉ trích đúng pháp là không viên mãn giác ngộ tự nhận là viên mãn giác ngộ; phiền não chưa đoạn tận mà tự nhận là đã đoạn tận phiền não; dạy những pháp chương ngại trong khi thực tế thì không phải là chương ngại; tuyên thuyết những điều không có hiệu năng giác ngộ giải thoát:



Kinh Văn

Này Sāriputta, có bốn pháp vô sở úy chính nhờ thành tựu bốn pháp này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sử tử trong các hội chúng và chuyên Phạm luân. Thế nào là bốn?

Này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì, một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: "Các pháp này chưa được chứng ngộ hoàn toàn, mà quý vị tự xưng đã chứng ngộ hoàn toàn". Này Sariputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì... có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: "Các lậu hoặc này chưa được đoạn trừ mà quý vị tự xưng đã đoạn trừ". Này Sāriputta, vì Ta không thấy... đạt được vô úy.

Này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì... có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: "Những pháp này được gọi là các chướng ngại pháp khi được thực hành thời không có gì gọi là chướng ngại pháp cả". Này Sāriputta, vì Ta không thấy... đạt được vô úy.

Này Sāriputta, Ta thấy không có lý do gì một Sa-môn Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: "Pháp do quý vị thuyết giảng không đưa đến mục tiêu đặc biệt, không có khả năng hướng thượng, không có thể dẫn người thực hành đến diệt tận khổ đau". Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sāriputta, có bốn pháp vô sở úy, chính nhờ thành tựu bốn pháp này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sừ tử trong các hội chúng và chuyên Phạm luân.

Này Sāriputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

067. Tám hội chúng đáng kể trong tam giới mà Đức Phật lui tới một cách tự tại

Có tám hội chúng có thể lực ảnh hưởng trong thế giới nhân thiên. Đức Phật, đáng thiên nhân chi đạo sư, không mấy may nao núng lui tới với các hội chúng này trong bất cứ trường hợp nào. Bốn hội chúng thuộc nhân loại là hội chúng Sát Đế Ly hay giai cấp thống trị bình quyền; hội chúng Bà-la-môn hay giai cấp trí thức đạo giáo; hội chúng gia chủ phần lớn thuộc giai cấp trung lưu vận hành guồng máy kinh tế xã hội; hội chúng sa môn là thành phần tu sĩ chuyên hướng về sự tu dưỡng thân tâm. Bốn hội chúng thuộc loài hoá sanh nhiều thần lực và phước báu: Hội chúng Tứ thiên vương thuộc chư thiên nhiều tiếp cận với nhân loại; hội chúng Tam thập tam thiên là những chư thiên thượng cấp của Tứ thiên vương đứng đầu là thiên chủ Đế Thích; hội chúng thiên ma là chư thiên cõi tha hoá tự tại nhiều phước, nhiều uy lực, nhiều tham vọng; hội chúng phạm thiên là những loài hữu tình sanh ra bằng năng lực thiên định uy lực khôn cùng. Tất nhiên giữa nhân thiên còn nhiều chúng sanh khác không nằm trong tám hội chúng vừa kể nhưng tám hội chúng này có những ảnh hưởng nhất định nên được nêu trong kinh điển.



Kinh Văn

Này Sāriputta, có tám Hội chúng này: Hội chúng Sát-đế-ly, Hội chúng Bà-la-môn, Hội chúng Gia chủ, Hội chúng Sa-môn, Hội chúng Tứ thiên vương, Hội chúng Tam thập tam thiên, Hội chúng Māra, Hội chúng Phạm thiên. Này Sāriputta, có tám Hội chúng này. Này Sāriputta, Như Lai thành tựu bốn pháp vô sở úy như vậy, đến gần và vào tám Hội chúng này.

Này Sāriputta, Ta nhớ lại Ta đã đến hàng trăm Hội chúng Sát-đế-ly. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm luận; này Sāriputta, ta thấy không có lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta". Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sāriputta, Ta nhớ lại, Ta đã đến hàng trăm Hội chúng Bà-la-môn... (như trên)... Hội chúng Gia chủ... Hội chúng Sa-môn... Hội chúng Tứ thiên vương... Hội chúng Tam thập tam thiên... Hội chúng Māra... Hội chúng Phạm thiên. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm luận, này Sāriputta, Ta thấy không có một lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta". Này Sāriputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sāriputta, nếu ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy mà còn nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trặc

nghiệm, thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau". Nay Sariputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy; không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên. Nay Sāriputta, như Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu Thiền định, thành tựu trí tuệ có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Nay Sāriputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

068. Bốn sanh loại

Đức Thế Tôn không phải chỉ biết về chúng sanh qua sự thấy của mắt mà còn qua Phật nhãn Ngài thấy biết rõ về các loài hoá sanh:



Kinh Văn

Này Sāriputta, có bốn loại sanh. Thế nào là bốn? Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh.

Này Sāriputta, thế nào là noãn sanh? Nay Sariputta, những loại chúng sanh nào phá vỏ trứng, mà sanh, này Sāriputta như vậy gọi là noãn sanh. Và này Sāriputta, thế nào là thai sanh? Nay Sāriputta, những loại chúng sanh nào phá màn da mỏng che chỗ kín mà sanh, này Sāriputta, như vậy gọi là thai sanh. Và này Sāriputta, thế nào là thấp sanh? Nay Sāriputta, những loại chúng sanh nào sanh ra từ cá thúi, từ xác chết thúi, từ cháo cơm thúi, hay trong hồ nước dơ hay trong ao nước nhớp. Nay Sāriputta, như vậy gọi là thấp sanh. Và này Sāriputta, thế nào là hóa sanh? Chư Thiên, các chúng sanh ở địa ngục, một số thuộc loài người và một số thuộc đạo xứ. Nay Sāriputta, như vậy gọi là hóa sanh.

Này Sāriputta, nếu ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy mà còn nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trặc nghiệm, thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau". Nay Sariputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy; không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên. Nay Sāriputta, như Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu Thiền định, thành tựu trí tuệ có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Nay Sāriputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.



Những điểm cần nhớ

Có những loại chúng sanh có cả hai hình thức sanh nở như loài rắn có cả thai sanh và noãn sanh.

Loài người bình thường ít có khả năng biết về loài hoá sanh. Đây là sanh loại bao gồm nhiều chúng sanh nhất. Những vị có thiên nhãn có thể thấy biết tùy theo định lực riêng.

069. Lục đạo

Không phải chỉ biết về các chúng sanh Đức Phật còn hiểu rõ về đường đi và điểm đến của muôn loài trong đó kể cả hành trình sanh tử và hành trình giải thoát:



Kinh Văn

Này Sāriputta, có năm loại sanh thú này. Thế nào là năm? Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, loài Người, chư Thiên.

(1) Này Sāriputta, Ta tuệ tri địa ngục, con đường đưa đến địa ngục và hành lộ đưa đến địa ngục. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự việc này ta cũng tuệ tri.

(2) Và này Sāriputta, Ta tuệ tri bàng sanh, con đường đưa đến bàng sanh và hành lộ đưa đến bàng sanh. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào bàng sanh, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

(3) Và này Sāriputta, Ta tuệ tri ngạ quỷ, con đường đưa đến ngạ quỷ và hành lộ đưa đến ngạ quỷ. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào ngạ quỷ, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

(4) Và này Sāriputta, Ta cũng tuệ tri loài Người, con đường đưa đến thế giới loài Người và hành lộ đưa đến thế giới loài Người. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào loài Người, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

(5) Và này Sāriputta, Ta cũng tuệ tri chư Thiên, con đường đưa đến Thiên giới và hành lộ đưa đến Thiên giới. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, thế giới này, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

Và này Sāriputta, Ta cũng tuệ tri Niết-bàn, con đường đưa đến Niết-bàn và hành lộ đưa đến Niết-bàn. Tùy theo hành nghiệp, do đoạn trừ các lậu hoặc, sau khi tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, sự việc này, Ta cũng tuệ tri.

(1) Này Sāriputta, ở đây, với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người. Do hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục như vậy. Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy người ấy, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Này Sāriputta, cũng như có một hố than sâu hơn thân người, đầy vun than hừng, không có lửa ngọn, không có khói, và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi khô cổ, đắng họng, khát nước, và đi thẳng đến hố than ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy, có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hố than kia". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia rơi vào hố than ấy và phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Này Sāriputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục như vậy". Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt.

(2) Này Sāriputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào bàng sanh". Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy kẻ ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào bàng sanh, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Này Sāriputta, cũng như có một hố phân, sâu hơn thân người, đầy những phần ứ, và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến hố phân ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hố phân ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia rơi vào hố phân ấy và phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Này Sāriputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta... (như trên)... thống khổ, khốc liệt.

(3) Này Sāriputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào ngã quỷ, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt". Này Sāriputta, cũng như có một cây sống trên miếng đất không bằng phẳng, với lá thưa thớt, với bóng che từng đám thưa thưa. Và một người đi đến bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến cây ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ

như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến cây ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia ngồi hay nằm dưới bóng cây ấy và phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nay Sāriputta, cũng vậy ở đây với tâm của Ta... (như trên)... thống khổ, khốc liệt.

(4) Nay Sāriputta, ở đây với tâm của Ta, Ta biết tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào loài người". Sau một thời gian... Ta thấy người ấy sanh vào loài người, và cảm thọ được nhiều cảm giác lạc thọ. Nay Sāriputta, cũng như có một cây sống trên miếng đất bằng phẳng với lá sum sê, với bóng cây rậm rạp. Và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến cây ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ của người này như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến cây ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia, ngồi hay nằm dưới bóng cây ấy và cảm thọ được nhiều cảm giác lạc thọ. Nay Sāriputta, cũng vậy, ở đây, với tâm của Ta... được nhiều cảm giác lạc thọ.

(5) Nay Sāriputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Sau một thời gian... Ta thấy người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này và cảm thọ những cảm giác cực lạc. Nay Sāriputta, giống như một ngôi lầu, có gác nhọn, có tô vôi cả trong lẫn ngoài, được che gió, có then chốt đóng lại và có các cửa sổ khép kín. Tại đây có một sàng tọa, trải nệm lông dài, trải nệm màu trắng, trải nệm bông có thêu hoa, trải nệm bằng da sơn dương gọi là kadali, có nệm với khuôn màu treo phía trên, có gối dài màu đỏ cả hai đầu. Và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến ngôi lầu ấy. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến ngôi lầu ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia ngồi hay nằm trong ngôi lầu ấy, trong gác nhọn ấy, trên sàng tọa ấy và cảm thọ được nhiều cảm thọ cực lạc. Nay Sāriputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta... được nhiều cảm giác lạc thọ.

(6) Nay Sāriputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát như vậy". Sau một thời gian, Ta thấy vị ấy đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, cảm thọ những cảm giác cực lạc. Nay Sāriputta, giống như một hồ sen có nước trong, có nước ngọt, có nước mát, có nước trong sáng, có bờ hồ khéo sắp đặt, đẹp đẽ, và không xa hồ ấy có khu rừng rậm rạp. Một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến hồ sen ấy. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hồ sen ấy". Sau một

thời gian, người ấy sẽ thấy người kia, sau khi tắm mình vào hồ sen ấy, sau khi tắm rửa, uống nước và làm cho dịu bớt mọi ưu tư, mệt mỏi, phiền não, sau khi ra khỏi hồ liền qua ngòi hay nằm trong rừng cây rậm rạp ấy và cảm thọ những cảm giác cực lạc. Cũng vậy, này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát như vậy". Sau một thời gian, Ta thấy vị ấy đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, cảm thọ những cảm giác cực lạc.

Này Sāriputta, năm loại này là năm sanh thú. Này Sāriputta, có ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy, và nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuộc trải nghiệm". Này Sāriputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, thì người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên. Này Sāriputta, Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Này Sāriputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, thì người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.



Nên cẩn thận

Có hai điểm cần lưu ý ở đây: Thông thường khi nó đến khổ cảnh thì có đề cập đến a tu la (asura). Phật học có đề cập đến hạng chúng sanh này. Tuy nhiên ở đây không nhắc tới vì tánh cách bất định vì có thể sống ở cõi trời hay ngạ quỷ, địa ngục. Có khi biến đổi lúc vui lúc khổ. Hàng a tu la thường được ghi nhận là hung dữ, hiếu chiến, tự thiêu đốt bằng sân tâm.

Lục đạo trong hệ Phật học Hán ngữ thường kể gồm sáu đường sanh tử: Địa ngục, ngạ quỷ, a tu la, bàng sanh, loài người, và chư thiên. Ở đây lục đạo gồm năm đường sanh tử (không kể a tu la) và đường giác ngộ giải thoát.

070. Bản thân Đức Thế Tôn từng trải nghiệm tất cả những phương pháp tu tập

Khi dạy về sự tu tập Đức Thế Tôn không phải suy diễn bằng lý thuyết mà tự thân Ngài trải qua thật sự:



Kinh Văn

Này Sāriputta, Ta thắng tri phạm hạnh, đầy đủ bốn hạnh: về khổ hạnh, Ta khổ hạnh đệ nhất; về bần uế, Ta bần uế đệ nhất; về yếm ly, Ta yếm ly đệ nhất; về độc cư, Ta độc cư đệ nhất.

Này Sāriputta, ở đây, khổ hạnh của Ta như sau: Ta sống lỏa thể, phóng túng, không theo khuôn phép, liêm tay cho sạch, đi khát thực không chịu bước tới, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận mời đi ăn, không nhận đồ ăn từ nơi nồi chảo, không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy, không nhận đồ ăn đặt giữa những cội giã gạo, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men. Ta chỉ nhận đồ ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng, hay chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay chỉ nhận ăn tại bảy nhà, chỉ nhận ăn bảy miếng. Ta nuôi sống chỉ với một chén, nuôi sống chỉ với hai chén, nuôi sống chỉ với bảy chén. Ta chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy Ta sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Ta chỉ ăn cỏ lúa để sống, lúa tặc, gạo lức, ăn hạt cải nivara, ăn da vụn, ăn trấu, uống nước bột gạo, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Ta mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tấm liệm rồi quăng đi, mặc áo phẩn tảo y, mặc vỏ cây tititaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Ta sống nhổ râu tóc, Ta theo tập tục sống nhổ râu tóc, Ta theo hạnh thường đứng không dùng chỗ ngồi, Ta là người ngồi chỗ hỏ, sống tinh tấn theo hạnh ngồi chỗ hỏ. Ta dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sống nằm trên đất trần, thường nằm ngủ một bên hông, sống để bụi và nhóp che dính thân mình, sống và ngủ ngoài trời, theo hạnh bả đầu nằm đáy, sống ăn các uế vật, sống không uống nước lạnh, theo hạnh không uống nước lạnh, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm. Như vậy Ta sống theo hạnh hành hạ, dày vò thân thể theo nhiều cách. Này Sariputta, như vậy là khổ hạnh của Ta.

Này Sāriputta, ở đây hạnh bản uế của Ta như sau: Trên thân Ta, bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng. Như gốc cây tinduka bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng; cũng vậy, này Sāriputta, trên thân Ta bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng. Này Sāriputta, Ta không nghĩ rằng: "Với tay của Ta, Ta hãy phủ sạch bụi bặm này đi, hay những người khác với tay của họ hãy phủ sạch bụi bặm này đi cho Ta". Này Sāriputta, Ta không có nghĩ như vậy. Này Sāriputta, như vậy là sự bản uế của Ta.

Này Sāriputta, như thế này là sự yếm ly của Ta. Này Sāriputta, tỉnh giác, Ta đi tới; tỉnh giác Ta đi lui, Ta an trú lòng từ cho đến trong một giọt nước với tâm tư: "Mong rằng Ta không làm hại một chúng sanh nhỏ nào trong những ác đạo của họ!" Này Sāriputta, như vậy là sự yếm ly của Ta.

Này Sāriputta, như thế này là sự độc cư của Ta. Này Sāriputta, Ta đi sâu vào một khu rừng và an trú tại chỗ ấy. Khi Ta thấy người chăn bò, người mục súc, người cắt cỏ, người đốn củi hay người thợ rừng, Ta liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Vì sao vậy? Ta nghĩ rằng: "Mong họ đừng thấy Ta, và mong Ta đừng thấy họ!" Này Sāriputta, giống như một con thú rừng thấy người liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Cũng vậy, này Sāriputta, khi Ta thấy người chăn bò, người mục súc, người cắt cỏ, người đốn củi, hay người tiều phu, Ta liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Vì sao vậy? Ta nghĩ rằng: "Mong họ đừng thấy Ta, và mong Ta đừng thấy họ!" Này Sāriputta, như vậy là hạnh độc cư của Ta.

Này Sāriputta, rồi Ta bò bốn chân đến các chuồng bò, khi các con bò cái đã bỏ đi, khi các người chăn bò không có mặt, rồi Ta ăn phân các con bò con, các con bò còn trẻ, các con bò còn bú. Khi nước tiểu và phân của Ta còn tồn tại, Ta tự nuôi sống với các loại ấy. Này Sāriputta, như vậy là hạnh đại bất tịnh thực của Ta.

Này Sāriputta, Ta đi sâu vào một khu rừng rậm rạp kinh hoàng và an trú tại chỗ ấy. Này Sāriputta, tại khu rừng rậm rạp kinh hoàng này, những ai còn tham ái đi vào khu rừng rậm rạp ấy, thời lông tóc người ấy dựng ngược. Này Sāriputta, rồi Ta trong những đêm đông lạnh lẽo, giữa những ngày mỏng tấm, khi có tuyết rơi, trong những đêm như vậy, Ta sống giữa trời, và ban ngày sống trong khu rừng rậm rạp. Ta sống trong những ngày cuối tháng hè, ban ngày thì sống giữa trời, còn ban đêm trong khu rừng rậm rạp. Rồi này Sāriputta, những bài kệ kỳ diệu từ trước chưa từng được nghe sau đây được khởi lên:

Nay bị thiêu đốt, bị buốt lạnh, Cô độc sống trong rừng kinh hoàng, Trần truồng, Ta ngồi không lửa ấm, Ân sĩ, trong lý tưởng đăm chiêu.

Này Sāriputta, Ta nằm ngủ trong bãi tha ma, dựa trên một bộ xương. Này Sāriputta, những đũa mực đồng đến gần Ta, khắc nhỏ trên Ta, tiểu tiện trên Ta, rắc bụi trên Ta và lấy que đâm vào lỗ tai. Này Sāriputta, và Ta biết Ta không khởi ác tâm đối với chúng. Này Sāriputta, như vậy là hạnh trú xả của Ta.

Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh đạt được nhờ món ăn". Họ nói: "Chúng ta sống nhờ trái táo", và họ ăn trái táo, họ ăn bột táo, họ uống nước trái táo dưới nhiều hình thức. Này Sāriputta, Ta tự xưng Ta sống chỉ ăn một trái táo. Này Sāriputta, có thể các Người nghĩ như sau: "Trái táo thời ấy to lớn". Này Sāriputta, chớ có hiểu như vậy. Vì trái táo thời ấy giống với trái táo hiện tại. Này Sāriputta, trong khi Ta sống chỉ ăn một trái táo, thân thể của Ta trở thành hết sức ốm yếu. Vì Ta ăn quá ít, tay chân Ta trở thành như những cọng cỏ hay những đọt cây leo khô héo. Vì Ta ăn quá ít, bàn tròn của Ta trở thành như móng chân con lạc đà. Vì Ta ăn quá ít, các xương sống phô bày của Ta giống như một chuỗi banh. Vì Ta ăn quá ít, các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột nhà sàn hư nát. Vì ta ăn quá ít, nên con người của Ta long lanh nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu. Vì Ta ăn quá ít, da đầu Ta trở thành nhăn nheo khô cằn như trái bí trắng và đáng bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nheo khô cằn. Này Sāriputta, nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ da bụng" chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ xương sống", thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên này Sāriputta, da bụng của Ta bám chặt xương sống. Này Sāriputta, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện hay đi tiểu tiện", thì Ta ngã quy úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít. Này Sāriputta, nếu Ta muốn thoa dịu thân Ta, lấy tay xoa bóp chân tay, thì này Sāriputta, trong khi Ta lấy tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít.

Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh đạt được nhờ món ăn". Họ nói: "Chúng ta sống nhờ đậu xanh... (như trên)... chúng ta sống nhờ vừng mè... (như trên)... chúng ta sống nhờ hạt gạo", và họ ăn hạt gạo, họ ăn hạt gạo nghiền thành bột, họ uống nước gạo, và họ ăn hạt gạo dưới nhiều hình thức. Này Sāriputta, Ta tự xưng Ta sống chỉ ăn một hạt gạo. Này Sāriputta, có thể các Người nghĩ như sau: "Hạt gạo thời ấy to lớn". Này Sāriputta, chớ có hiểu như vậy. Vì hạt gạo thời ấy giống với hạt gạo hiện tại. Này Sāriputta, trong khi Ta chỉ sống ăn một hạt gạo, thân thể của Ta trở thành hết sức ốm yếu. Vì Ta ăn quá ít, tay chân Ta trở thành như những cọng cỏ hay những đọt cây leo khô héo. Vì Ta ăn quá ít, bàn tròn của Ta trở thành như móng chân con lạc đà. Vì Ta ăn quá ít, xương sống phô bày của Ta giống như một chuỗi banh. Vì Ta ăn quá ít các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột của một nhà sàn hư nát. Vì Ta ăn quá ít, con người long lanh của Ta nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu. Vì Ta ăn quá ít, da đầu Ta trở thành nhăn nheo, khô cằn như trái bí trắng và đáng bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nheo, khô cằn. Này Sāriputta, nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ da bụng", thì chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ xương sống", thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta

ăn quá ít, nên này Sāriputta, da bụng của Ta bám chặt xương sống. Này Sāriputta, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện hay đi tiểu tiện", thì Ta ngã qu? úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít. Này Sāriputta, nếu Ta muốn xoa dịu thân Ta, lấy tay xoa bóp chân tay, thời này Sāriputta, trong khi Ta lấy tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít.

Này Sāriputta, dầu Ta có theo cử chỉ như vậy, theo hành lộ như vậy, theo khổ hạnh như vậy, Ta cũng không chứng được các pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Vì sao vậy? Vì với những phương tiện ấy, không chứng được pháp thượng nhân với Thánh trí tuệ. Chính Thánh trí tuệ này chứng được thuộc về bậc Thánh, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau.

Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ luân hồi". Này Sāriputta, thật không dễ gì tìm được sự luân hồi mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị Tịnh cư thiên (Suddhavasa). Này Sāriputta, nếu Ta luân hồi tại Tịnh cư thiên thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ sanh khởi". Này Sāriputta, thật không dễ gì tìm được sự sanh khởi mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị Tịnh cư thiên. Này Sāriputta, nếu Ta sanh khởi tại Tịnh cư thiên, thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ an trú". Này Sāriputta, thật không dễ gì tìm được sự an trú mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị Tịnh cư thiên. Này Sāriputta, nếu Ta an trú tại Tịnh cư thiên, thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ tế tự". Này Sāriputta, thật không dễ gì tìm được sự tế tự mà xưa kia Ta không làm trong một thời gian khá dài khi ta-là vị vua Sát-đế-lị có làm lễ quán đảnh hay làm vị Bà-la-môn giàu có.

Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ thờ lửa". Này Sāriputta, thật không dễ gì tìm được sự thờ lửa mà xưa kia Ta không làm trong một thời gian khá dài, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh, hay làm vị Bà-la-môn giàu có.



Những điểm cần nhớ

Khổ hạnh là sự khắc kỷ đến mức tận cùng. Trên lý thuyết, và quan niệm phổ cập của quần chúng, đó là sự tu tập cao cả nhất. Trước khi thành đạo Đức Phật đã trải nghiệm tất cả pháp khổ hạnh ở mức độ cao nhất. Cuối cùng Ngài nhận thấy sự vô ích đã chọn con đường trung đạo.

Chủ trương luân hồi tịnh hoá và tế tự cũng là hai quan điểm chấp trì lớn trong tín ngưỡng. Đức Thế Tôn khẳng định Ngài không những hiểu rõ mà còn tự thân trải nghiệm trong thời gian dài với sự chuyên tâm,

071. Quảng đời dài đã trải qua, tuệ giác vẫn vậy

Tuệ giác của Như Lai vốn bất động, bất thoái, bất suy giảm theo thời gian cho dù đến những ngày tháng cuối đời:



Kinh Văn

Này Sāriputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "Khi một thiếu niên còn trẻ tuổi, tóc đen nhánh, huyết khí sung mãn, trong tuổi thanh xuân, người ấy thành tựu trí tuệ biện tài tối thượng. Nhưng khi người ấy già cả, niên cao, lạp lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi đến đoạn cuối cuộc đời, khi đã tám mươi, chín mươi hay một trăm tuổi, khi ấy trí tuệ biện tài tối thượng ấy bị đoạn trừ". Này Sāriputta, chớ có quan niệm như vậy. Này Sāriputta, nay Ta đã già, niên cao, lạp lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi đến đoạn cuối cuộc đời, tuổi Ta nay đã đến tám mươi. Này Sāriputta, ở đây Ta có bốn vị đệ tử, tuổi thọ đến một trăm, đã sống một trăm tuổi, thành tựu chánh niệm đệ nhất, thành tựu chuyên tâm đệ nhất, thành tựu tinh cần đệ nhất và đầy đủ trí tuệ biện tài tối thượng. Này Sāriputta, ví như một người bắn cung thiện xảo, có huấn luyện, khéo tay, thuần thực, với một mũi tên nhẹ, có thể dễ dàng bắn ngang qua bóng một cây ta-la. Cũng vậy, những vị này với chánh niệm đệ nhất như vậy, được thành tựu trí tuệ biện tài tối thượng như vậy, nếu những vị này hỏi Ta nhiều lần một câu hỏi về Bốn Niệm xứ, và nếu Ta, được hỏi nhiều lần như vậy, phải giải thích cho họ hiểu và nếu họ được Ta giải thích như vậy, có thể hiểu như đã giải thích, và nếu họ không hỏi Ta về những vấn đề phụ thuộc và các vấn đề khác, trừ khi ăn, uống, nhai, nếm, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức. Này Sāriputta, dầu vậy, sự thuyết pháp của Như Lai cũng chưa hoàn tất, sự giải thích cú pháp của Như Lai cũng chưa hoàn tất, sự trả lời các câu hỏi của Như Lai cũng chưa hoàn tất, khi mà bốn đệ tử của Ta, tuổi thọ đến một trăm tuổi, đã sống một trăm tuổi, đã từ trần sau một

trăm tuổi. Nay Sāriputta, nếu Ông có gánh Ta trên giường đi chỗ này chỗ kia, thật sự trí tuệ biện tài của Như Lai không có gì thay đổi.

Nay Sāriputta, những ai nói một cách chân chánh sẽ nói như sau: "Một vị hữu tình không bị si chi phối, đã sanh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người". Vị ấy sẽ nói về Ta một cách chân chánh như sau: "Một vị hữu tình không bị si chi phối, đã sanh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người".

Lúc bấy giờ Tôn giả Nāgasamāla đứng sau lưng Thế Tôn và quạt cho Ngài! Tôn giả Nāgasamāla bạch Thế Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Sau khi nghe pháp môn này, lông tóc con dựng ngược. Bạch Thế Tôn, pháp môn này tên gọi là gì?

-- Nay Nāgasamāla, do vậy pháp môn này gọi là "Pháp môn Lông tóc dựng ngược". Ông hãy như vậy thọ trì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Nāgasamāla hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Phân đoạn & chú thích: Tỳ Kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

**Kinh số 12 [tóm tắt]
Đại Kinh Sư Tử Hống
(Mahāsīhanāda Sutta)
(M.i, 68)**

Sunakkhatta mới từ bỏ Pháp và Luật này, phê bình đức Phật như sau: “Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng, xứng bậc Thánh, thuyết pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trác nghiệm, thuyết cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau”. Sāriputta thuật lại cho Thế Tôn về lời chỉ trích này, Thế Tôn nói rằng Sunakkhatta là kẻ phần nộ ngu si, nói lời tán thán chớ không phải chỉ trích khi nói rằng Sa-môn Gotama thuyết pháp cho một mục đích đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau.

Thế Tôn nói Sunakkhatta không biết được bốn tùy pháp, mười Như Lai lực, bốn không sợ hãi của Như Lai, tám học chúng, bốn loại sanh, năm loại thú, bốn hạnh đệ nhất của

đức Phật: Khổ hạnh, bần uế, yếm ly, độc cư. Cuối cùng đức Phật nói đến một số kiến giải sai lầm của các ngoại đạo và thái độ đức Phật đối với các kiến giải.

1/ Tùy pháp: Thế Tôn nói Sunakkhatta không biết được bốn tùy pháp của Như Lai (dhammanvaya)

- a) Như Lai với mười danh hiệu.
- b) Như Lai chứng Thần túc thông.
- c) Như Lai chứng Thiên nhĩ thông.
- d) Như Lai chứng Tha tâm thông.

2/ Mười Lực:

- a) Như thật quán tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ;
- b) Như thật quán tri quả báo các nghiệp trong ba đời;
- c) Như thật quán tri con đường đưa đến tất cả cảnh giới;
- d) Như thật quán tri thế giới (loka) với nhiều giới (dhātu) sai khác nhau;
- e) Như thật quán tri chí hướng sai biệt các loài chúng sanh;
- f) Như thật quán tri những căn thượng hạ các loài chúng sanh, các loài người;
- g) Như thật quán tri sự nhiễm ô, sự thanh tịnh, sự xuất khỏi các thiện chứng về thiên, giải thoát, định;
- h) Nhớ đến các đời quá khứ;
- i) Chứng được Thiên nhãn thông;
- k) Lậu tận thông.

3/ Bốn không sợ hãi: Không một ai có thể chỉ trích Như Lai đúng pháp rằng:

- a) Các pháp Như Lai chưa được chứng ngộ hoàn toàn lại tự mình xưng là đã chứng ngộ hoàn toàn;
- b) Các lậu hoặc chưa được đoạn trừ mà Như Lai cho là đã đoạn trừ;

c) Các pháp Như Lai gọi là chướng pháp, thật sự không phải là chướng ngại pháp;

d) Pháp Như Lai thuyết giảng không đưa đến mục tiêu đặc biệt, không thể dẫn người thực hành đoạn tận khổ đau.

Vì Như Lai thấy không ai có lý do gì để chỉ trích Ngài như vậy, nên Ngài không có sợ hãi.

4/ Tám hội chúng:

a) Hội chúng Sát-đế-ly;

b) Hội chúng Bà-la-môn;

c) Gia chủ;

d) Sa-môn;

e) Bốn Thiên vương;

f) Tam thập tam thiên;

g) Māra;

h) Phạm thiên.

Do Như Lai thành tựu bốn vô sở úy nên dù cho đến hội chúng nào, Như Lai cũng không có sợ hãi, đạt được an ổn.

5/ Bốn loại sanh xứ (yoni):

a) Noãn sanh xứ;

b) Thai sanh xứ;

c) Thấp sanh xứ;

d) Hóa sanh xứ.

Noãn sanh xứ là những loài hữu tình phá vỏ trứng mà sanh. Thai sanh là những hữu tình phá màn da mỏng che chỗ kín mà sanh. Thấp sanh là các loài hữu tình sanh ra từ cá

thúi, xác chết thúi, cháo cơm thúi, hồ nước nhớp. Hóa sanh là chư Thiên, các chúng sanh ở địa ngục, một số loài người và một số thuộc đọa xứ.

6/ Năm loại sanh thú: Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, loài người, chư Thiên.

a) Thế Tôn biết năm sanh thú này và con đường đưa đến năm loài sanh thú này;

b) Như Lai thấy một hạng người do hạnh nghiệp như vậy, phải đọa vào ác thú, địa ngục, phải chịu khổ như vậy;

c) Như Lai biết và thấy một hạng người, do hạnh nghiệp như vậy, sau khi chết, sanh vào bàng sanh;

d) Như Lai biết và thấy một hạng người, do hạnh nghiệp như vậy, sau khi chết, sanh vào ngạ quỷ;

e) Như Lai biết và thấy một số người do hạnh nghiệp như vậy, sẽ sanh vào loài người, cảm giác lạc thọ;

f) Như Lai biết và thấy một hạng người do hạnh nghiệp như vậy, sẽ vào thiên giới, cảm giác cực lạc.

g) Như Lai biết và thấy một hạng người đoạn trừ các lậu hoặc, được tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chứng quả A-la-hán.

7/ Bốn hạnh: Như Lai đầy đủ bốn hạnh là khổ hạnh đệ nhất, bần uế đệ nhất, yếm ly đệ nhất, độc cư đệ nhất.

8/ Như Lai sống theo chủ thuyết của một số Sa-môn, Bà-la-môn cho rằng thanh tịnh đạt được nhờ:

a) Món ăn;

b) Nhờ luân hồi;

c) Nhờ Sa-môn, Bà-la-môn cho rằng chỉ có khi tuổi trẻ, trong tuổi thanh xuân mới thành tựu trí tuệ, hiện tại tối thượng, còn người già, đã đến cuối cuộc đời thì trí tuệ hiện tại ấy diệt.

Như Lai chứng tỏ dù Ngài đã 80 tuổi, có bốn đệ tử tuổi thọ đến 100, chánh niệm đệ nhất, trí tuệ hiện tại đệ nhất. Như Lai luôn luôn trả lời các câu hỏi cho các vị này không biết mệt mỏi. Và dù Như Lai có bị đặt trên giường và khiêng đi, trí tuệ hiện tại của Như Lai không thay đổi. Rồi đức Phật kết luận những ai nói về đức Phật, nếu nói chân chánh sẽ nói như sau, một vị hữu tình không bị si chi phối, đã sanh ra ở đời vì hạnh phúc của

chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người.

Tôn giả Nāgasamāla hỏi Thế Tôn kinh này gọi là gì, Thế Tôn đáp pháp môn này là lòng tóe dựng ngược.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

**Kinh số 12 [dàn ý]
Đại Kinh Sư Tử Hống
(Mahāsīhanāda Sutta)
(M.i, 68)**

A. Duyên khởi:

Sunakkhatta chỉ trích Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Tôn giả Sriputta tường thuật lên Thế Tôn rõ lời chỉ trích này, nên Thế Tôn thuyết giảng kinh này.

B. Chánh kinh:

I. Thế Tôn phê bình Sunakkhatta là ngu si, nghĩ rằng nói xấu Đức Phật nhưng chính là nói lời tán thán Thế Tôn và không biết 4 tùy pháp về Đức Phật.

II. 10 lực của Như Lai.

III. 4 vô sở úy.

IV. Thế Tôn đi đến 8 hội chúng không có sợ hãi.

V. Thế Tôn đối với:

1. Bốn loại sanh.

2. Năm loại sanh thú.

VI. Thế Tôn khổ hạnh, bần uế, yếm ly, độc cư đệ nhất, đại bất tịnh thực, khổ hạnh đối với thời tiết, hạnh xả ly.

VII. Như Lai đối với 7 tà kiến, giới cấm thủ của ngoại đạo, và nói về trí tuệ của Như Lai lúc 80 tuổi.

VIII. Như Lai đặt tên cho kinh này.

C. Kết luận:

Tôn giả Nāgasamāla hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 12 [toát yếu] Đại Kinh Sư Tử Hống (Mahāsīhanāda Sutta) (M.i, 68)

I. TOÁT YẾU

Mahāsīhanāda Sutta - The greater discourse on the lion's roar.

The Buddha expounds the ten powers of a Tathāgata, his four kinds of intrepidity, and other superior qualities which entitle Him to "roar his lion's roar in the assemblies".

Bài kinh dài nói về tiếng rống sư tử.

Phật giảng về Mười lực của một đức Như Lai, Bốn vô úy và những đức thù thắng khác; nhờ đó Ngài đủ tư cách "rống tiếng rống sư tử" trong các hội chúng.

II. TÓM TẮT

Tôn giả Xá-lợi-phất đi khát thực, về bạch lại với Phật lời rêu rao của Sunakkhatta vừa mới bỏ tu: "Sa môn Gotama không có tri kiến thù thắng, thuyết pháp do mình tạo ra sau khi suy luận, trắc nghiệm. Pháp ấy nhằm đến một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành đến chỗ đoạn tận khổ đau." Phật mỉm cười dạy: "Kẻ ngu ấy vì phần nộ muốn chỉ trích mà lại hóa ra ca tụng Như Lai." Phần còn lại của Kinh này cho thấy sự chỉ trích của Sunakkhatta là sai lạc. Những ai có lòng tin tuyệt đối sẽ thấy ngược lại, Phật là đáng có mười lực, bốn vô úy và nhiều năng lực khác.

A. Tùy pháp về Như Lai:

1. Phật đủ mười hiệu là Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng giác, vân vân.
2. Ngài đã chứng các thần thông như biến hóa, thiên nhĩ thông, tha tâm thông...

3. Nhờ đã thành tựu mười lục và bốn vô úy, mà Như Lai tự nhận địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống sư tử giữa các hội chúng và chuyển bánh xe Pháp.

B. Những pháp Ngài đã tuệ tri: như bốn sinh, năm thú và con đường đưa đến đấy; Niết-bàn và đường đưa đến Niết-bàn.

C. Phạt kể lại những khổ hạnh Ngài đã tu tập: như hành hạ thân xác, hạnh bồn ướ, hạnh yếm ly, hạnh độc cư; trong cả 4 hạnh ấy không ai sánh được với Ngài, nhưng cuối cùng Ngài từ bỏ vì chúng không đưa đến chứng đắc trí tuệ.

D. Cuối cùng, Ngài bác bỏ những chủ trương sai lầm của ngoại đạo: như chủ trương chúng sinh đạt thanh tịnh nhờ luân hồi, nhờ tái sinh, nhờ an trú (trong một loại tái sinh nào đó), nhờ tế tự, nhờ thờ lửa. Phật cho biết không có cõi luân hồi nào ở đấy Ngài đã không trải qua một thời gian khá dài, không có cõi nào Ngài chưa từng tái sinh, an trú, chỉ trừ cõi trời Tịnh cư. Nếu Ngài tái sinh vào cõi Tịnh cư thì Ngài đã không trở lại thế gian này. Ngài cũng đã làm tất cả những việc tế tự, thờ lửa trong một thời gian dài lúc còn làm vua dòng Sát đế lợi, hay làm Bà-la-môn giàu có [nhưng không ích lợi gì].

Ngoại đạo cho rằng khi còn trẻ tuổi, người ta có trí tuệ, biện tài, nhưng về già thì lú lẫn. Ở trong giáo pháp của Phật thì không thế, Ngài có bốn đệ tử đã trên trăm tuổi mà vẫn đầy đủ trí tuệ biện tài. Và bản thân Ngài cũng thế, dù tuổi đã tám mươi, Ngài vẫn thừa sức giảng dạy cho những vị trí tuệ biện tài bậc nhất, và trí tuệ Ngài không sút giảm dù có phải bị gánh trên giường đi chỗ này chỗ kia (khi đã quá già yếu). Ai nói về đức Như Lai một cách chân chính sẽ nói rằng: "Ngài là vị hữu tình không còn si ám, sinh ra đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sinh, vì an lạc cho chư thiên và loài người." Một điểm lý thú là kết luận kinh này. Tôn giả Nagasamala lúc ấy đang đứng sau lưng Phật mà quạt cho Ngài. Sau khi nghe Phật kể về thời gian tu khổ hạnh, về những gì Phật đã thành tựu, tôn giả cả cảm khái đến rón óc, và bạch Phật: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn. Sau khi nghe kinh này, lông tóc con dựng ngược. Bạch Thế Tôn, kinh này tên gì?" Phật dạy, "Thế thì hãy gọi là kinh Lông tóc dựng ngược."

III. CHÚ GIẢI

Sunakkhata, Phật giảng dạy vị này trong Kinh Sunakkhata, Trung bộ kinh 105, có lẽ trước khi ông gia nhập tăng đoàn. Việc thối thất của ông được nói trong Kinh Pàtika thuộc trường bộ 24. Ông bất mãn bỏ về vì Phật không biểu diễn thần thông cho ông xem, cũng không giải đáp cho ông về khởi nguyên các pháp. Cốt lõi lời chỉ trích của Sunakkhata là Phật đắc đạo nhờ tư duy chứ không phải nhờ trí tuệ siêu việt; và theo ông ta, mục đích diệt tận đau khổ không bằng có được các loại thần thông.

Tạp nhiễm, sankilesa - là dự phần vào thói giảm, "thanh tịnh" vodana, là dự phần vào tăng tiến; "xuất khởi" - vutthana - vừa có nghĩa tịnh hóa vừa có nghĩa ra khỏi một thiện chứng.

Mười danh hiệu Phật: Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiên thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.

Mười lực là:

1. Trí biết thị xứ phi xứ [do thấy rõ tương quan nhân quả, nên biết được cái gì có thể xảy đến, không thể xảy đến.]
2. Trí biết nghiệp báo trong cả ba thời quá, hiện, vị lai.
3. Biết con đường đưa đến các cảnh giới.
4. Biết tất cả yếu tố tạo thành thế gian [nói rõ trong kinh Trung bộ 115.]
5. Biết chí hướng sai biệt của các loại hữu tình; biết các hạng chúng sinh thượng, trung, hạ, chúng thu hút lẫn nhau do luật đồng thanh đồng khí.
6. Biết căn mạnh hay yếu nơi chúng sinh - tức 5 căn tín tấn niệm định tuệ.
7. Tuệ tri sự tạp nhiễm, thanh tịnh, sự xuất khởi các thiên chúng về thiên, giải thoát, định.
8. Trí biết tất cả kiếp trước của bản thân gọi là túc mạng trí.
9. Trí biết sự sống chết của chúng sinh tùy theo nghiệp hay sinh tử trí.
10. Lậu tận trí, sạch hết tất cả nhiễm ô. [Hán văn: 1. Tri thị xứ phi xứ lực; 2. Tri tam thế nghiệp báo lực; 3. Tri nhất thiết đạo trí lực; 4. Tri thế gian chủng chủng tính lực; 5. Tri tha chúng sinh chủng chủng dục lực; 6. Tri tha chúng sinh chư căn thượng hạ lực; 7. Tri chư thiên tam muội lực; 8. Túc mạng trí; 9. Sinh tử trí; 10. Lậu tận trí.]

Bốn vô úy:

1. Phật không lo sợ bất cứ ai trên đời chỉ trích Ngài chưa chứng mà mạo nhận.
2. Không sợ ai chỉ trích Ngài chưa đoạn trừ lậu hoặc mà tự cho đã đoạn trừ.
3. Những gì Ngài dạy chứng ngại đạo chắc chắn là chứng ngại, không sợ ai nói ngược lại.
4. Pháp Ngài dạy chắc chắn dẫn đến đoạn tận đau khổ, không ai có thể bảo là không.

Nagasamala là thị giả Phật trong 20 năm đầu sau khi Ngài ra giáo hoá.

IV. PHÁP SỐ

Bốn khổ hạnh: khổ hạnh, bần uế, viễn ly, độc cư.

Bốn vô úy

Bốn sinh: noãn, thai, thấp, hóa.

Năm thú: năm chỗ mà sự tái sinh hướng đến, là trời (gồm a tu la), người, địa ngục, nga quỷ, bàng sinh.

Sáu thông

Tám giải thoát được kể trong các kinh Trung bộ 77 và 137.

Tám hội chúng: Sát lợi, bà-la-môn, gia chủ, sa môn, tứ thiên vương, ma vương và phạm thiên, tam thập tam thiên.

Chín định là 4 thiền, 4 không và diệt thọ tưởng.

Mười danh hiệu Phật

Mười lực

Mười hai nhân duyên

V. KỆ TỤNG

A. Nguyên nhân thuyết kinh này

Một người từ bỏ Pháp
Tên Su-na-khat-ta
Rêu rao: "Gô-ta-ma
Không có thượng nhân pháp
Ngài chỉ có giảng dạy

Một con đường diệt khổ
Chính Ngài đã tỏ ngộ
Khiến tận diệt khổ đau.
" Xá-lợi-phát thuật lại
Phật nghe, chỉ mỉm cười:
"Kẻ ngu muốn chê bai

Trở thành khen Như Lai."

B. Mười lực Phật

Đối với kẻ ngu si
Sẽ không có tùy pháp:
"Ngài là đức Như Lai
Đầy đủ mười tôn hiệu:

Là bậc A-la-hán
Là đẳng Chánh đẳng giác
Là đẳng Minh hạnh túc
Thiện thế, Thế gian giải
Là đẳng Vô thượng sĩ
Đẳng Điều ngự trượng phu
Đẳng Thiên nhân sư, Phật
Thế Tôn, quý nhất đời.
Đối với kẻ ngu si
Sẽ không có tùy pháp
Về mười Như Lai lực
Phật như thật chứng tri:
Ngài có thân túc thông
Biến hình nhiều thể loại
Ngài đặc thiên nhĩ thông
Nghe đủ tiếng các loài.
Ngài có tha tâm thông
Tự tâm biết tâm khác
Đi sâu vào tâm niệm
Của vô số sinh loài
Với mười Như Lai lực
Phật rống tiếng Sư tử
Chuyển xe Pháp thanh tịnh
Thành địa vị Ngưu vương.
"Thị xứ phi xứ lực"
Việc có, không xảy ra
Phật đều biết tỏ tường
Nhờ liễu tri nhân quả.
"Biết nghiệp báo ba đời"
"đường đến các cảnh giới"
"Các căn tính chúng sinh"
Cùng "khuyh hướng mọi loài."
"Biết căn tu mạnh, yếu"
- tinh tấn niệm định tuệ -

"Biết các thiền, giải thoát"
- chư thiền tam muội lục.
Ngài đặc "túc mệnh trí"
biết các đời trước mình
Và đặc "sinh tử trí"
Biết sống chết chúng sinh
Cuối cùng "lậu tận trí"
Là trí sạch ô nhiễm
Nhu Lai đã thân chứng
Thành Vô thượng bồ đề.
Ngài rống tiếng sư tử
Chuyển xe Pháp thanh tịnh
Ở giữa tám hội chúng:
Sát lợi, Bà-la-môn
Gia chủ và sa môn
Hội chúng Tứ thiên vương
Ma vương và Phạm thiên
Cùng Tam thập tam thiên.
Giữa tám hội chúng ấy
Ngài thuyết pháp vô ngại
Nhờ đặc mười tự tại
Và bốn Không sợ hãi:

C. Bốn vô úy

Không sợ ai chỉ trích
"Chưa chứng nói đã chứng"
Vì Như Lai hoàn toàn
Thâm nhập pháp sở chứng.
Không sợ ai chỉ trích
"Chưa đoạn nói đã đoạn"
Vì Như Lai thực sự
Đã trừ sạch nhiễm ô.
Không sợ ai bác bỏ
"Chướng đạo, chướng gì đâu?"
Vì Như Lai biết rõ
Có dục, không giải thoát.
Không sợ ai phản bác
"Pháp Ngài không giải thoát"
Vì Pháp Như Lai dạy
Thực tận diệt khổ đau.

D. Bốn sinh, Năm thú

"Trứng sinh" và "thai sinh",
"Thấp sinh" và "hóa sinh"
- Hóa sinh ở nhiều cõi -
Ấy là bốn sinh loài.
Năm cõi là địa ngục,
Bàng sinh và ngã quỷ
Loài người và chư thiên,
Đây năm cõi tái sinh.
Nhu Lai biết thấy rõ
Cõi nào đời nghiệp nào
Ngài cũng tuệ tri được
Niết-bàn và hành lộ.

E. Bốn khổ hạnh: khổ, bần uế, độc cư, yếm ly

Không một khổ hạnh nào
Phật không từng tu tập
Nhu ngoại đạo đang hành
Và vượt xa hơn chúng.
Không hạnh ở đơ nào
Phật chưa từng sống qua
Nhu ngoại đạo đang sống
Ngài vượt họ rất xa.
Ngài đã từng độc cư
Nơi tuyệt dấu người ta
Ổng yếm ly, tỉnh giác
Trải tâm từ lan xa.
Ở trong bãi tha ma
Đêm nằm gối xương ngủ
Mục đồng đến khạc nhổ
Trú xả, không kêu ca.
Vì Ngài ăn quá ít
Thân chỉ còn xương, da
Dù khổ hạnh tối đa
Không chứng thượng nhân pháp.
Bởi thế, đây toàn là
Sai lầm của ngoại đạo
Mà Phật đã trải qua
Các đời kiếp lâu xa:
Tái sinh vô số lần,
Tế tự và thờ lửa

Tái sinh cõi này kia
Vói hy vọng giải thoát.
Phật chứng lý Trung đạo
Từ bỏ các cực đoan
Hưởng lạc và ép xác
Trường tồn và đoạn diệt
Đạt hoàn toàn giải thoát
Và trí tuệ biện tài
Không tranh chấp cùng ai
Vì không còn thù trước.
"Không bị si chi phối
Ngài đã sinh ra đời
Vì hạnh phúc an lạc
Cho tất cả muôn loài
Vì lòng thương tưởng đời
Cả chư thiên, loài người."
Một hữu tình như vậy
Chính là đức Như Lai.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

-ooOoo-

12. Mahāsīhanādasuttam [Mūla]

146. Evaṃ me sutam : ekaṃ samayaṃ Bhagavā vesāliyaṃ viharati bahinagare aparapure vanasaṇḍe. Tena kho pana samayena sunakkhatto licchaviputto acirapakkanto hoti imasmā dhammavinayā. So vesāliyaṃ parisati [parisatiṃ (sī. pī.)] evaṃ [etaṃ (pī. ka.)] vācaṃ bhāsati : "natthi samaṇassa gotamassa uttari [uttariṃ (pī.)] manussadhammā alamariyañāṇadassanaviseso. Takkapariyāhataṃ samaṇo gotamo dhammaṃ deseti vīmaṃsānucaritaṃ sayamṃpaṭibhānaṃ. Yassa ca khvāssa atthāya dhammo desito so niyyāti takkarassa sammā dukkhakkhayāyāti. Atha kho āyasmā sārīputto pubbaṇhasamayaṃ nivāsetvā pattacīvaramādāya vesāliṃ piṇḍāya pāvīsi. Assosi kho āyasmā sārīputto sunakkhattassa licchaviputtassa vesāliyaṃ parisati evaṃ vācaṃ bhāsamānassa : "natthi samaṇassa gotamassa uttarimanussadhammā alamariyañāṇadassanaviseso. Takkapariyāhataṃ samaṇo gotamo dhammaṃ deseti vīmaṃsānucaritaṃ sayamṃpaṭibhānaṃ. Yassa ca khvāssa atthāya dhammo desito so niyyāti takkarassa sammā dukkhakkhayāyāti.

Atha kho āyasmā sārīputto vesāliyaṃ piṇḍāya caritvā pacchābhataṃ piṇḍapātaṭikkanto yena Bhagavā tenupasaṅkami upasaṅkamtivā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho āyasmā sārīputto bhagavantaṃ etadavoca : "sunakkhatto, bhante, licchaviputto acirapakkanto imasmā dhammavinayā. So vesāliyaṃ parisati evaṃ vācaṃ bhāsati : 'natthi samaṇassa gotamassa uttarimanussadhammā alamariyañāṇadassanaviseso. Takkapariyāhataṃ samaṇo gotamo dhammaṃ deseti vīmaṃsānucaritaṃ sayamṃpaṭibhānaṃ. Yassa ca khvāssa atthāya dhammo desito so niyyāti takkarassa sammā dukkhakkhayāyāti.

147. "Kodhano heso, sārīputta, sunakkhatto moghapuriso. Kodhā ca panassa esā vācā bhāsītā. 'Avaṇṇaṃ bhāsissāmīti kho, sārīputta, sunakkhatto moghapuriso vaṇṇaṃyeva tathāgatassa bhāsati . Vaṇṇo heso, sārīputta, tathāgatassa yo evaṃ vadeyya : 'yassa ca khvāssa atthāya dhammo desito so niyyāti takkarassa sammā dukkhakkhayāyāti. "Ayampi hi nāma, sārīputta, sunakkhattassa moghapurissassa mayi dhammanvayo na bhavissati : 'itipi so Bhagavā arahaṃ sammāsambuddho vijjācaraṇasampanno sugato lokavidū anuttaro purisadammasārathi, satthā devamanussānaṃ, buddho Bhagavāti. "Ayampi hi nāma, sārīputta, sunakkhattassa moghapurissassa mayi dhammanvayo na bhavissati : 'itipi so Bhagavā anekavihitaṃ iddhividhaṃ paccanubhoti : ekopi hutvā bahudhā hoti, bahudhāpi hutvā eko hoti āvibhāvaṃ, tirobhāvaṃ tirokuttaṃ tiropākāraṃ tiropabbataṃ asajjamāno gacchati, seyyathāpi ākāse pathaviyāpi ummujjanimujjaṃ karoti, seyyathāpi uduke udukepi abhijjamāno gacchati, seyyathāpi pathaviyaṃ ākāsepi pallaṅkena kamati, seyyathāpi pakkhī sakuṇo imepi candimasūriye evaṃmahiddhike evaṃmahānubhāve pāṇinā parimasati parimajjati yāva brahmalokāpi kāyena vasaṃ vattetīti. "Ayampi hi nāma, sārīputta, sunakkhattassa moghapurissassa mayi dhammanvayo na bhavissati : 'itipi so Bhagavā dibbāya sotadhātuyā visuddhāya atikkantamānusikāya ubho sadde suṇāti :

dibbe ca mānuse ca, ye dūre santike cāti. "Ayampi hi nāma, sārīputta, sunakkhattassa moghapurisassa mayi dhammanvayo na bhavissati : 'itipi so Bhagavā parasattānaṃ parapuggalānaṃ cetasā ceto paricca pajānāti : sarāgaṃ vā cittaṃ sarāgaṃ cittanti pajānāti, vītarāgaṃ vā cittaṃ vītarāgaṃ cittanti pajānāti sadosaṃ vā cittaṃ sadosaṃ cittanti pajānāti, vītadosaṃ vā cittaṃ vītadosaṃ cittanti pajānāti samohaṃ vā cittaṃ samohaṃ cittanti pajānāti, vītamohaṃ vā cittaṃ vītamohaṃ cittanti pajānāti saṃkhittaṃ vā cittaṃ saṃkhittaṃ cittanti pajānāti , vikkhittaṃ vā cittaṃ vikkhittaṃ cittanti pajānāti mahaggataṃ vā cittaṃ mahaggataṃ cittanti pajānāti, amahaggataṃ vā cittaṃ amahaggataṃ cittanti pajānāti sauttaraṃ vā cittaṃ sauttaraṃ cittanti pajānāti, anuttaraṃ vā cittaṃ anuttaraṃ cittanti pajānāti samāhitaṃ vā cittaṃ samāhitaṃ cittanti pajānāti, asamāhitaṃ vā cittaṃ asamāhitaṃ cittanti pajānāti vimuttaṃ vā cittaṃ vimuttaṃ cittanti pajānāti, avimuttaṃ vā cittaṃ avimuttaṃ cittanti pajānātīti.

148. "Dasa kho panimāni, sārīputta, tathāgatassa tathāgatabalāni yehi balehi samannāgato tathāgato āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti, parisāsu sīhanādaṃ nadati, brahmacakkaṃ pavatteti. Katamāni dasa? "idha, sārīputta, tathāgato ṭhānañca ṭhānato aṭṭhānañca aṭṭhānato yathābhūtaṃ pajānāti. Yampi, sārīputta, tathāgato ṭhānañca ṭhānato aṭṭhānañca aṭṭhānato yathābhūtaṃ pajānāti, idampi, sārīputta, tathāgatassa tathāgatabalaṃ hoti yaṃ balaṃ āgamma tathāgato āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti, parisāsu sīhanādaṃ nadati, brahmacakkaṃ pavatteti. "Puna caparaṃ, sārīputta, tathāgato atītānāgatapaccuppanānaṃ kammaṃ samādānānaṃ ṭhānaṃso hetuso vipākaṃ yathābhūtaṃ pajānāti. Yampi, sārīputta, tathāgato atītānāgatapaccuppanānaṃ kammaṃ samādānānaṃ ṭhānaṃso hetuso vipākaṃ yathābhūtaṃ pajānāti, idampi, sārīputta, tathāgatassa tathāgatabalaṃ hoti yaṃ balaṃ āgamma tathāgato āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti, parisāsu sīhanādaṃ nadati, brahmacakkaṃ pavatteti. "Puna caparaṃ, sārīputta, tathāgato sabbatthagāminim paṭipadaṃ yathābhūtaṃ pajānāti. Yampi , sārīputta, tathāgato sabbatthagāminim paṭipadaṃ yathābhūtaṃ pajānāti, idampi, sārīputta, tathāgatassa tathāgatabalaṃ hoti yaṃ balaṃ āgamma tathāgato āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti, parisāsu sīhanādaṃ nadati, brahmacakkaṃ pavatteti. "Puna caparaṃ, sārīputta, tathāgato anekadhātunānādhātulokaṃ yathābhūtaṃ pajānāti. Yampi, sārīputta, tathāgato anekadhātunānādhātulokaṃ yathābhūtaṃ pajānāti, idampi, sārīputta, tathāgatassa tathāgatabalaṃ hoti yaṃ balaṃ āgamma tathāgato āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti, parisāsu sīhanādaṃ nadati, brahmacakkaṃ pavatteti. "Puna caparaṃ, sārīputta, tathāgato sattānaṃ nānādhimuttikaṃ yathābhūtaṃ pajānāti. Yampi, sārīputta, tathāgato sattānaṃ nānādhimuttikaṃ yathābhūtaṃ pajānāti, idampi, sārīputta, tathāgatassa tathāgatabalaṃ hoti yaṃ balaṃ āgamma tathāgato āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti, parisāsu sīhanādaṃ nadati, brahmacakkaṃ pavatteti. "Puna caparaṃ, sārīputta, tathāgato parasattānaṃ parapuggalānaṃ indriyaparopariyattaṃ yathābhūtaṃ pajānāti. Yampi, sārīputta, tathāgato parasattānaṃ parapuggalānaṃ indriyaparopariyattaṃ yathābhūtaṃ pajānāti, idampi, sārīputta, tathāgatassa tathāgatabalaṃ hoti yaṃ balaṃ āgamma tathāgato āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti, parisāsu sīhanādaṃ nadati, brahmacakkaṃ pavatteti.

"Puna caparam, sārīputta, tathāgato jhānavimokkhasamādhisamāpattīnaṃ saṃkilesaṃ vodānaṃ vuṭṭhānaṃ yathābhūtaṃ pajānāti. Yampi, sārīputta, tathāgato jhānavimokkhasamādhisamāpattīnaṃ saṃkilesaṃ vodānaṃ vuṭṭhānaṃ yathābhūtaṃ pajānāti, idampi, sārīputta, tathāgatassa tathāgatabalaṃ hoti yaṃ balaṃ āgamma tathāgato āsabhaṃ thānaṃ paṭijānāti, parisāsu sīhanādaṃ nadati, brahmacakkaṃ pavatteti. "Puna caparam, sārīputta, tathāgato anekavihitaṃ pubbenivāsaṃ anussarati, seyyathidaṃ : ekampi jātiṃ dvepi jātiyo tissopi jātiyo catassopi jātiyo pañcapi jātiyo dasapi jātiyo vīsampi jātiyo tiṃsampi jātiyo cattālīsampi jātiyo paññāsampi jātiyo jātisatampi jātisahassampi jātisatasahassampi anekepi saṃvaṭṭakappe anekepi vivaṭṭakappe anekepi saṃvaṭṭavivaṭṭakappe : 'amutrāsīṃ evaṃnāmo evaṃgotto evaṃvaṇṇo evamāhāro evaṃsukhadukkhappaṭisaṃvedī evamāyupariyanto, so tato cuto amutra udapādiṃ tatrāpāsīṃ evaṃnāmo evaṃgotto evaṃvaṇṇo evamāhāro evaṃsukhadukkhappaṭisaṃvedī evamāyupariyanto, so tato cuto idhūpapannoti. Iti sākāraṃ sauddesaṃ anekavihitaṃ pubbenivāsaṃ anussarati. Yampi, sārīputta, tathāgato anekavihitaṃ pubbenivāsaṃ anussarati, seyyathidaṃ : ekampi jātiṃ dvepi jātiyo - pe - iti sākāraṃ sauddesaṃ anekavihitaṃ pubbenivāsaṃ anussarati, idampi, sārīputta, tathāgatassa tathāgatabalaṃ hoti yaṃ balaṃ āgamma tathāgato āsabhaṃ thānaṃ paṭijānāti, parisāsu sīhanādaṃ nadati, brahmacakkaṃ pavatteti. "Puna caparam, sārīputta, tathāgato dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena satte passati cavamāne upapajjamāne hīne paṇīte suvaṇṇe dubbaṇṇe sugate duggate yathākammūpage satte pajānāti : 'ime vata bhonto sattā kāyaduccaritena samannāgatā vacīduccaritena samannāgatā manoduccaritena samannāgatā ariyānaṃ upavādakā micchādīṭṭhikā micchādīṭṭhikammasamādānā, te kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapannā. Ime vā pana bhonto sattā kāyasucaritena samannāgatā vacīsucaritena samannāgatā manosucaritena samannāgatā ariyānaṃ anupavādakā sammādīṭṭhikā sammādīṭṭhikammasamādānā, te kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggamaṃ lokamaṃ upapannāti. Iti dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena satte passati cavamāne upapajjamāne hīne paṇīte suvaṇṇe dubbaṇṇe sugate duggate yathākammūpage satte pajānāti. Yampi, sārīputta, tathāgato dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena satte passati cavamāne upapajjamāne hīne paṇīte suvaṇṇe dubbaṇṇe sugate duggate yathākammūpage satte pajānāti : 'ime vata bhonto sattā kāyaduccaritena samannāgatā vacīduccaritena samannāgatā manoduccaritena samannāgatā ariyānaṃ upavādakā micchādīṭṭhikā micchādīṭṭhikammasamādānā, te kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapannā. Ime vā pana bhonto sattā kāyasucaritena samannāgatā vacīsucaritena samannāgatā manosucaritena samannāgatā ariyānaṃ anupavādakā sammādīṭṭhikā sammādīṭṭhikammasamādānā, te kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggamaṃ lokamaṃ upapannāti. Iti dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena satte passati cavamāne upapajjamāne hīne paṇīte suvaṇṇe dubbaṇṇe sugate duggate yathākammūpage satte pajānāti. Idampi, sārīputta, tathāgatassa tathāgatabalaṃ hoti yaṃ balaṃ āgamma tathāgato āsabhaṃ thānaṃ paṭijānāti, parisāsu sīhanādaṃ nadati, brahmacakkaṃ pavatteti. "Puna caparam, sārīputta, tathāgato āsavānaṃ khayā anāsavaṃ cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ diṭṭheva dhamme sayamaṃ abhiññā sacchikatvā

upasampajja viharati. Yampi, sārīputta, tathāgato āsavānaṃ khayā anāsavaṃ cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ diṭṭheva dhamme sayamaṃ abhiññā sacchikatvā upasampajja viharati, idampi, sārīputta, tathāgatassa tathāgatabalaṃ hoti yaṃ balaṃ āgama tathāgato āsabhaṃ tḥānaṃ paṭijānāti, parisāsu sīhanādaṃ nadati, brahmacakkaṃ pavatteti. "Imāni kho, sārīputta, dasa tathāgatassa tathāgatabalāni yehi balehi samannāgato tathāgato āsabhaṃ tḥānaṃ paṭijānāti, parisāsu sīhanādaṃ nadati, brahmacakkaṃ pavatteti.

149. "Yo kho maṃ, sārīputta, evaṃ jānantaṃ evaṃ passantaṃ evaṃ vadeyya : 'natthi samaṇassa gotamassa uttarimanussadhammā alamariyañāṇadassanaviseso takkapariyāhataṃ samaṇo gotamo dhammaṃ deseti vīmaṃsānucaritaṃ sayampaṭibhānanti, taṃ, sārīputta, vācaṃ appahāya taṃ cittaṃ appahāya taṃ diṭṭhiṃ appaṭinissajjitvā yathābhatāṃ nikkhitto evaṃ niraye. Seyyathāpi, sārīputta, bhikkhu sīlasampanno samādhisampanno paññāsampanno diṭṭheva dhamme aññaṃ ārādheyya, evaṃ sampadamidaṃ, sārīputta, vadāmi. Taṃ vācaṃ appahāya, taṃ cittaṃ appahāya taṃ diṭṭhiṃ appaṭinissajjitvā yathābhatāṃ nikkhitto evaṃ niraye.

150. "Cattārimāni, sārīputta, tathāgatassa vesārajjāni yehi vesārajjehi samannāgato tathāgato āsabhaṃ tḥānaṃ paṭijānāti, parisāsu sīhanādaṃ nadati, brahmacakkaṃ pavatteti. Katamāni cattāri? "sammāsambuddhassa te paṭijānato ime dhammā anabhisambuddhāti. Tatra vata maṃ samaṇo vā brāhmaṇo vā devo vā māro vā brahmā vā koci vā lokasmiṃ sahadhammena paṭicodessaṭṭi nimittametaṃ, sārīputta, na samanupassāmi. Etamahaṃ [etampahaṃ (sī. pī.)], sārīputta, nimittaṃ asamanupassanto khemappatto abhayappatto vesārajjappatto viharāmi. "Khīṇāsavassa te paṭijānato ime āsavā aparikkhīṇāti. Tatra vata maṃ samaṇo vā brāhmaṇo vā devo vā māro vā brahmā vā koci vā lokasmiṃ sahadhammena paṭicodessaṭṭi nimittametaṃ, sārīputta, na samanupassāmi. Etamahaṃ, sārīputta, nimittaṃ asamanupassanto khemappatto abhayappatto vesārajjappatto viharāmi. "Ye kho pana te antarāyikā dhammā vuttā, te paṭisevato nālaṃ antarāyāyāti. Tatra vata maṃ samaṇo vā brāhmaṇo vā devo vā māro vā brahmā vā koci vā lokasmiṃ sahadhammena paṭicodessaṭṭi nimittametaṃ, sārīputta, na samanupassāmi. Etamahaṃ, sārīputta, nimittaṃ asamanupassanto khemappatto abhayappatto vesārajjappatto viharāmi. "Yassa kho pana te atthāya dhammo desito, so na niyyāti takkarassa sammā dukkhakkhayāyāti . Tatra vata maṃ samaṇo vā brāhmaṇo vā devo vā māro vā brahmā vā koci vā lokasmiṃ sahadhammena paṭicodessaṭṭi nimittametaṃ, sārīputta, na samanupassāmi. Etamahaṃ, sārīputta, nimittaṃ asamanupassanto khemappatto abhayappatto vesārajjappatto viharāmi. "Imāni kho, sārīputta, cattāri tathāgatassa vesārajjāni yehi vesārajjehi samannāgato tathāgato āsabhaṃ tḥānaṃ paṭijānāti, parisāsu sīhanādaṃ nadati, brahmacakkaṃ pavatteti. "Yo kho maṃ, sārīputta, evaṃ jānantaṃ evaṃ passantaṃ evaṃ vadeyya : 'natthi samaṇassa gotamassa uttarimanussadhammā alamariyañāṇadassanaviseso, takkapariyāhataṃ samaṇo gotamo dhammaṃ deseti vīmaṃsānucaritaṃ sayampaṭibhānanti, taṃ, sārīputta, vācaṃ appahāya taṃ cittaṃ appahāya taṃ diṭṭhiṃ appaṭinissajjitvā yathābhatāṃ nikkhitto evaṃ niraye. Seyyathāpi, sārīputta, bhikkhu sīlasampanno

samādhisampanno paññāsampanno diṭṭheva dhamme aññaṃ ārādheyya, evaṃ sampadamidaṃ, sārīputta, vadāmi. Taṃ vācaṃ appahāya taṃ cittaṃ appahāya taṃ diṭṭhiṃ appaṭinissajjitvā yathābhaṭaṃ nikkhitto evaṃ niraye.

151. "Aṭṭha kho imā, sārīputta, parisā. Katamā aṭṭha? khattiyaparisā, brāhmaṇaparisā, gahapatiparisā, samaṇaparisā, cātumahārājikaparisā [cātummahārājikā (sī. syā. pī.)], tāvatimsaparisā, māraparisā, brahmaparisā : imā kho, sārīputta, aṭṭha parisā. Imehi kho, sārīputta, catūhi vesārajjehi samannāgato tathāgato imā aṭṭha parisā upasaṅkamati ajjhogāhati. Abhijānāmi kho panāhaṃ, sārīputta, anekasataṃ khattiyapariṣaṃ upasaṅkamitā. Tatrapi mayā sannisinnapubbañceva, sallapitapubbañca, sākacchā ca samāpajjitapubbā. Tatra vata maṃ bhayaṃ vā sārājjaṃ vā okkamissatīti nimittametam, sārīputta, na samanupassāmi. Etamahaṃ, sārīputta, nimittaṃ asamanupassanto khemappatto abhayappatto vesārajjappatto viharāmi. "Abhijānāmi kho panāhaṃ, sārīputta, anekasataṃ brāhmaṇapariṣaṃ - pe - gahapatipariṣaṃ... samaṇapariṣaṃ... cātumahārājikapariṣaṃ... tāvatimsapariṣaṃ... mārapariṣaṃ... brahmapariṣaṃ upasaṅkamitā. Tatrapi mayā sannisinnapubbañceva, sallapitapubbañca, sākacchā ca samāpajjitapubbā. Tatra vata maṃ bhayaṃ vā sārājjaṃ vā okkamissatīti nimittametam, sārīputta, na samanupassāmi. Etamahaṃ, sārīputta, nimittaṃ asamanupassanto khemappatto abhayappatto vesārajjappatto viharāmi. "Yo kho maṃ, sārīputta, evaṃ jānantaṃ evaṃ passantam evaṃ vadeyya : 'natthi samaṇassa gotamassa uttarimanussadhammā alamariyaññadassanaviseso, takkapariyāhataṃ samaṇo gotamo dhammaṃ deseti vīmaṃsānucaritaṃ sayamṃpaṭibhānanti, taṃ, sārīputta, vācaṃ appahāya taṃ cittaṃ appahāya taṃ diṭṭhiṃ appaṭinissajjitvā yathābhaṭaṃ nikkhitto evaṃ niraye. Seyyathāpi, sārīputta, bhikkhu sīlasampanno samādhisampanno paññāsampanno diṭṭheva dhamme aññaṃ ārādheyya, evaṃ sampadamidaṃ, sārīputta, vadāmi. Taṃ vācaṃ appahāya taṃ cittaṃ appahāya taṃ diṭṭhiṃ appaṭinissajjitvā yathābhaṭaṃ nikkhitto evaṃ niraye.

152. "Catasso kho imā, sārīputta, yoniyo. Katamā catasso? aṇḍajā yoni, jalābujā yoni, saṃsedajā yoni, opapātikā yoni. Katamā ca, sārīputta, aṇḍajā yoni? ye kho te, sārīputta, sattā aṇḍakosaṃ abhinibbhijja jāyanti : ayaṃ vuccati, sārīputta, aṇḍajā yoni. Katamā ca, sārīputta, jalābujā yoni? ye kho te, sārīputta, sattā vatthikosam abhinibbhijja jāyanti : ayaṃ vuccati, sārīputta, jalābujā yoni. Katamā ca, sārīputta, saṃsedajā yoni? ye kho te, sārīputta, sattā pūtimacche vā jāyanti pūtikunape vā pūtikummāse vā candanikāye vā oḷigalle vā jāyanti : ayaṃ vuccati, sārīputta, saṃsedajā yoni. Katamā ca, sārīputta, opapātikā yoni? devā, nerayikā, ekacce ca manussā, ekacce ca vinipātikā : ayaṃ vuccati, sārīputta, opapātikā yoni. Imā kho, sārīputta, catasso yoniyo. "Yo kho maṃ, sārīputta, evaṃ jānantaṃ evaṃ passantam evaṃ vadeyya : 'natthi samaṇassa gotamassa uttarimanussadhammā alamariyaññadassanaviseso, takkapariyāhataṃ samaṇo gotamo dhammaṃ deseti vīmaṃsānucaritaṃ sayamṃpaṭibhānanti, taṃ, sārīputta, vācaṃ appahāya taṃ cittaṃ appahāya taṃ diṭṭhiṃ appaṭinissajjitvā yathābhaṭaṃ nikkhitto evaṃ niraye. Seyyathāpi, sārīputta, bhikkhu sīlasampanno samādhisampanno paññāsampanno diṭṭheva dhamme aññaṃ ārādheyya, evaṃ

sampadamidaṃ, sārīputta, vadāmi. Taṃ vācaṃ appahāya taṃ cittaṃ appahāya taṃ diṭṭhiṃ appaṭinissajjitvā yathābhattaṃ nikkhitto evaṃ niraye.

153. "Pañca kho imā, sārīputta, gatiyo. Katamā pañca? nirayo, tiracchānayoṇi, pettivisayo, manussā, devā. Nirayañcāhaṃ, sārīputta, pajānāmi, nirayaḡāmiñca maggaṃ, nirayaḡāminiñca paṭipadaṃ yathā paṭipanno ca kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati tañca pajānāmi. Tiracchānayoṇiñcāhaṃ, sārīputta, pajānāmi, tiracchānayoṇiḡāmiñca maggaṃ, tiracchānayoṇiḡāminiñca paṭipadaṃ yathā paṭipanno ca kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā tiracchānayoṇiṃ upapajjati tañca pajānāmi. Pettivisayaṃ cāhaṃ, sārīputta, pajānāmi, pettivisayaḡāmiñca maggaṃ, pettivisayaḡāminiñca paṭipadaṃ yathā paṭipanno ca kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā pettivisayaṃ upapajjati tañca pajānāmi. Manusse cāhaṃ, sārīputta, pajānāmi, manussalokaḡāmiñca maggaṃ, manussalokaḡāminiñca paṭipadaṃ yathā paṭipanno ca kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā manusse upapajjati tañca pajānāmi. Deve cāhaṃ, sārīputta, pajānāmi, devalokaḡāmiñca maggaṃ, devalokaḡāminiñca paṭipadaṃ yathā paṭipanno ca kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggāṃ lokaṃ upapajjati tañca pajānāmi. Nibbānañcāhaṃ, sārīputta, pajānāmi, nibbānaḡāmiñca maggaṃ, nibbānaḡāminiñca paṭipadaṃ yathā paṭipanno ca āsavānaṃ khayā anāsavaṃ cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ diṭṭheva dhamme sayaṃ abhiññā sacchikatvā upasampajja viharati tañca pajānāmi.

154. "Idhāhaṃ, sārīputta, ekaccaṃ puggalaṃ evaṃ cetasā ceto paricca pajānāmi : tathāyaṃ puggalo paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūḡho, yathā kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjissatīti. Tameṇaṃ passāmi apareṇa samayena dibbena cakkhunā visuddhena atikkantaṃānusakena kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapannaṃ, ekantaḡukkhā tippā kaṭukā vedanā vedayamaṇaṃ. Seyyathāpi, sārīputta, aṅgārakāsu sādhiporisā pūrā aṅgārānaṃ vītaḡikānaṃ vītaḡhūmaṇaṃ. Atha puriso āgaccheyya ghammābhitatto ghammapareto kilanto tasito pipāsito ekāyanena maggena tameva aṅgārakāsuṃ paṇidhāya. Tameṇaṃ cakkhumā puriso disvā evaṃ vadeyya : 'tathāyaṃ bhavaṃ puriso paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūḡho, yathā imaṃyeva aṅgārakāsuṃ āgamiṃsatīti . Tameṇaṃ passeyya apareṇa samayena tassā aṅgārakāsuṃ patitaṃ, ekantaḡukkhā tippā kaṭukā vedanā vedayamaṇaṃ. Evameva kho ahaṃ, sārīputta, idhekaccaṃ puggalaṃ evaṃ cetasā ceto paricca pajānāmi : tathāyaṃ puggalo paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūḡho yathā kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjissatīti. Tameṇaṃ passāmi apareṇa samayena dibbena cakkhunā visuddhena atikkantaṃānusakena kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā tiracchānayoṇiṃ upapajjissatīti. Tameṇaṃ passāmi apareṇa samayena dibbena cakkhunā visuddhena atikkantaṃānusakena kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā tiracchānayoṇiṃ upapannaṃ,

dukkhā tibbā kaṭukā vedanā vedayamānaṃ. Seyyathāpi, sārīputta, gūthakūpo sādhipaporiso, pūro gūthassa. Atha puriso āgaccheyya ghammābhitatto ghammapareto kilanto tasito pipāsito ekāyanena maggena tameva gūthakūpaṃ paṇidhāya. Tameṃ cakkhumā puriso disvā evaṃ vadeyya : 'tathāyaṃ bhavaṃ puriso paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūḷho yathā imaṃyeva gūthakūpaṃ āgamissatīti. Tameṃ passeyya aparena samayena tasmīṃ gūthakūpe patitaṃ, dukkhā tibbā kaṭukā vedanā vedayamānaṃ. Evameva kho ahaṃ, sārīputta, idhekaccaṃ puggalaṃ evaṃ cetasā ceto paricca pajānāmi : tathāyaṃ puggalo paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūḷho, yathā kāyassa bhedaṃ paraṃ marañā tiracchānayoṃ upapajjissatīti. Tameṃ passāmi aparena samayena dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena kāyassa bhedaṃ paraṃ marañā tiracchānayoṃ upapannaṃ, dukkhā tibbā kaṭukā vedanā vedayamānaṃ. "Idha panāhaṃ, sārīputta, ekaccaṃ puggalaṃ evaṃ cetasā ceto paricca pajānāmi : tathāyaṃ puggalo paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūḷho, yathā kāyassa bhedaṃ paraṃ marañā pettivisayaṃ upapajjissatīti. Tameṃ passāmi aparena samayena dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena kāyassa bhedaṃ paraṃ marañā pettivisayaṃ upapannaṃ, dukkhabahulā vedanā vedayamānaṃ. Seyyathāpi, sārīputta, rukkho visame bhūmibhāge jāto tanupattapalāso kabaracchāyo . Atha puriso āgaccheyya ghammābhitatto ghammapareto kilanto tasito pipāsito ekāyanena maggena tameva rukkhaṃ paṇidhāya. Tameṃ cakkhumā puriso disvā evaṃ vadeyya : 'tathāyaṃ bhavaṃ puriso paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūḷho, yathā imaṃyeva rukkhaṃ āgamissatīti. Tameṃ passeyya, aparena samayena tassa rukkhaṃ chāyāya nisinnaṃ vā nipannaṃ vā dukkhabahulā vedanā vedayamānaṃ. Evameva kho ahaṃ, sārīputta, idhekaccaṃ puggalaṃ evaṃ cetasā ceto paricca pajānāmi : tathāyaṃ puggalo paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūḷho, yathā kāyassa bhedaṃ paraṃ marañā pettivisayaṃ upapajjissatīti. Tameṃ passāmi aparena samayena dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena kāyassa bhedaṃ paraṃ marañā pettivisayaṃ upapannaṃ, dukkhabahulā vedanā vedayamānaṃ. "Idha panāhaṃ, sārīputta, ekaccaṃ puggalaṃ evaṃ cetasā ceto paricca pajānāmi : tathāyaṃ puggalo paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūḷho, yathā kāyassa bhedaṃ paraṃ marañā manussesu upapajjissatīti. Tameṃ passāmi aparena samayena dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena kāyassa bhedaṃ paraṃ marañā manussesu upapannaṃ, sukhabahulā vedanā vedayamānaṃ. Seyyathāpi, sārīputta, rukkho same bhūmibhāge jāto bahalapattapalāso sandacchāyo [saṇḍacchāyo (syā.), santacchāyo (ka.)]. Atha puriso āgaccheyya ghammābhitatto ghammapareto kilanto tasito pipāsito ekāyanena maggena tameva rukkhaṃ paṇidhāya. Tameṃ cakkhumā puriso disvā evaṃ vadeyya : 'tathāyaṃ bhavaṃ puriso paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūḷho, yathā imeva rukkhaṃ āgamissatīti. Tameṃ passeyya aparena samayena tassa rukkhaṃ chāyāya nisinnaṃ vā nipannaṃ vā sukhabahulā vedanā vedayamānaṃ. Evameva kho ahaṃ, sārīputta, idhekaccaṃ puggalaṃ evaṃ cetasā ceto paricca pajānāmi : tathāyaṃ puggalo paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūḷho yathā kāyassa bhedaṃ paraṃ marañā manussesu upapajjissatīti. Tameṃ passāmi aparena samayena dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena kāyassa bhedaṃ paraṃ marañā manussesu

upapannaṃ, sukhabahulā vedanā vedayamānaṃ. "Idha panāhaṃ, sārīputta, ekaccaṃ puggalaṃ evaṃ cetasā ceto paricca pajānāmi : tathāyaṃ puggalo paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūlho, yathā kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggāṃ lokāṃ upapajjissatīti. Tameṇaṃ passāmi aparena samayena dibbena cakkhunā visuddhena atikkantaṃanusakena kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggāṃ lokāṃ upapannaṃ, ekantasukhā vedanā vedayamānaṃ. Seyyathāpi, sārīputta, pāsādo, tatrāssa kūṭāgāraṃ ullittāvalittaṃ nivātaṃ phusitaggalaṃ pihitavātapānaṃ. Tatrāssa pallaṅko gonakathato paṭikatthato paṭalikathato kadalmigapavarapaccattharaṇo sauttaracchado ubhatolohitakūpadhāno. Atha puriso āgaccheyya ghammābhitatto ghammapareto kilanto tasito pipāsito ekāyanena maggena tameva pāsādaṃ paṇidhāya. Tameṇaṃ cakkhumā puriso disvā evaṃ vadeyya : 'tathāyaṃ bhavaṃ puriso paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūlho, yathā imaṃyeva pāsādaṃ āgamissatīti. Tameṇaṃ passeyya aparena samayena tasmim pāsāde tasmim kūṭāgāre tasmim pallaṅke nisinnaṃ vā nipannaṃ vā ekantasukhā vedanā vedayamānaṃ. Evameva kho ahaṃ, sārīputta, idhekaccaṃ puggalaṃ evaṃ cetasā ceto paricca pajānāmi : tathāyaṃ puggalo paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūlho yathā kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggāṃ lokāṃ upapajjissatīti. Tameṇaṃ passāmi aparena samayena dibbena cakkhunā visuddhena atikkantaṃanusakena kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggāṃ lokāṃ upapannaṃ, ekantasukhā vedanā vedayamānaṃ.

"Idha panāhaṃ, sārīputta, ekaccaṃ puggalaṃ cetasā ceto paricca pajānāmi : tathāyaṃ puggalo paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūlho, yathā āsavānaṃ khayā anāsaṃ cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ diṭṭheva dhamme sayāṃ abhiññā sacchikatvā upasampajja viharissatīti. Tameṇaṃ passāmi aparena samayena āsavānaṃ khayā anāsaṃ cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ diṭṭheva dhamme sayāṃ abhiññā sacchikatvā upasampajja viharantaṃ, ekantasukhā vedanā vedayamānaṃ. Seyyathāpi, sārīputta, pokkharaṇī acchodakā sātodakā sītodakā setakā supatitthā ramaṇīyā. Avidūre cassā tibbo vanasaṇḍo. Atha puriso āgaccheyya ghammābhitatto ghammapareto kilanto tasito pipāsito ekāyanena maggena tameva pokkharaṇiṃ paṇidhāya. Tameṇaṃ cakkhumā puriso disvā evaṃ vadeyya : 'tathā bhavaṃ puriso paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūlho, yathā imaṃyeva pokkharaṇiṃ āgamissatīti. Tameṇaṃ passeyya aparena samayena taṃ pokkharaṇiṃ ogāhetvā nhāyitvā ca pivitvā ca sabbadarathakilamathapariḷāhaṃ paṭippassambhetvā paccuttaritvā tasmim vanasaṇḍe nisinnaṃ vā nipannaṃ vā, ekantasukhā vedanā vedayamānaṃ. Evameva kho ahaṃ, sārīputta, idhekaccaṃ puggalaṃ evaṃ cetasā ceto paricca pajānāmi : tathāyaṃ puggalo paṭipanno tathā ca iriyati tañca maggaṃ samārūlho, yathā āsavānaṃ khayā anāsaṃ cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ diṭṭheva dhamme sayāṃ abhiññā sacchikatvā upasampajja viharissatīti. Tameṇaṃ passāmi aparena samayena āsavānaṃ khayā anāsaṃ cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ diṭṭheva dhamme sayāṃ abhiññā sacchikatvā upasampajja viharantaṃ, ekantasukhā vedanā vedayamānaṃ. Imā kho, sārīputta, pañca gatiyo. "Yo kho maṃ, sārīputta, evaṃ jānantaṃ evaṃ passantaṃ evaṃ vadeyya : 'natthi samaṇassa gotamassa uttarimanussadhammā alamariyaññānadassanaviseso takkapariyāhataṃ samaṇo gotamo dhammaṃ deseti vīmaṃsānucaritaṃ

sayamṭaṭibhānanti taṃ, sārīputta, vācaṃ appahāya taṃ cittaṃ appahāya taṃ diṭṭhiṃ appaṭinissajjitvā yathābhaṭaṃ nikkhitto evaṃ niraye. Seyyathāpi, sārīputta, bhikkhu sīlasampanno samādhisampanno paññāsampanno diṭṭheva dhamme aññaṃ ārādheyya, evaṃ sampadamidaṃ, sārīputta, vadāmi 'taṃ vācaṃ appahāya taṃ cittaṃ appahāya taṃ diṭṭhiṃ appaṭinissajjitvā yathābhaṭaṃ nikkhitto evaṃ niraye.

155. "Abhijānāmi kho panāhaṃ, sārīputta, caturaṅgasamannāgataṃ brahmacariyaṃ caritā [caritvā (ka.)] : tapassī sudamā homi paramatapassī, lūkho sudamā [lūkhassudamā (sī. pī.)] homi paramalūkho, jegucchī sudamā homi paramajegucchī, pavivitto sudamā [pavivittassudamā (sī. pī.)] homi paramapavivitto . Tatrāssu me idaṃ, sārīputta, tapassitāya hoti : acelako homi muttācāro hatthāpalekhano [hatthāvalekhano (syā.)], na ehibhaddantiko na tiṭṭhabhaddantiko nābhihaṭaṃ na uddissakataṃ na nimantanamā sādīyāmi. So na kumbhimukhā paṭiggaṇhāmi, na kaḷopimukhā paṭiggaṇhāmi, na eḷakamantaramā, na daṇḍamantaramā, na musalamantaramā, na dvinnamā bhuñjamānānaṃ, na gabbhiniyā, na pāyamānāya [pāyantiyā (ka.)], na purisantaragatāya, na saṅkittīsu, na yattha sā upaṭṭhito hoti, na yattha makkhikā saṇḍasaṇḍacārīnī na macchaṃ na maṃsaṃ na suraṃ na merayaṃ na thusodakaṃ pivāmi so ekāgāriko vā homi ekālopiko, dvāgāriko vā homi dvālopiko - pe - sattāgāriko vā homi sattālopiko ekissāpi dattiyā yāpemi, dvīhipi dattīhi yāpemi - pe - sattahipi dattīhi yāpemi ekāhikampi āhāraṃ āhāremi, dvīhikampi āhāraṃ āhāremi - pe - sattāhikampi āhāraṃ āhāremi iti evarūpaṃ addhamāsikampi pariyāyabhattabhojanānuyogamanuyutto viharāmi. "So sākabhakkho vā homi, sāmākabhakkho vā homi, nīvārabhakkho vā homi, daddulabhakkho vā homi, haṭabhakkho vā homi, kaṇabhakkho vā homi, ācāmabhakkho vā homi , piññākabhakkho vā homi, tiṇabhakkho vā homi, gomayabhakkho vā homi, vanamūlaphalāhāro yāpemi pavattaphalabhojī. "So sānānipi dhāremi, masānānipi dhāremi, chavadussānipi dhāremi, paṃsukūlānipi dhāremi, tirīṭānipi dhāremi, ajināmpi dhāremi, ajinakkhipāmpi dhāremi, kusacīrāmpi dhāremi, vākacīrāmpi dhāremi, phalakacīrāmpi dhāremi, kesakambalāmpi dhāremi, vāḷakambalāmpi dhāremi, ulūkapakkhāmpi dhāremi kesamassulocakopi homi kesamassulocanānuyogamanuyutto ubbhaṭṭhakopi homi āsanapaṭikkhitto ukkuṭīkopi homi ukkuṭīkappadhānāmanuyutto kaṇṭakāpassayīkopi homi kaṇṭakāpassaye seyyaṃ kappemi [imassānantare aññopi koci pāṭhapadeso aññesu ājīvakavatadīpakasuttesu dissati] sāyatatiyāampi udakorohanānuyogamanuyutto viharāmi : iti evarūpaṃ anekavihiṭaṃ kāyassa ātāpanaparitāpanānuyogamanuyutto viharāmi. Idaṃsu me, sārīputta, tapassitāya hoti.

156. "Tatrāssu me idaṃ, sārīputta, lūkhasmiṃ hoti : nekavassagaṇikaṃ rajojallaṃ kāye sannicitaṃ hoti papaṭīkajātaṃ. Seyyathāpi, sārīputta, tindukakhāṇu nekavassagaṇiko sannicito hoti papaṭīkajāto, evamevāssu me, sārīputta, nekavassagaṇikaṃ rajojallaṃ kāye sannicitaṃ hoti papaṭīkajātaṃ. Tassa mayhaṃ, sārīputta, na evaṃ hoti : 'aho vatāhaṃ imaṃ rajojallaṃ pāṇinā parimajjeyyaṃ, aññe vā pana me imaṃ rajojallaṃ pāṇinā parimajjeyyunti. Evāmpi me, sārīputta , na hoti. Idaṃsu me, sārīputta, lūkhasmiṃ hoti.

"Tatrāssu me idam, sārīputta, jegucchismiṃ hoti : so kho ahaṃ, sārīputta, satova abhikkamāmi, satova paṭikkamāmi, yāva udakabindumhipi me dayā paccupatṭhitā hoti : 'māhaṃ khuddake pāṇe visamagate saṅghātaṃ āpādesinti. Idamsu me, sārīputta, jegucchismiṃ hoti. "Tatrāssu me idam, sārīputta, pavivittasmiṃ hoti : so kho ahaṃ, sārīputta, aññataraṃ araññāyatanaṃ ajjhogāhetvā viharāmi. Yadā passāmi gopālakam vā pasupālakam vā tiṇahārakam vā kaṭṭhahārakam vā vanakammikam vā, vanena vanam gahanena gahanam ninnena ninnam thalena thalam saṃpatāmi [papatāmi (sī. syā. pī.)]. Tam kissa hetu? mā maṃ te addasaṃsu ahañca mā te addasanti. Seyyathāpi, sārīputta, āraññako mago manusse disvā vanena vanam gahanena gahanam ninnena ninnam thalena thalam saṃpatati, evameva kho ahaṃ, sārīputta, yadā passāmi gopālakam vā pasupālakam vā tiṇahārakam vā kaṭṭhahārakam vā vanakammikam vā vanena vanam gahanena gahanam ninnena ninnam thalena thalam saṃpatāmi. Tam kissa hetu? mā maṃ te addasaṃsu ahañca mā te addasanti. Idamsu me, sārīputta, pavivittasmiṃ hoti. "So kho ahaṃ, sārīputta, ye te goṭṭhā patṭhitagāvo apagatagopālakā, tattha catukkuṇḍiko upasaṅkamtivā yāni tāni vacchakānaṃ taruṇakānaṃ dhenupakānaṃ gomayāni tāni sudam āhāremi. Yāvakīvañca me , sārīputta, sakam muttakarīsam apariyādinnaṃ hoti, sakamyeva sudam muttakarīsam āhāremi. Idamsu me, sārīputta, mahāvikaṭabhojanasmiṃ hoti.

157. "So kho ahaṃ, sārīputta, aññataraṃ bhīṃsanakam vanasaṇḍam ajjhogāhetvā viharāmi. Tatrāssudam, sārīputta, bhīṃsanakassa vanasaṇḍassa bhīṃsanakatasmiṃ hoti : yo koci avītarāgo tam vanasaṇḍam pavisati, yebhuyyena lomāni haṃsanti. So kho ahaṃ, sārīputta, yā tā rattiyo sītā hemantikā antaratṭhakā himapātasamayā [antaratṭhake himapātasamaye (sī. pī.)] tathārūpāsu rattīsu rattim abbhokāse viharāmi, divā vanasaṇḍe gimhānaṃ pacchime māse divā abbhokāse viharāmi, rattim vanasaṇḍe. Apissu maṃ, sārīputta, ayam anacchariyagāthā paṭibhāsi pubbe assutapubbā :

"Sotatto sosinno [sosīno (sī. pī. ka.), sosino (syā.), sosindo (saddanīti)] ceva, eko bhīṃsanake vane.

Naggo na caggimāsīno, esanāpasuto munīti.. "So kho ahaṃ, sārīputta, susāne seyyam kappemi chavatṭhikāni upadhāya. Apissu maṃ, sārīputta, gāmaṇḍalā [gomaṇḍalā (bahūsu) cariyāpiṭakaatṭhakathā oloketabbā] upasaṅkamtivā oṭṭhubhantipi, omuttentipi, paṃsukenapi okiranti, kaṇṇasotesupi salākam pavesenti. Na kho panāham, sārīputta, abhijānāmi tesu pāpakam cittaṃ uppādetā. Idamsu me, sārīputta, upekkhāvihārasmiṃ hoti.

158. "Santi kho pana, sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā evaṃvādino evaṃditṭhino : 'āhārena suddhīti. Te evamāhaṃsu : 'kolehi yāpemāti. Te kolampi khādanti, kolacūṇampi khādanti, kolodakampi pivanti : anekavihitampi kolavikatim paribhuñjanti. Abhijānāmi kho panāham, sārīputta, ekamyeva kolam āhāram āhāritā. Siyā kho pana te, sārīputta, evamassa : 'mahā nūna tena samayena kolo ahoṣīti. Na kho

panetaṃ, sārīputta, evaṃ daṭṭhabbaṃ. Tadāpi etaṇṇamoyeva kolo ahosi seyyathāpi etarahi. Tassa mayhaṃ, sārīputta, ekaṃyeva kolaṃ āhāraṃ āhārayato adhimattakasimānaṃ patto kāyo hoti. Seyyathāpi nāma āsītīkapabbāni vā kāḷapabbāni vā, evamevassu me aṅgapaccaṅgāni bhavanti tāyevappāhāratāya. Seyyathāpi nāma oṭṭhapadaṃ, evamevassu me ānisadaṃ hoti tāyevappāhāratāya. Seyyathāpi nāma vaṭṭanāvaḷī, evamevassu me piṭṭhikaṇṭako unnatāvanato hoti tāyevappāhāratāya. Seyyathāpi nāma jarasālāya gopānasiyo oluggaviluggā bhavanti, evamevassu me phāsulīyo oluggaviluggā bhavanti tāyevappāhāratāya. Seyyathāpi nāma gambhīre udapāne udakatārakā gambhīragatā okkhāyikā dissanti, evamevassu me akkhikūpesu akkhītārakā gambhīragatā okkhāyikā dissanti tāyevappāhāratāya. Seyyathāpi nāma tittakālābuāmakacchinno vātātapena saṃphuṭito [saṃphusito (syā.), saṃphuṭito (pī. ka.) ettha saṃphuṭitoti saṅkucitoti attho] hoti sammilāto, evamevassu me sīsacchavi saṃphuṭitā hoti sammilātā tāyevappāhāratāya. So kho ahaṃ, sārīputta, 'udaracchaviṃ parimasissāmīti piṭṭhikaṇṭakaṃyeva pariggaṇhāmi, 'piṭṭhikaṇṭakaṃ parimasissāmīti udaracchaviṃyeva pariggaṇhāmi, yāvassu me, sārīputta, udaracchavi piṭṭhikaṇṭakaṃ allīnā hoti tāyevappāhāratāya. So kho ahaṃ, sārīputta, 'vaccaṃ vā muttaṃ vā karissāmīti tattheva avakuḷlo papatāmi tāyevappāhāratāya. So kho ahaṃ, sārīputta, tameva kāyaṃ assāsento paṇinā gattāni anomajjāmi. Tassa mayhaṃ, sārīputta, paṇinā gattāni anomajjato pūtimūlāni lomāni kāyasmā patanti tāyevappāhāratāya.

159. "Santi kho pana, sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā evaṃvādino evamditṭhino : 'āhārena suddhīti. Te evamaṃsaṃsu : 'muggehi yāpema - pe - tilehi yāpema - pe - taṇḍulehi yāpemaṃti. Te taṇḍulampi khādanti, taṇḍulacunṇampi khādanti, taṇḍulodakampi pivanti : anekavihitampi taṇḍulavikaṭṭhiṃ paribhuñjanti. Abhijānāmi kho panāhaṃ, sārīputta, ekaṃyeva taṇḍulaṃ āhāraṃ āhāritā. Siyā kho pana te, sārīputta, evamassa : 'mahā nūna tena samayena taṇḍulo ahosīti. Na kho panetaṃ, sārīputta, evaṃ daṭṭhabbaṃ. Tadāpi etaṇṇamoyeva taṇḍulo ahosi , seyyathāpi etarahi. Tassa mayhaṃ, sārīputta, ekaṃyeva taṇḍulaṃ āhāraṃ āhārayato adhimattakasimānaṃ patto kāyo hoti. Seyyathāpi nāma āsītīkapabbāni vā kāḷapabbāni vā, evamevassu me aṅgapaccaṅgāni bhavanti tāyevappāhāratāya. Seyyathāpi nāma oṭṭhapadaṃ, evamevassu me ānisadaṃ hoti tāyevappāhāratāya. Seyyathāpi nāma vaṭṭanāvaḷī, evamevassu me piṭṭhikaṇṭako unnatāvanato hoti tāyevappāhāratāya. Seyyathāpi nāma jarasālāya gopānasiyo oluggaviluggā bhavanti, evamevassu me phāsulīyo oluggaviluggā bhavanti tāyevappāhāratāya. Seyyathāpi nāma gambhīre udapāne udakatārakā gambhīragatā okkhāyikā dissanti, evamevassu me akkhikūpesu akkhītārakā gambhīragatā okkhāyikā dissanti tāyevappāhāratāya. Seyyathāpi nāma tittakālābu āmakacchinno vātātapena saṃphuṭito hoti sammilāto, evamevassu me sīsacchavi saṃphuṭitā hoti sammilātā tāyevappāhāratāya. So kho ahaṃ, sārīputta, 'udaracchaviṃ parimasissāmīti piṭṭhikaṇṭakaṃyeva pariggaṇhāmi, 'piṭṭhikaṇṭakaṃ parimasissāmīti udaracchaviṃyeva pariggaṇhāmi. Yāvassu me, sārīputta, udaracchavi piṭṭhikaṇṭakaṃ allīnā hoti tāyevappāhāratāya. So kho ahaṃ, sārīputta, 'vaccaṃ vā muttaṃ vā karissāmīti tattheva avakuḷlo papatāmi tāyevappāhāratāya. So kho ahaṃ, sārīputta, tameva kāyaṃ assāsento paṇinā gattāni anomajjāmi. Tassa mayhaṃ, sārīputta, paṇinā gattāni anomajjato

pūtimūlāni lomāni kāyasmā patanti tāyevappāhāratāya. "Tāyapi kho ahaṃ, sārīputta, iriyāya tāya paṭipadāya tāya dukkarakārikāya nājjhagamam uttarim manussadhammā alamariyaññadassanavisesam. Taṃ kissa hetu? imissāyeva ariyāya paññāya anadhigamā, yāyaṃ ariyā paññā adhigatā ariyā niyyānikā, niyyāti takkarassa sammā dukkhakkhayāya.

160. "Santi kho pana, sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā evaṃvādino evaṃdiṭṭhino : 'saṃsārena suddhīti. Na kho pana so [na kho paneso (sī. syā.)], sārīputta, saṃsāro sulabharūpo yo mayā asaṃsaritapubbo iminā dīghena addhunā, aññatra suddhāvāsehi devehi. Suddhāvāse cāhaṃ, sārīputta, deve saṃsareyyaṃ, nayimaṃ lokaṃ punarāgaccheyyaṃ. "Santi kho pana, sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā evaṃvādino evaṃdiṭṭhino : 'upapattiyā suddhīti. Na kho pana sā, sārīputta, upapatti sulabharūpā yā mayā anupapannapubbā iminā dīghena addhunā, aññatra suddhāvāsehi devehi. Suddhāvāse cāhaṃ, sārīputta, deve upapajjeyyaṃ, nayimaṃ lokaṃ punarāgaccheyyaṃ. "Santi kho pana, sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā evaṃvādino evaṃdiṭṭhino : 'āvāsenā suddhīti. Na kho pana so, sārīputta, āvāso sulabharūpo yo mayā anāvutṭhapubbo [anāvutṭhapubbo (sī. pī.)] iminā dīghena addhunā, aññatra suddhāvāsehi devehi. Suddhāvāse cāhaṃ, sārīputta, deve āvaseyyaṃ, nayimaṃ lokaṃ punarāgaccheyyaṃ.

"Santi kho pana, sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā evaṃvādino evaṃdiṭṭhino : 'yaññena suddhīti. Na kho pana so, sārīputta, yañño sulabharūpo yo mayā ayitṭhapubbo iminā dīghena addhunā, tañca kho raññā vā satā khattiyena muddhāvasittena brāhmaṇena vā mahāsālena. "Santi kho pana, sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā evaṃvādino evaṃdiṭṭhino : 'aggiparicariyāya suddhīti. Na kho pana so, sārīputta, aggi sulabharūpo yo mayā apariciṇṇapubbo iminā dīghena addhunā, tañca kho raññā vā satā khattiyena muddhāvasittena brāhmaṇena vā mahāsālena.

161. "Santi kho pana, sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā evaṃvādino evaṃdiṭṭhino : 'yāvadevāyaṃ bhavaṃ puriso daharo hoti yuvā susukāḷakeso bhadrēna yobbanena samannāgato paṭhamena vayasā tāvadeva paramena paññāveyyattiyena samannāgato hoti. Yato ca kho ayaṃ bhavaṃ puriso jiṇṇo hoti vuddho mahallako addhagato vayoanuppatto, āsītiko vā nāvutiko vā vassasatiko vā jātiyā, atha tamhā paññāveyyattiyā, parihāyatīti. Na kho panetaṃ, sārīputta, evaṃ daṭṭhabbaṃ. Ahaṃ kho pana, sārīputta, etarahi jiṇṇo vuddho mahallako addhagato vayoanuppatto, āsītiko me vayo vattati. Idha me assu, sārīputta, cattāro sāvakā vassasatāyukā vassasatajīvino, paramāya satiyā ca gatiyā ca dhitiyā ca samannāgatā paramena ca paññāveyyattiyena. Seyyathāpi, sārīputta, daḷhadhammā [daḷhadhammo (bahūsu) tīkā ca moggallānabyākaraṇaṃ ca oloketabbam] dhanuggaho sikkhito katahattho katūpāsano lahukena asanena appakasireneva tiriyaṃ tālacchāyaṃ atipāteyya, evaṃ adhimattasatimanto evaṃ adhimattagatimanto evaṃ adhimattadhitimanto evaṃ paramena paññāveyyattiyena samannāgatā. Te maṃ catunnaṃ satipaṭṭhānānaṃ upādāyupādāya pañhaṃ puccheyyaṃ, puṭṭho puṭṭho cāhaṃ tesam byākareyyaṃ, byākatañca me byākatato dhāreyyaṃ, na ca maṃ dutiyakaṃ uttari paṭipuccheyyaṃ.

Aññatra asitapītakhāyitasāyitā aññatra uccārapassāvakkammā, aññatra niddākilamathapaṭivindanā apariyādinnaṃyevassa, sārīputta, tathāgatassa dhammadesanā, apariyādinnaṃyevassa tathāgatassa dhammapadabyañjanaṃ, apariyādinnaṃyevassa tathāgatassa pañhapaṭibhānaṃ . Atha me te cattāro sāvaka vassasatāyukā vassasatajīvino vassasatassa accayena kālaṃ kareyyuṃ. Mañcakena cepi maṃ, sārīputta, parihaṛissatha, nevatthi tathāgatassa paññāveyyattiyassa aññathattaṃ. Yaṃ kho taṃ [yaṃ kho panetaṃ (sī.)], sārīputta, sammā vadamāno vadeyya : 'asammohadhammo satto loke uppanno bahujanahitāya bahujanasukhāya lokānukampāya atthāya hitāya sukhāya devamanussānanti, mameva taṃ sammā vadamāno vadeyya 'asammohadhammo satto loke uppanno bahujanahitāya bahujanasukhāya lokānukampāya atthāya hitāya sukhāya devamanussānanti.

162. Tena kho pana samayena āyasmā nāgasamālo bhagavato piṭṭhito ṭhito hoti bhagavantaṃ bījayaṃ. Atha kho āyasmā nāgasamālo bhagavantaṃ etadavoca : "acchariyaṃ, bhante, abbhutaṃ, bhante! api hi me, bhante, imaṃ dhammapariyāyaṃ sutvā lomāni haṭṭhāni. Konāmo ayaṃ, bhante, dhammapariyāyo? "tasmātiha tvaṃ, nāgasamāla, imaṃ dhammapariyāyaṃ lomahaṃsanapariyāyo tveva naṃ dhārehīti. Idamavoca Bhagavā. Attamaṃ āyasmā nāgasamālo bhagavato bhāsitaṃ abhinandīti.

Mahāsīhanādasuttaṃ niṭṭhitaṃ dutiyaṃ.

12. Mahāsīhanādasuttavaṇṇanā [Atthakathā]

Vesālinagaravaṇṇanā

146. Evaṃ me sutanti mahāsīhanādasuttam. Tattha vesāliyaṃ evaṃnāmake nagare. Taṃ kira aparāparam visālībhūtātāya “vesālī”ti saṅkhaṃ gatam. Tatrāyaṃ anupubbakathā – bārāṇasiraṇṇo kira aggamaheṣiyā kucchimhi gabbho saṅṭhāsi. Sā ṇātvā raṇṇo nivedesi. Rājā gabbhaparihāram adāsi. Sā sammā pariharīyamānā gabbhaparipākakāle vijāyanagharam pāvīsi. Puñṇavantīnam paccūsasamaye gabbhavuṭṭhānam hoti, sā ca tāsam aññatarā, tena paccūsasamaye alattakapaṭalabandhujīvakaṃ pupphasadisam maṃsapesiṃ vijāyi. Tato “aññā devīyo suvaṇṇabimbasadise putte vijāyanti, aggamaheṣī maṃsapesinti raṇṇo purato mama avaṇṇo uppajjeyyā”ti cintetvā tena avaṇṇabhayena taṃ maṃsapesiṃ ekasmiṃ bhājane pakkhipitvā paṭikujjitvā rājamuddikāya lañchetvā gaṅgāya sote pakkhipāpesi. Manussehi chaḍḍitamatte devatā ārakkham saṃvidahiṃsu. Suvaṇṇapaṭṭakañcetha jātihiṅgulakena “bārāṇasiraṇṇo aggamaheṣiyā pajā”ti likhitvā bandhiṃsu. Tato taṃ bhājanam ūmibhayādīhi anupaddutaṃ gaṅgāsotena pāyāsi.

Tena ca samayena aññataro tāpaso gopālakakulam nissāya gaṅgātīre viharati. So pātova gaṅgam otiṇṇo taṃ bhājanam āgacchantam disvā paṃsukūlasaññāya aggahesi. Athettha taṃ akkharapaṭṭikam rājamuddikālañchanam ca disvā muñcitvā taṃ maṃsapesiṃ addasa, disvānassa etadahosi “siyā gabbho, tathā hissa duggandhapūtikabhāvo natthī”ti. Assamam netvā suddhe okāse ṭhapesi. Atha aḍḍhamāsaccayena dve maṃsapesiyo ahesuṃ. Tāpaso disvā sādhitaram ṭhapesi. Tato puna aḍḍhamāsaccayena ekamekissā maṃsapesiyā hatthapādasīsānamatthāya pañca pañca piḷakā uṭṭhahiṃsu. Atha tato aḍḍhamāsaccayena ekā maṃsapesi suvaṇṇabimbasadiso dārako, ekā dārikā ahoṣi.

Tesu tāpasassa puttasiṃho uppajji, aṅguṭṭhakato cassa khīram nibbatti. Tato pabhuti ca khīrabhattam alabhittha, so bhattam bhuñjitvā khīram dārakānam mukhe āsiñcati. Tesam udaram yaṃ yaṃ pavisati, taṃ taṃ sabbam maṇibhājanagatam viya dissati, evaṃ nicchavī ahesuṃ. Apare āhu “sibbetvā ṭhapitā viya nesaṃ aññamaññam līnā chavi ahoṣī”ti. Evaṃ te nicchavitāya vā līnacchavitāya vā licchavīti paññāyimsu.

Tāpaso dārake posento ussūre gāmaṃ sikkhāya pavisati, atidivā paṭikkamati. Tassa taṃ byāpāram ṇātvā gopālakā āhamsu – “bhante, pabbajitānam dārakaposanam palibodho, amhākaṃ dārake detha, mayaṃ possessāma, tumhe attano kammaṃ karoṭhā”ti. Tāpaso sādhitūti paṭissuṇi. Gopālakā dutiyadivase maggam samaṃ katvā pupphehi okiritvā dhajapaṭākā ussāpetvā tūriyehi vajjamānehi assamam āgatā. Tāpaso – “mahāpuñṇā dārakā appamādena vaḍḍhetha, vaḍḍhetvā ca aññamaññam āvāhavivāham karoṭha, pañcagorasena rājānam tosetvā bhūmibhāgam gahetvā nagaram māpetha, tattha kumāram abhisiñcathā”ti vatvā dārake adāsi. Te sādhitūti paṭissuṇitvā dārake netvā posesuṃ.

Dārakā vuddhimanvāya kīlantā vivādatthānesu aññe gopālakadārake hatthenapi pādenapi paharanti. Te rodanti. “Kissa rodathā”ti ca mātāpitūhi vuttā “ime nimmātāpitikā tāpasapositā amhe atipaharanti”ti vadanti. Tato tesam mātāpitaro “ime dārakā aññe dārake vināsenti dukkhāpentī, na ime saṅgahetabbā, vajjetabbā ime”ti āhaṃsu. Tato pabhuti kira so padeso vajjīti vuccati yojanasatiko parimāṇena. Atha taṃ padesaṃ gopālakā rājānaṃ tosetvā aggahesum. Tattha ca nagaraṃ māpetvā soḷasavassuddesikaṃ kumāraṃ abhisiñcivā rājānaṃ akaṃsu. Tāya cassa dārikāya saddhim vivāhaṃ katvā katikaṃ akaṃsu “bāhirakadārikā na ānetabbā, ito dārikā na kassaci dātabbā”ti. Tesam paṭhamasaṃvāseṇa dve dārakā jātā dhītā ca putto ca. Evaṃ soḷasakkhattum dve dve jātā. Tato tesam dārakānaṃ yathākkamaṃ vaḍḍhantānaṃ āramuyyānanivāsattāhānaparivārasampattiṃ gahetum appahontā nagaraṃ tikkhattum gāvutantarena gāvutantarena parikkhipiṃsu. Tassa punappunaṃ visālīkatattā vesālītveva nāmaṃ jātā. Tena vuttam “vesālīyanti evaṃ nāmake nagare”ti.

01 Bahinagareti nagarassa bahi, na ambapālivaṇaṃ viya antonagarasmim. Ayaṃ pana jīvakaṃbavaṇaṃ viya nagarassa bahiddhā vanasaṅḍo. Tena vuttam “bahinagare”ti. Aparapureti purassa apare, pacchimadisāyanti attho. Vanasaṅḍeti so kira vanasaṅḍo nagarassa pacchimadisāyaṃ gāvutamatte thāne. Tattha manussā bhagavato gandhakuṭim katvā taṃ parivāretvā bhikkhūnaṃ rattitthānadiṅḍitthānacaṅkamaleṇakuṭimaṇḍapādīni patiṭṭhapesum, bhagavā tattha viharati. Tena vuttam “aparapure vanasaṅḍe”ti. Sunakkhattoti tassa nāmaṃ. Licchavīnaṃ pana puttattā licchaviputtoti vutto. Acirapakkantoti vibbhamitvā gihbhāvūpagamaṇa adhunāpakkanto. Parisatīti parisamajjhe. Uttarimanussadhammāti ettha manussadhammā nāma dasakusalakammaṃpathā. Te paṭisedhetum na sakkoti. Kasmā? Upārambhābhayā. Vesālīyañhi bahū manussā ratanattaye pasannā buddhamāmakā dhammamāmakā saṅghamāmakā. Te dasakusalakammaṃpathamattampi natthi samaṇassa gotamassāti vutte tvaṃ kattha bhagavantaṃ pānaṃ hanantaṃ addasa, kattha adinnaṃ ādiyantantiādīni vatvā attano pamāṇaṃ na jānāsi? Kiṃ dantā me atthīti pāsāṇasakkharā khādasi, ahinaṅgutṭhe gaṇhitum vāyamaṃsi, kakacadantesu pupphāvaḷikaṃ kīlitum icchasi? Mukhato te dante pātessāmāti vadeyyum. So tesam upārambhābhayā evaṃ vattum na sakkoti.

Vesālīnagaravaṇṇanā nitṭhitā.

Uttarimanussadhammādivaṇṇanā

Tato uttariṃ pana visesādhigamaṃ paṭisedhento uttari manussadhammā alamariyaññadassanavisesoti āha.

Tattha alamariyaṃ ñātunti alamariyo, ariyabhāvāya samatthoti vuttam hoti. Ñāṇadassanameva ñāṇadassanaviseso. Alamariyo ca so ñāṇadassanaviseso cāti alamariyaññadassanaviseso. Ñāṇadassananti dibbacakkhupi vipassanāpi maggopi

phalampi paccavekkhaṇañāṇampi sabbaññutaññāṇampi vuccati. “Appamatto samāno ñāṇadassanaṃ ārādheti”ti (ma. ni. 1.311) hi ettha dibbacakkhu ñāṇadassanaṃ nāma. “Ñāṇadassanāya cittaṃ abhinīharati abhininnāmeti”ti (dī. ni. 1.235) ettha vipassanāñāṇaṃ. “Abhabbā te ñāṇadassanāya anuttarāya sambodhāyā”ti (a. ni. 4.196) ettha maggo. “Ayamañño uttari manussadhammā alamariyañāṇadassanaviseso adhigato phāsu vihāro”ti (ma. ni. 1.328) ettha phalaṃ. “Ñāṇaṇca pana me dassanaṃ udapādi, akuppā me cetovimutti, ayamantimā jāti, natthi dāni punabbhavo”ti (mahāva. 16) ettha paccavekkhaṇañāṇaṃ. “Ñāṇaṇca pana me dassanaṃ udapādi sattāhakālaṅkato ālāro kālāmo”ti (ma. ni. 2.340) ettha sabbaññutaññāṇaṃ. Idha pana lokuttaramaggo adhippeto. Tañhi so bhagavato paṭisedheti.

Takkapariyāhatanti iminā ācariyaṃ paṭibāhati. Evaṃ kirassa ahosi – samaṇena gotamena ācariye upasaṅkamitvā sukhumaṃ dhammantaraṃ gahitaṃ nāma natthi, takkapariyāhataṃ pana takketvā evaṃ bhavissati evaṃ bhavissatīti takkapariyāhataṃ dhammaṃ desetīti. Vīmaṃsānucaritanti iminā cassa lokiyapaññaṃ anujānāti. Samaṇo gotamo paññavā, so taṃ paññāsankhātāṃ indavajirūpamaṃ vīmaṃsaṃ evaṃ vaṭṭissati, evaṃ vaṭṭissatīti ito cito ca anucarāpetvā vīmaṃsāya anucaritaṃ dhammaṃ deseti. Sayampaṭibhānanti imināssa dhammesu paccakkhabhāvaṃ paṭibāhati. Evaṃ hissa ahosi – samaṇassa gotamassa sukhumaṃ dhammantaraṃ vipassanā vā maggo vā phalaṃ vā paccavekkhaṇā vā natthi, ayaṃ pana laddhapariso, rājānaṃ cakkavattiṃ viya naṃ cattāro vaṇṇā parivārenti, suphusitaṃ panassa dantāvaraṇaṃ, mudukā jivhā, madhuro saro, anelagalā vācā, so yaṃ yadevassa upaṭṭhāti, taṃ taṃ gahetvā sayampaṭibhānaṃ kathento mahājanaṃ rañjetīti.

Yassa ca khvāssa atthāya dhammo desitoti yassa ca kho atthāya assa dhammo desito. Seyyathidaṃ, rāgapatiḡhātathāya asubhakammaṭṭhānaṃ, dosappaṭiḡhātathāya mettābhāvanā, mohapaṭiḡhātathāya pañca dhammā, vitakkūpacchedāya ānāpānassati.

So niyyāti takkarassa sammā dukkhakkhayāyāti so dhammo yo taṃ yathādesitaṃ karoti, tassa takkarassa sammā hetunā nayena kāraṇena vaṭṭadukkhakkhayāya niyyāti gacchati tamatthaṃ sādhetīti dīpeti. Idaṃ panesa na attano ajjhāsayaena vadati. Buddhānañhi dhammo aniyyānikoti evamevaṃ pavedeyya, na pana sakkoti vattum. Kasmā? Upārambhahayā. Vesāliyañhi bahū sotāpanna-sakadāgāmi-anāgāmiupāsakā. Te evaṃ vadeyyum “sunakkhatta tvaṃ bhagavatā desitadhammo aniyyānikoti vadasi, yadi ayaṃ dhammo aniyyāniko, imasmimṃ nagare ime kasmā ettakā sotāpannā jātā, ettakā sakadāgāmī, ettakā anāgāmīti pubbe vuttanayena upārambhaṃ kareyyu”nti. So iminā upārambhahayena aniyyānikoti vattum asakkonto ajjunena vissatṭhakaṇḍaṃ viya assa dhammo amogho niyyāti, abbhantare panassa kiñci natthīti vadati.

Assosi khoti vesāliyaṃ brāhmaṇakulasetṭhikulādīsū tattha tattha parisamajjhe evaṃ bhāsamānassa taṃ vacanaṃ suṇi, na pana paṭisedhesi. Kasmā? Kāruññatāya. Evaṃ kirassa ahosi ayaṃ kuddho jhāyamānaṃ veḷuvanaṃ viya pakkhitaloṇaṃ uddhanaṃ viya ca kodhavasena paṭapaṭāyati, mayā paṭibāhito pana mayipi āghātaṃ

bandhissati, evamassa tathāgate ca mayi cāti dvīsu janesu āghāto atibhāriyo bhavissatīti kārūññatāya na paṭisedhesi. Api cassa evaṃ ahosi, buddhānaṃ avaṇṇakathanāṃ nāma puṇṇacande dosāropanasadisam, ko imassa kathāṃ gaṇhissati? Sayameva kheḷe pacchinne mukhe sukkhe oramissatīti iminā kāraṇena na paṭisedhesi. Piṇḍapātapatikkantoti piṇḍapātapariyesanato apagato.

147. Kodhanoti caṇḍo pharuso. Moghapuriso tu cchapuriso. Yassa hi tasmim attabhāve maggaphalānaṃ upanissayo natthi, taṃ buddhā “moghapuriso”ti vadanti. Upanissaye satipi tasmim khaṇe magge vā phale vā asati “moghapuriso”ti vadantiyeva. Imassa pana tasmim attabhāve maggaphalānaṃ upanissayo samucchinnoyeva, tena taṃ “moghapuriso”ti āha. Kodhā ca panassa esā vācā bhāsītāti esā ca panassa vācā kodhena bhāsītā.

Kasmā panesa bhagavato kuddhoti? Ayañhi pubbe bhagavantam upasaṅkamitvā dibbacakkhuparikammaṃ pucchi. Athassa bhagavā kathesi. So dibbacakkhum nibbattetvā ālokaṃ vaḍḍhetvā devaloke olokeno nandanavanacittalatāvanaphārusakavanamissakavanesu dibbasampattim anubhavamāne devaputte ca devadhītarō ca disvā etesaṃ evarūpāya attabhāvasampattiyā t̥hitānaṃ kīvamadhuro nu kho saddo bhavissatīti saddam sotukāmo hutvā dasabalaṃ upasaṅkamitvā dibbasotadhātuparikammaṃ pucchi. Bhagavā panassa dibbasotadhātuyā upanissayo natthīti ñatvā parikammaṃ na kathesi. Na hi buddhā upanissayavirahita tassa parikammaṃ kathenti. So bhagavati āghātam bandhitvā cintesi “ahaṃ samaṇaṃ gotamaṃ paṭhamaṃ dibbacakkhuparikammaṃ pucchim, so ‘mayhaṃ taṃ sampajjatu vā mā vā sampajjatū’ti kathesi. Ahaṃ pana paccattapurisakārena taṃ nibbattetvā dibbasotadhātuparikammaṃ pucchim, taṃ me na kathesi. Addhāssa evaṃ hoti ‘ayaṃ rājapabbajito dibbacakkhuññaṃ nibbattetvā dibbasotadhātuññaṃ nibbattetvā cetopariyaññaṃ nibbattetvā āsavānaṃ khayaññaṃ nibbattetvā mayā samasamo bhavissatī’ti issāmacchariyavasena mayhaṃ na kathetī”ti. Bhiyyoso āghātam bandhitvā kāsāyāni chaḍḍetvā gihibhāvaṃ patvāpi na tuṇhībhūto vicarati. Dasabalaṃ pana asatā tucchena abbhācikkhanto vicarati. Tenāha bhagavā “kodhā ca panassa esā vācā bhāsītā”ti.

Vaṇṇo heso, sārīputtāti, sārīputta, tathāgatena satahassakappādhikāni cattāri asaṅkhyeyyāni pāramiyo pūrentena etadatthameva vāyāmo kato “desanādhhammo me niyyāniko bhavissatī”ti. Tasmā yo evaṃ vadeyya, so vaṇṇaṃyeva tathāgatassa bhāsati. Vaṇṇo heso, sārīputta, tathāgatassa guṇo eso tathāgatassa, na aguṇoti dasseti.

Ayampi hi nāma sārīputtātiādīnā kiṃ dasseti? Sunakkhattena paṭisiddhassa uttarimanussadhammassa attani atthitaṃ dasseti. Bhagavā kira ayaṃ, sārīputta, sunakkhatto moghapuriso natthi tathāgatassa uttarimanussadhammoti vadati. Mayhañca sabbaññutaññaṃ nāma atthi, iddhividhaññaṃ nāma atthi, dibbasotadhātuññaṃ nāma atthi, cetopariyaññaṃ nāma atthi, dasabalaññaṃ nāma atthi, catuvesārājjaññaṃ nāma atthi, atṭhasu parisāsu akampanaññaṃ nāma atthi, catuyoniparicchedakaññaṃ nāma atthi, pañcagatiparicchedakaññaṃ nāma atthi,

sabbepi cete uttarimanussadhammāyeva. Evarūpesu uttarimanussadhammesu ekassāpi vijānanasamattham dhammanvayamattampi nāma etassa moghapurisassa na bhavissatīti etamattham dassetum ayampi hi nāma sārīputtātīdinā nayena imam desanam ārabhi. Tattha anvetīti anvayo, jānāti, anubujjhatīti attho. Dhammassa anvayo dhammanvayo, tam tam sabbaññutaññānādīdhammam jānanapaññāyetam adhivacanam. “Itipi so bhagavā”tiādīhi evarūpampi nāma mayham sabbaññutaññānasākhātam uttarimanussadhammam vijjamānameva atthīti jānitum tassa moghapurisassa dhammanvayopi na bhavissatīti dasseti. Iddhividhaññādīsipi evam yojanā veditabbā.

Uttarimanussadhammādivaṇṇanā niṭṭhitā.

Dasabalaññādivaṇṇanā

148. Ettha ca kiñcāpi cetopariyaññānantaram tisso vijjā vattabbā siyum, yasmā pana tāsū vuttāsū upari dasabalaññam na paripūrati, tasmā tā avatvā tathāgatassa dasabalaññam paripūram katvā dassento dasa kho panimāni sārīputtātīdīmāha. Tattha tathāgatabalānīti aññehi asādhāraṇāni tathāgatasseva balāni. Yathā vā pubbabuddhānam balāni puññussayasampattiyā āgatāni, tathā āgatabalānītipi attho. Tattha duvidham tathāgatabalam kāyabalañca ñāṇabalañca. Tesu kāyabalam hatthikulānusārena veditabbam. Vuttañhetam porāṇehi –

“Kālāvakañca gaṅgeyyam, paṇḍaram tambapiṅgalam;
Gandhamaṅgalahemañca, uposathachaddantime dasā”ti.

Imāni hi dasa hatthikulāni. Tattha kālāvakanti pakatihatthikulam daṭṭhabbam. Yam dasannam purisānam kāyabalam, tam ekassa kālāvakahatthino. Yam dasannam kālāvakānam balam, tam ekassa gaṅgeyyassa. Yam dasannam gaṅgeyyānam, tam ekassa paṇḍarassa. Yam dasannam paṇḍarānam, tam ekassa tambassa. Yam dasannam tambānam, tam ekassa piṅgalassa. Yam dasannam piṅgalānam, tam ekassa gandhahatthino. Yam dasannam gandhahatthīnam, tam ekassa maṅgalassa. Yam dasannam maṅgalānam, tam ekassa hemavatassa. Yam dasannam hemavatānam, tam ekassa uposathassa. Yam dasannam uposathānam, tam ekassa chaddantassa. Yam dasannam chaddantānam tam ekassa tathāgatassa. Nārāyanasaṅghātabalantīpi idameva vuccati. Tadetam pakatihatthigaṇanāya hatthīnam koṭisahasānam purisagaṇanāya dasannam purisakoṭisahasānam balam hoti. Idam tāva tathāgatassa kāyabalam.

Ñāṇabalam pana pāliyam tāva āgatameva. Dasabalaññam, catuvesārajaññam, aṭṭhasu parisāsu akampanaññam, catuyoniparicchedakaññam, pañcagatiparicchedakaññam. Saṃyuttake (saṃ. ni. 2.34) āgatāni tesattati ñāṇāni sattasattati ñāṇānīti evam aññānīpi anekāni ñāṇasahasāni, etam ñāṇabalam nāma. Idhāpi ñāṇabalameva adhippetam. Ñāṇāñhi akampiyatṭhena upatthambhanatṭhena ca balanti vuttam.

Yehi balehi samannāgatoti yehi dasahi ñāṇabalehi upeto samupeto. Āsabhaṃ ṭhānanti seṭṭhatṭhānaṃ uttamattṭhānaṃ. Āsabhā vā pubbabuddhā, tesam ṭhānanti attho. Apica gavasatajetṭhako usabho, gavasahassajetṭhako vasabho. Vajasatajetṭhako vā usabho, vajasahassajetṭhako vasabho. Sabbagavaseṭṭho sabbaparissayasaho seto pāsādiko mahābhāravaho asanisatasaddehipi akampaniyo nisabho, so idha usabhoti adhippeto. Idampi hi tassa pariyaavacanam. Usabhassa idanti āsabhaṃ. Ṭhānanti catūhi pādehi pathaviṃ uppīletvā acalaṭṭhānaṃ. Idaṃ pana āsabhaṃ viyāti āsabhaṃ. Yatheva hi nisabhasaṅkhāto usabho usabhabalena samannāgato catūhi pādehi pathaviṃ uppīletvā acalaṭṭhānena tiṭṭhati, evaṃ tathāgatopi dasahi tathāgatabalehi samannāgato catūhi vesārajapādehi atṭhaharisapathaviṃ uppīletvā sadevake loke kenaci paccatthikena paccāmittena akampiyo acalaṭṭhānena tiṭṭhati. Evaṃ tiṭṭhamānova taṃ āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti, upagacchati na paccakkhāti attani āropeti. Tena vuttaṃ “āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti”ti.

Parisāsūti atṭhasu parisāsu. Sīhanādaṃ nadatīti seṭṭhanādaṃ abhītanādaṃ nadati, sīhanādasadisam vā nādaṃ nadati. Ayamatto sīhanādasuttēna dīpetabbo. Yathā vā sīho sahanato hananato ca sīhoti vuccati, evaṃ tathāgato lokadhammānaṃ sahanato parappavādānaṃca hananato sīhoti vuccati. Evaṃ vuttassa sīhassa nādaṃ sīhanādaṃ. Tattha yathā sīho sīhabalena samannāgato sabbattha visārado vigatalomahaṃso sīhanādaṃ nadati, evaṃ tathāgatasīhōpi tathāgatabalehi samannāgato atṭhasu parisāsu visārado vigatalomahaṃso iti rūpantiādīnā nayena nānāvīdhadesanāvīlāsasampannaṃ sīhanādaṃ nadati. Tena vuttaṃ “parisāsu sīhanādaṃ nadatī”ti. Brahmaccakkaṃ pavattētīti ettha brahmanti seṭṭhaṃ uttamaṃ viṣiṭṭhaṃ. Cakka-saddo panāyaṃ –

Sampattiyam lakkhaṇe ca, rathaṅge iriyāpathe;

Dāne ratanadhammūra-cakkādīsū ca dissati;

Dhammacakke idha mato, taṅca dvedhā vibhāvaye.

“Cattārimāni, bhikkhave, cakkāni, yehi samannāgatānaṃ devamanussāna”ntiādīsū (a. ni. 4.31) hi ayaṃ sampattiyam dissati. “Pādālesu cakkāni jātāni”ti (dī. ni. 2.35) ettha lakkhaṇe. “Cakkaṃva vahato pada”nti (dha. pa. 1) ettha rathaṅge. “Catucakkaṃ navadvāra”nti (saṃ. ni. 1.29) ettha iriyāpathe. “Dadaṃ bhuñja mā ca pamādo, cakkaṃ pavattaya sabbapāṇina”nti (jā. 1.7.149) ettha dāne. “Dibbaṃ cakkaratanaṃ pāturahosī”ti (dī. ni. 2.243) ettha ratanacakke. “Mayā pavattitaṃ cakka”nti (su. ni. 562) ettha dhammacakke. “Icchāhatassa posassa, cakkaṃ bhamati matthake”ti (jā. 1.1.104; 1.5.103) ettha uracakke. “Khurapariyāntena cepi cakkenā”ti (dī. ni. 1.166) ettha paharaṇacakke. “Asanivicakka”nti (dī. ni. 3.61; saṃ. ni. 2.162) ettha asanīmaṇḍale. Idha panāyaṃ dhammacakke adhippeto.

Taṃ pana dhammacakkaṃ duvidhaṃ hoti paṭivedhañāṇaṅceva desanāñāṇaṅca. Tattha paññāpabhāvitam attano ariyabalāvahaṃ paṭivedhañāṇam. Karuṇāpabhāvitam sāvakaṇam ariyabalāvahaṃ desanāñāṇam. Tattha paṭivedhañāṇam uppajjamānaṃ uppannanti duvidhaṃ. Tañhi abhinikkhamaṇato yāva arahattamaggā uppajjamānaṃ, phalakkhaṇe uppannaṃ nāma. Tusitabhavaṇato vā yāva mahābodhipallaṅke arahattamaggā uppajjamānaṃ, phalakkhaṇe uppannaṃ nāma. Dīpaṅkaradasabalato paṭṭhāya vā yāva arahattamaggā uppajjamānaṃ, phalakkhaṇe uppannaṃ nāma.

Desanāñāṇampi pavattamānaṃ pavattanti duvidhaṃ. Tañhi yāva aññātakonḍaññaṃ sotāpattimaggā pavattamānaṃ, phalakkhaṇe pavattamānaṃ. Tesu paṭivedhaññaṃ lokuttaraṃ, desanāñāṇaṃ lokiyaṃ. Ubhayampi panetaṃ aññehi asādhāraṇaṃ, buddhānaṃyeva orasaññaṃ.

Idāni yehi balehi samannāgato tathāgato āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti, yāni āditova “dasa kho panimāni, sārīputta, tathāgatassa tathāgatabalānī”ti nikkhittāni, tāni vitthārato dassetuṃ katamāni dasa? Idha, sārīputta, tathāgato ṭhānañca ṭhānatotiādīmāha. Tattha ṭhānañca ṭhānatoti kāraṇañca kāraṇato. Kāraṇañhi yasmā tattha phalaṃ tiṭṭhati tadāyattavuttiyāya uppajjati ceva pavattati ca, tasmā ṭhānanti vuccati. Taṃ bhagavā “ye ye dhammā yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ hetū paccayā uppādāya, taṃ taṃ ṭhānaṃ. Ye ye dhammā yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ na hetū na paccayā uppādāya, taṃ taṃ aṭṭhāna”nti pajānanto ṭhānañca ṭhānato aṭṭhānañca aṭṭhānato yathābhūtaṃ pajānāti. Abhidhamme panetaṃ, “tattha katamaṃ tathāgatassa ṭhānañca ṭhānato aṭṭhānañca aṭṭhānato yathābhūtaṃ ñāṇa”ntiādīnā (vibha. 809) nayena vitthāritameva. Yampīti yena ñāṇena. Idampi, sārīputta, tathāgatassāti idampi ṭhānāṭṭhānaññaṃ tathāgatassa tathāgatabalaṃ nāma hotīti attho. Evaṃ sabbapadesu yojanā veditabbā.

Kammasamādānānanti samādiyitvā katānaṃ kusalākusalakammānaṃ, kammameva vā kammasamādānaṃ. Ṭhānaso hetusoti paccayato ceva hetuto ca. Tattha gatiupadhikālapayogā vipākassa ṭhānaṃ. Kammaṃ hetu. Imassa pana ñāṇassa vitthārakathā “atthekaccāni pāpakāni kammasamādānāni gatisampattiṭṭhāni na vipaccantī”tiādīnā (vibha. 810) nayena abhidhamme āgatāyeva.

Sabbatthagāmininti sabbagatigāminiṃ agatigāminiñca. Paṭipadanti maggaṃ. Yathābhūtaṃ pajānātīti bahūsupi manussesu ekameva pāṇaṃ ghātentesu imassa cetanā nirayagāminī bhavissati, imassa cetanā tiracchānāyonigāminīti iminā nayena ekavatthusmimpi kusalākusalacetanāsāṅkhātānaṃ paṭipattīnaṃ aviparītato sabhāvaṃ jānāti. Imassa ca ñāṇassa vitthārakathā “tattha katamaṃ tathāgatassa sabbatthagāminiṃ paṭipadaṃ yathābhūtaṃ ñāṇaṃ? Idha tathāgato ayaṃ maggo ayaṃ paṭipadā nirayagāmīti pajānātī”tiādīnā (vibha. 811) nayena abhidhamme āgatāyeva.

Anekadhātunti cakkhūdhātuādīhi kāmādhātuādīhi vā dhātūhi bahūdhātuṃ. Nānādhātunti tāsāmyeva dhātūnaṃ vilakkhaṇatāya nānappakāradhātuṃ. Lokanti khandhāyatanadhātulokaṃ. Yathābhūtaṃ pajānātīti tāsāṃ tāsāṃ dhātūnaṃ aviparītato sabhāvaṃ paṭivijjhati. Idampi ñāṇaṃ “tattha katamaṃ tathāgatassa anekadhātunānādhātulokaṃ yathābhūtaṃ ñāṇaṃ, idha tathāgato khandhanānattaṃ pajānātī”tiādīnā nayena abhidhamme vitthāritameva.

Nānādhimuttikatanti hīnādīhi adhimuttīhi nānādhimuttikabhāvaṃ. Idampi ñāṇaṃ, “tattha katamaṃ tathāgatassa sattānaṃ nānādhimuttikataṃ yathābhūtaṃ ñāṇaṃ, idha

tathāgato pajānāti santi sattā hīnādhimuttikā”ti ādinā nayena abhidhamme vitthāritameva.

Parasattānanti padhānasattānaṃ. Parapuggalānanti tato paresaṃ hīnasattānaṃ. Ekatthameva vā etaṃ padadvayaṃ. Veneyyavasena pana dvedhā vuttaṃ. Indriyaparopariyattanti saddhādīnaṃ indriyānaṃ parabhāvaṃ aparabhāvañca, vuddhiñca hāniñcāti attho. Imassapi ñāṇassa vitthārakathā – “tatha katamaṃ tathāgatassa parasattānaṃ parapuggalānaṃ indriyaparopariyattaṃ yathābhūtaṃ ñāṇaṃ, idha tathāgato sattānaṃ āsayamaṃ pajānāti anusayamaṃ pajānāti”tiādinā (vibha. 814) nayena abhidhamme āgatāyeva.

Jhānavimokkhasamādhisamāpattīnanti paṭhamādīnaṃ catunnaṃ jhānaṃ rūpī rūpāni passatītiādinā aṭṭhannaṃ vimokkhānaṃ savitakkasavicārādīnaṃ tiṇṇaṃ samādhīnaṃ paṭhamajjhānasamāpattītiādināñca navannaṃ anupubbasaṃpattīnaṃ. Saṃkilesanti hānabhāgiyadhammaṃ. Vodānanti visesabhāgiyadhammaṃ. Vuṭṭhānanti “vodānampi vuṭṭhānaṃ. Tamhā tamhā samādhimhā vuṭṭhānampi vuṭṭhāna”nti (vibha. 828) evaṃ vuttapaguṇajjhānañceva bhavaṅgaphalasaṃpattiyo ca. Hetṭhimaṃ hetṭhimañhi paguṇajjhānaṃ uparimassa uparimassa padaṭṭhānaṃ hoti. Tasmā “vodānampi vuṭṭhāna”nti vuttaṃ. Bhavaṅgena pana sabbajjhānehi vuṭṭhānaṃ hoti. Phalasaṃpattiyā nirodhasaṃpattito vuṭṭhānaṃ hoti. Taṃ sandhāya “tamhā tamhā samādhimhā vuṭṭhānampi vuṭṭhāna”nti vuttaṃ. Idampi ñāṇaṃ “tatha katamaṃ tathāgatassa jhānavimokkhasamādhisamāpattīnaṃ saṃkilesaṃ vodānaṃ vuṭṭhānaṃ yathābhūtaṃ ñāṇaṃ, jhāyīti cattāro jhāyī, atthekacco jhāyī sampattiṃyeva samānaṃ vipattīti pacceṭī”tiādinā (vibha. 828) nayena abhidhamme vitthāritaṃ. Sattannaṃ ñāṇaṃ vitthārakathāvinicchayo sammohavinodaniyaṃ vibhaṅgaṭṭhakathāyaṃ vutto. Pubbenivāsānussatidibbacakkuññakathā visuddhimagge vitthāritā. Āsavakkhayakathā bhayabherave.

149. Imāni kho sārīputtāti yāni pubbe “dasa kho panimāni, sārīputta, tathāgatassa tathāgatabalāni”ti avocaṃ, imāni tānīti appanaṃ karoti. Tattha paravādīkathā hoti – dasabalaññaṃ nāma pāṭiyekkaṃ natthi, sabbaññutaññāṇassevāyaṃ pabhedoti. Taṃ na tathā daṭṭhabbaṃ. Aññaṃ hi dasabalaññaṃ, aññaṃ sabbaññutaññaṃ. Dasabalaññañhi sakasakakiccameva jānāti. Sabbaññutaññaṃ tampi tato avasesampi pajānāti. Dasabalaññaesu hi paṭhamaṃ kāraṇākāraṇameva jānāti. Dutiyaṃ kammantaravipākantameva. Tatiyaṃ kammaparicchedameva. Catutthaṃ dhātunānattakāraṇameva. Pañcamaṃ sattānaṃ ajjhāsayaḍḍhimuttimeva. Chaṭṭhaṃ indriyānaṃ tikkhamudubhāvameva. Sattamaṃ jhānādīhi saddhiṃ tesam saṃkilesādimeva. Aṭṭhamaṃ pubbenivutthakhandhasantatimeva. Navamaṃ sattānaṃ cutipatisandhimeva. Dasamaṃ saccaparicchedameva. Sabbaññutaññaṃ pana etehi jānītabbañca tato uttariñca pajānāti. Etesam pana kiccaṃ na sabbam karoti. Tañhi jhānaṃ hutvā appetuṃ na sakkoti, iddhi hutvā vikubbituṃ na sakkoti, maggo hutvā kilese khepetuṃ na sakkoti. Apica paravādī evaṃ pucchitabbo – “dasabalaññaṃ nāma etaṃ savitakkasavicāraṃ avitakkavicāramattaṃ avitakkaavicāraṃ kāmāvacaraṃ

rūpāvacaram arūpāvacaram lokiyam lokuttara'nti? Jānanto paṭipāṭiyā satta ñāṇāni savitakkasavicārānīti vakkhati. Tato parāni dve avitakkaavicārānīti vakkhati. Āsavakkhayañāṇam siyā savitakkasavicāram, siyā avitakkavicāramattam, siyā avitakkaavicāranti vakkhati. Tathā paṭipāṭiyā satta kāmāvacarāni, tato parāni dve rūpāvacarāni, avasāne ekam lokuttaranti vakkhati, sabbaññutaññāṇam pana savitakkasavicārameva kāmāvacarameva lokiyamevāti vakkhati.

Evamettha anupadavañṇanam katvā idāni yasmā tathāgato paṭhamameva ṭhānāṭṭhānañāṇena veneyyasattānam āsavakkhayādhighamassa ceva anadhighamassa ca ṭhānāṭṭhānabhūtam kilesāvaraṇābhāvam passati, lokiyasammādiṭṭhiṭṭhānadassanato niyatamicchādiṭṭhiṭṭhānābhāvadassanato ca. Atha nesam kammavipākāñāṇena vipākāvaraṇābhāvam passati, tihetukapaṭisandhidassanato. Sabbatthagāminīpaṭipadāñāṇena kammāvaraṇābhāvam passati, anantariyakammābhāvadassanato. Evaṃ anāvaraṇānam anekadhātunādhātuñāṇena anukūladhammadesanattam cariyavisesam passati, dhātuvemattadassanato. Atha nesam nānādhimuttikatāñāṇena adhimuttiṃ passati, payogaṃ anādiyitvāpi adhimuttivasena dhammadesanattam. Athevaṃ diṭṭhādhimuttiṃ yathāsatti yathābalaṃ dhammaṃ desetum indriyaparopariyattañāṇena indriyaparopariyattam passati, saddhādīnam tikkhamudubhāvadassanato. Evaṃ pariññātindriyaparopariyattā pana te sace dūre honti, paṭhamajjhānādīsu vasībhūtattā iddhivisesena te khippaṃ upagacchati. Upagantvā ca nesam pubbenivāsānussatiñāṇena pubbajātibhāvanam, dibbacakkuñāṇānubhāvato pattabbena cetopariyañāṇena sampati cittavisesam passanto āsavakkhayañāṇānubhāvena āsavakkhayagāminiyā paṭipadāya vigatasammohattā āsavakkhayāya dhammaṃ deseti. Tasmā iminā anukkamena imāni dasabalāni vuttānīti veditabbāni.

Tam, sārīputta, vācam appahāyātiādīsu puna evarūpiṃ vācam na vakkhāmīti vadanto tam vācam pajahati nāma. Puna evarūpaṃ cittaṃ na uppādessāmīti cintento cittaṃ pajahati nāma. Puna evarūpaṃ diṭṭhiṃ na gaṇhissāmīti pajahanto diṭṭhiṃ paṭinissajjati nāma, tathā akaronto neva pajahati, na paṭinissajjati. So yathābhatam nikkhitto evaṃ nirayeti yathā nirayapālehi āharitvā niraye ṭhapito, evaṃ niraye ṭhapitoyevāti veditabbo.

Idānissa atthasādhakam upamaṃ dassento seyyathāpītiādīmāha. Tattha sīlasampannotiādīsu lokiyalokuttarā sīlasamādhipaññā veditabbā. Lokuttaravaseneva vinivattetumpi vaṭṭati. Ayañhi sammāvācākammantājīvehi sīlasampanno, sammāvāyāmasatisamādhīhi samādhisampanno, sammādiṭṭhisāṅkappehi paññāsampanno, so evaṃ sīlādisampanno bhikkhu yathā diṭṭheva dhamme imasmimyeva attabhāve aññam ārādheti arahattam pāpuṇāti, evaṃsampadamidaṃ, sārīputta, vadāmi imampi kāraṇam evarūpameva. Yathā hi maggānantaram avirajjhivāva phalaṃ nibbattati, evameva imassāpi puggalassa cutianantaram avirajjhivāva niraye paṭisandhi hotīti dasseti. Sakalasmīñhi buddhavacane imāya upamāya gāḷhataram katvā vuttaupamā nāma natthi.

150. Vesārajjanīti ettha sārājapātipakkho vesārajjaṃ, catūsu thānesu sārājābhāvaṃ paccavekkhantassa uppannasomanassamayañāṇassettaṃ nāmaṃ. Sammāsambuddhassa te paṭijānatoti ahaṃ sammāsambuddho, sabbe dhammā mayā abhisambuddhāti evaṃ paṭijānato tava. Anabhisambuddhāti ime nāma dhammā tayā anabhisambuddhā. Tatra vatāti tesu vata anabhisambuddhāti evaṃ dassitadhammesu. Sahadhammenāti sahetunā sakāraṇena vacanena sunakkhatto viya vippalapanto appamāṇaṃ. Nimittametanti ettha puggalopi dhammopi nimittanti adhippeto. Taṃ puggalaṃ na passāmi, yo maṃ paṭicodessati, taṃ dhammaṃ na passāmi, yaṃ dassetvā ayaṃ nāma dhammo tayā anabhisambuddhoti maṃ paṭicodessatīti ayamettha attho. Khemappattoti khemaṃ patto, sesapadadvayaṃ imasseva vevacanaṃ. Sabbañhettaṃ vesārajañāṇameva sandhāya vuttaṃ. Dasabalassa hi ayaṃ nāma dhammo tayā anabhisambuddhoti codakaṃ puggalaṃ vā codanākāraṇaṃ anabhisambuddhadhammaṃ vā apassato sabhāvabuddhoyeva vā samāno ahaṃ buddhosmīti vadāmīti paccavekkhantassa balavataraṃ somanassaṃ uppajjati. Tena sampayuttaṃ ñāṇaṃ vesārajjaṃ nāma. Taṃ sandhāya “khemappatto”tiādīmāha. Evaṃ sabbattha attho veditabbo.

Antarāyikā dhammāti ettha pana antarāyaṃ karontīti antarāyikā, te atthato sañcicca vītikkantā satta āpattikkhandhā. Sañcicca vītikkantañhi antamaso dukkaṭa-dubbhāsītampi maggaphalānaṃ antarāyaṃ karoti. Idha pana methunadhammo adhippeto. Methunaṃ sevato hi yassa kassaci nissaṃsayameva maggaphalānaṃ antarāyo hoti. Yassa kho pana tesu atthāyāti rāgakkhayādīsu yassa atthāya. Dhammo desitoti asubhabhāvanādiddhammo kathito. Tatra vata manti tasmim̐ aniyyānikadhamme maṃ. Sesam̐ vuttanayeneva veditabbaṃ.

Dasabalañāṇādivaṇṇanā niṭṭhitā.

Aṭṭhapaṛisaṇṇanā

151. “Aṭṭha kho imā sārīputtā”ti idaṃ kasmā āradhamaṃ? Vesārajañāṇassa baladassanattaṃ. Yathā hi byattaṃ paṛisaṃ ajjhogāhetvā viññūnaṃ cittaṃ ārādhanasamatthāya kathāya dhammakathikassa chekabhāvo paññāyati, evaṃ imā aṭṭha paṛisā patvā vesārajañāṇassa vesārajjabhāvo sakkā ñātunti vesārajañāṇassa balaṃ dassento, aṭṭha kho imā sārīputtātiādīmāha.

Tattha khattiyapaṛisāti khattiyānaṃ sannipatitvā nisinnaṭṭhānaṃ, esa nayo sabbattha. Mārakāyikānaṃ pana sannipatitvā nisinnaṭṭhānaṃ mārapaṛisā veditabbā, na mārānaṃ. Sabbāpi cetā paṛisā uggaṭṭhānadassanavasena gahitā. Manussa hi “ettha rājā nisinno”ti pakativacanaṃ vattaṃ na sakkonti, kacchehi sedā muccanti. Evaṃ ugga khattiyapaṛisā. Brāhmaṇā tīsu vedesu kusalā honti, gahapatayo nānāvohāresu ceva akkharacintāya ca. Samaṇā sakavādaparavādesu kusalā honti. Tesam̐ majjhe dhammakathākathanaṃ nāma ativiya bhāro. Amanussāpi ugga honti. Amanussoti hi

vuttamattepi manussānaṃ sakalasarīraṃ saṅkampaṭi, tesam rūpaṃ vā disvā saddaṃ vā sutvā sattā visaññino honti. Evaṃ amanussaparisaṃ uggā. Tāsupi dhammakathākathanaṃ nāma ativiya bhāro. Iti uggaṭṭhānadassanavasena tā gahitāti veditabbā.

Ajjhogāhatīti anupavisati. Anekasataṃ khattiyaparisaṃti bimbisārasamāgama ṇāṭisamāgama licchavīsamāgamasadisam. Aññesupi cakkavāḷesu labbhatiyeva. Kiṃ pana bhagavā aññāni cakkavāḷānipi gacchatīti? Āma gacchati. Kīdiso hutvā? Yādisā te, tādisoyeva. Tenevāha “abhijānāmi kho panāhaṃ, ānanda, anekasataṃ khattiyaparisaṃ upasaṅkamitā, tattha yādisako tesam vaṇṇo hoti, tādisako mayhaṃ vaṇṇo hoti. Yādisako tesam saro hoti, tādisako mayhaṃ saro hoti. Dhammiyā kathāya sandassemi samādapemi samuttejemi sampahaṃsemi. Bhāsamānañca maṃ na jānanti ‘ko nu kho ayaṃ bhāsati devo vā manusso vā’ti. Dhammiyā kathāya sandassetvā samādapetvā samuttejetvā sampahaṃsetvā antaradhāyāmi. Antarahitañca maṃ na jānanti ‘ko nu kho ayaṃ antarahito devo vā manusso vā’”ti (dī. ni. 2.172).

Khattiyā keyūraṅgadamālāgandhādivibhūsitā nānāviraḡavasaṇā āmukkamaṇikuṇḍalā moḷidharā honti. Kiṃ bhagavāpi evaṃ attānaṃ maṇḍeti? Te ca odātāpi honti kālāpi maṅgulacchavīpi. Kiṃ satthāpi evarūpo hotīti? Satthā attano pabbajitavaseneva gacchati, tesam pana tādiso hutvā upaṭṭhāti, gantvā rājāsane nisinnaṃ attānaṃ dasseti, tesam “ajja amhākaṃ rājā ativiya virocātī”ti hoti. Te ca bhinnassarāpi honti gaggassarāpi kākassarāpi. Satthā brahmāsareneva dhammaṃ katheti. Tādisako mayhaṃ saro hotīti idaṃ pana bhāsantaraṃ sandhāya kathitaṃ. Manussānaṃ pana taṃ sutvā “ajja rājā madhurena sarena kathetī”ti hoti. Kathetvā pakkante ca bhagavati puna rājānaṃ āgataṃ disvā “ko nu kho aya”nti vīmaṃsā uppajjati.

Idaṃ vuttaṃ hoti – ko nu kho ayaṃ imasmiṃ ṭhāne idāneva māgadhabhāsāya sīhaḷabhāsāya madhurena sarena kathento antarahito, kiṃ devo, udāhu manussoti? Kimatthaṃ panevaṃ ajānantānaṃ dhammaṃ desetīti? Vāsanatthāya. Evaṃ sutopi hi dhammo anāgate paccayo hotiyevāti anāgataṃ paṭicca desetīti.

Sannisinnapubbanti saṅgama nisinnapubbaṃ. Sallapitapubbanti ālāpasallāpo katapubbo. Sākacchāti dhammasākacchāpi samāpajjitapubbā. Anekasataṃ brāhmaṇaparisaṃtiādīnampi soṇadaṇḍasamāgamādivasena ceva aññacakkavāḷavasena ca sambhavo veditabbo.

Aṭṭhaparisaṃvaṇṇanā niṭṭhitā.

Catuyoniṃvaṇṇanā

152. Catasso kho imā, sārīputta, yoniyoti ettha yonīti khandhakoṭṭhāsassapi kāraṇassapi passāvamaḡgassapi nāmaṃ. “Catasso nāgayoniyo catasso supaṇṇayoniyo”ti (saṃ. ni. 3.342, 392) ettha hi khandhakoṭṭhāso yoni nāma. “Yoni hesā bhūmija phalassa adhigamāyā”ti (ma. ni. 2.227) ettha kāraṇaṃ. “Na cāhaṃ brāhmaṇaṃ brūmi, yonijaṃ mattisambhava”nti (ma. ni. 2.457; dha. pa. 396) ettha

passāvamaggo. Idha pana khandhakoṭṭhāso yonīti adhippeto. Tattha aṇḍe jātā aṇḍajā. Jalābumhi jātā jalābujā. Saṃsede jātā saṃsedajā. Vinā etehi kāraṇehi uppativā viya nibbattā abhinibbattāti opapātikā. Abhinibbhijja jāyantīti bhindivā nikkhamanavasena jāyanti. Pūtikunape vātiādīhi anitṭhatṭhānāneva dassitāni. Itṭhesupi sappitelamadhuphānitādīsu sattā jāyanti eva. Devātiādīsu cātumahārājikato paṭṭhāya uparidevā opapātikāva honti. Bhūmadevā pana catuyonikā. Ekacce ca manussāti manussesu keci devā viya opapātikā ca honti. Yebhuyyena panete jalābujāva, aṇḍajāpi ettha kontaputtā dvebhātiyattherā viya, saṃsedajāpi padumagabbhe nibbattapokkharasātibrāhmaṇapadumavatidevīdayo viya, evaṃ vinipātikesu nijjhāmatanḥhikapetā nerayikā viya opapātikāyeva, avasesā catuyonikāpi honti. Yathā te evaṃ yakkhāpi sabbacatuppapakkhijātīdighajātīdayopi sabbe catuyonikāyeva.

Catuyonivaṇṇanā niṭṭhitā.

Pañcagativaṇṇanā

153. Pañca kho imā, sārīputta, gatiyoti ettha sukatadukkataḥkammavasena gantabbāti gatiyo. Apica gatigati nibbattigati ajjhāsayaḥgati vibhavaḥgati nipphattigatīti bahuvidhā gati nāma. Tattha “taṃ gatiṃ pecca gacchāmī”ti (a. ni. 4.184) ca, “yassa gatiṃ na jānanti, devā gandhabbamānusa”ti (dha. pa. 420) ca ayaṃ gatigati nāma. “Imesaṃ kho ahaṃ bhikkhūnaṃ sīlavantaṃ neva jānāmi gatiṃ vā agatiṃ vā”ti (ma. ni. 1.508) ayaṃ nibbattigati nāma. “Evampi kho te ahaṃ brahme gatiṃ ca pajānāmi jutiṅca pajānāmī”ti (ma. ni. 1.503) ayaṃ ajjhāsayaḥgati nāma. “Vibhavo gati dhammānaṃ, nibbānaṃ arahato gatī”ti (pari. 339) ayaṃ vibhavaḥgati nāma. “Dveyeva gatiyo bhavanti anaññā”ti (dī. ni. 1.258; 2.34) ayaṃ nipphattigati nāma. Tāsu idha gatigati adhippetā.

Nirayotiādīsu niratiatthena nirassādaṭṭhena nirayo. Tiriyaṃ añchitāti tiracchānā. Tesam yoni tiracchānayo. Peccabhāvaṃ pattānaṃ visayoti pettivisayo. Manaso ussannattā manussā. Pañcahi kāmaguṇehi attano attano ānubhāvehi ca dibbantīti devā. Nirayañcāhaṃ, sārīputtātiādīsu nirayoti saddhiṃ okāseṇa khandhā. Tiracchānayoṇiṃ cātiādīsūpi eseva nayo. Maggaṃ paṭipadanti ubhayenāpi vuttagatisaṃvattanika kammameva dasseti. Yathā ca paṭipannoti yena maggena yāya paṭipadāya paṭipannoti ubhayampi ekato katvā niddisati. Apāyantiādīsu vaḍḍhisāṅkhātā sukhasāṅkhātā vā ayā apētattā apāyo. Dukkassa gati paṭisaraṇanti duggati. Dukkataḥkārino ettha vinipatantīti vinipāto. Nibbānañcāhanti idaṃ pana na kevalaṃ gatigatimeva, gatinissaraṇaṃ nibbānampi jānāmīti dassanatthamāha. Idha maggo paṭipadāti ubhayenāpi ariyamaggo vutto.

Pañcagativaṇṇanā niṭṭhitā.

Ñāṇappavattākāraṇṇanā

154. Idāni yathāvuttesu sattuṣu ṭhānesu aṭṭhasu ṭhānesu attano ñāṇappavattākāraṇṇanā dassento idhāhaṃ, sārīputtātīādīmāha.

Tattha ekantadukkhāti niccadukkhā nirantaradukkhā. Tibbāti bahalā. Kaṭukāti kharā. Seyyathāpītiādīni opammadassanattamaṃ vuttāni. Tattha kāsūti āvāṭopi vuccati rāsipi.

“Kinu santaramānova, kāsūṃ khaṇasi sārathi;

Putṭho me samma akkhāhi, kiṃ kāsuyā karissasī”ti. (jā. 2.22.3) –

Ettha hi āvāṭo kāsu nāma.

“Aṅgārakāsūṃ apare phunanti, narā rudantā paridaḍḍhagattā”ti. (jā. 2.22.462) –

Ettha rāsī. Idha pana āvāṭo adhippeto. Tenevāha “sādhikaporisā”ti. Tattha sādhikamaṃ porisamaṃ pamāṇamaṃ assāti sādhikaporisā, atirekapañcaratanāti attho. Vītaccikānaṃ vītadhūmānanti etaṃ pariḷāhassa balavabhāvadīpanattamaṃ vuttamaṃ, acciyā vā sati dhūme vā sati, vāto samuṭṭhāti, tena pariḷāho na balavā hoti. Ghammaparetoti ghammānugato. Tasitoti jātataṇho. Pipāsītoti udakamaṃ pātukāmo. Ekāyanena maggenāti ekapatheneva maggena, anukkamanīyena ubhosu passesu nirantarakaṇṭakarukkagahanena. Paṇidhāyāti aṅgārakāsuyamaṃ patthanā nāma natthi, aṅgārakāsūṃ ārabha pana iriyāpathassa ṭhapitattā evamaṃ vuttamaṃ.

Evameva khoti ettha idaṃ opammasaṃsandanaṃ – aṅgārakāsu viya hi nirayo daṭṭhabbo. Aṅgārakāsūmaggo viya nirayūpagaṃ kammaṃ. Maggārulho viya kammasamaṅgī puggalo. Cakkhumā puriso viya dibbacakkhuko bhagavā. Yathā so puriso maggārulhaṃ disvā vijānāti “ayamaṃ iminā maggena gantvā aṅgārakāsuyamaṃ patissatī”ti, evamevamaṃ bhagavā paṇātipātādīsu yaṃkiñci kammaṃ āyūhantaṃ evamaṃ jānāti “ayamaṃ imaṃ kammaṃ katvā niraye nibbattissatī”ti. Yathā so puriso aparabhāge taṃ aṅgārakāsuyā patitaṃ passati, evameva bhagavā aparabhāge “so puriso taṃ kammaṃ katvā kuhiṃ nibbatto”ti ālokaṃ vaḍḍhetvā dibbacakkhunā olokento niraye nibbattaṃ passati pañcavidhabandhanādīmahādukkhamaṃ anubhavantaṃ. Tattha kiñcāpi tassa kammāyūhanakāle añño vaṇṇo, niraye nibbattassa añño. Athāpi “so satto taṃ kammaṃ katvā kattha nibbatto”ti olokaṃ tassa anekasahassānaṃ sattānaṃ majjhe ṭhitopi “ayamaṃ so”ti soyeva satto āpāthaṃ āgacchati, “dibbacakkhubalaṃ nāma eta”nti vadanti.

Dutiyaupamāyamaṃ yasmā aṅgārakāsuyamaṃ viya gūthakūpe pariḷāho natthi, tasmā “ekantadukkhā”ti avatvā “dukkhā”tiādīmāha. Etthāpi purimanayeneva opammasaṃsandanaṃ veditabbaṃ. Imampi hi puggalaṃ bhagavā hatthiyoniādīsu yattha katthaci nibbattaṃ vadhabandhanaākaḍḍhanavikaḍḍhanādīhi mahādukkhamaṃ anubhavamaṇaṃ passatiyeva.

Tatiyaupamāyamaṃ tanupattapalāsoti na abbhapaṭalaṃ viya tanupaṇṇo, virāpaṇṇattaṃ panassa sandhāya idaṃ vuttamaṃ. Kabaracchāyoti virālacchāyo.

Dukkhabahulāti pettavisayasmiñhi dukkhameva bahulaṃ, sukhaṃ parittaṃ kadāci anubhavitabbaṃ hoti, tasmā evamāha. Etthāpi purimanayeneva opammasaṃsandanaṃ veditabbaṃ.

Catutthaupamāyaṃ bahalapattapalāsoti nirantarapaṇṇo pattasañchanno. Santacchāyoti pāsānacchattaṃ viya ghanacchāyo. Sukhabahulā vedanāti manussaloke khattiyakulādīsu sukhabahulā vedanā vedayitabbā hoti, tā vedayamānaṃ nipannaṃ vā nisinnaṃ vā passāmīti dasseti. Idhāpi opammasaṃsandanaṃ purimanayeneva veditabbaṃ.

Pañcamaupamāyaṃ pāsādoti dīghapāsādo. Ullittāvalittanti anto ceva ullittaṃ bahi ca avalittaṃ. Phusitaggaḷanti dvārabāhāhi saddhiṃ supihitakavātaṃ. Gonakatthato caturaṅgulādhikalomena kāḷakojavaṇa atthato. Paṭikatthato uṇṇāmayena setaattharaṇena atthato. Paṭalikatthato ghanapupphakena uṇṇāmayaattharaṇena atthato. Kadalimigapavarapaccattharaṇoti kadalimigacammamayena uttamapaccattharaṇena atthato. Taṃ kira paccattharaṇaṃ setavatthassa upari kadalimigacammaṃ attharivā sibbetvā karonti. Sauttaracchadoti saha uttaracchadena, uttaribaddhena rattavitānena saddhinti attho. Ubhatolohitakūpadhānoti sīsūpadhānañca pādūpadhānañcāti pallaṅkassa ubhato ṭhapitalohitakūpadhāno. Idhāpi upamāsaṃsandanaṃ purimanayeneva veditabbaṃ.

Ayaṃ panettha aparabhāgayojanā, yathā so puriso maggāruḷhameva jānāti “ayaṃ etena maggena gantvā pāsādaṃ āruyha kūṭāgāraṃ pavisitvā pallaṅke nisīdissati vā nipajjissati vā”ti, evamevaṃ bhagavā dānādīsu puññakiriyavatthūsu yaṃkiñci kusalakammaṃ āyūhantaṃyeva puggalaṃ disvā “ayaṃ imaṃ katvā devaloke nibbattissati”ti jānāti. Yathā so puriso aparabhāge taṃ pāsādaṃ āruyha kūṭāgāraṃ pavisitvā pallaṅke nisinnaṃ vā nipannaṃ vā ekantasukhaṃ nirantarasukhaṃ vedanaṃ vedayamānaṃ passati, evamevaṃ bhagavā aparabhāge “so taṃ kalyāṇaṃ katvā kuhiṃ nibbato”ti ālokaṃ vaḍḍhetvā dibbacakkhunā olokento devaloke nibbattaṃ passati, nandanavanādīsu accharāsaṅghaparivutaṃ dibbasampattiṃ anubhavamaṇaṃ.

Ñāṇappavattākāraṇaṇā niṭṭhitā.

Āsavakkhayavāraṇaṇā

Āsavakkhayavāre “dibbena cakkhunā”ti avatvā “tameṇaṃ passāmī”ti vuttaṃ. Taṃ kasmāti ce? Niyamābhāvā. Imañhi puggalaṃ dibbacakkhunāpi passissati, cetopariyañāṇeṇāpi jānissati, sabbaññutaññāṇeṇāpi jānissatiyeva. Ekantasukhā vedanāti idaṃ kiñcāpi devalokasukhena saddhiṃ byañjanato ekaṃ, atthato pana nānā hoti. Devalokasukhañhi rāgapariḷāhādīnaṃ atthitāya na ekanteneva sukhaṃ. Nibbānasukhaṃ pana sabbapariḷāhānaṃ vūpasamāya sabbākārena ekantasukhaṃ. Upamāyampi “yathā pāsāde ekantasukhā”ti vuttaṃ. Taṃ maggapariḷāhassa avūpasantaṭāya chātajjhataṭāya pipāsābhibhūtaṭāya ca na ekantameva sukhaṃ.

Vanasaṇḍe pana pokkharāṇiyaṃ oruyha rajojallassa pavāhitattā maggadarathassa vūpasantatāya bhisamūlakhādanena ceva madhurodakapānena ca khuppiṭāsānaṃ vinītatāya udakasāṭakaṃ parivattetvā maṭṭhadukūlaṃ nivāsetvā taṇḍulatthavikaṃ ussīsake katvā udakasāṭakaṃ pīletvā hadaye ṭhapetvā mandamandena ca vātena bījayamānassa nipannattā sabbākārena ekantasukhaṃ hoti.

Evameva khoti ettha idaṃ opammasaṃsandanaṃ – pokkharāṇī viya hi ariyamaggo daṭṭhabbo. Pokkharāṇimaggo viya pubbabhāgapaṭipadā. Maggārulho viya paṭipadāsamaṅgīpuggalo. Cakkhumā puriso viya dibbacakkhu bhagavā. Vanasaṇḍo viya nibbānaṃ. Yathā so puriso maggārulhaṃ disvāva jānāti “ayaṃ iminā maggena gantvā pokkharāṇiyaṃ nhatvā ramaṇīye vanasaṇḍe rukkhamaṇḍe nisīdissati vā nipajjissati vā”ti, evamevaṃ bhagavā paṭipadaṃ pūrentameva nāmarūpaṃ paricchindantameva paccayapariggahaṃ karontameva lakkhaṇārammaṇāya vipassanāya kammaṃ karontameva jānāti “ayaṃ imaṃ paṭipadaṃ pūretvā sabbaāsava khepetvā anāsavaṃ cetovimuttiṃ paññāvimuttinti evaṃ vuttaṃ phalasaṃpattiṃ upasampajja viharissati”ti. Yathā so puriso aparabhāge tāyaṃ pokkharāṇiyaṃ nhatvā vanasaṇḍaṃ pavisitvā nisinnaṃ vā nipannaṃ vā ekantasukhaṃ vedanaṃ vedayamānaṃ passati, evameva bhagavā aparabhāge taṃ puggalaṃ paṭipadaṃ pūretvā maggaṃ bhāvetvā phalaṃ sacchikatvā nirodhasayanavaragataṃ nibbānārammaṇaṃ phalasaṃpattiṃ appetvā ekantasukhaṃ vedanaṃ vedayamānaṃ passati.

Āsavakkhayavāraṇṇanā niṭṭhitā.

Dukkarakārikādisuddhivaṇṇanā

155. “Abhijānāmi kho panāhaṃ, sārīputta, caturaṅgasamannāgata”nti idaṃ kasmā āradḍhaṃ? Pāṭiyekkaṃ anusandhivasena āradḍhaṃ. Ayaṃ kira sunakkhatto dukkarakārikāya suddhi hotīti evaṃ laddhiko. Athassa bhagavā mayā ekasmiṃ attabhāve ṭhatvā caturaṅgasamannāgataṃ dukkaraṃ kataṃ, dukkarakāraṃ nāma mayā sadiso natthi. Dukkarakārena suddhiyā sati ahameva suddho bhavēyyanti dassetaṃ imaṃ desanaṃ ārabhi. Apica ayaṃ sunakkhatto dukkarakārikāya pasanno, so cassa pasannabhāvo, “addasā kho, bhaggava, sunakkhatto licchaviṭṭo acelaṃ korakkhattiyaṃ catukkuṇḍikaṃ chamānikīṇṇaṃ bhakkhasaṃ mukhena khādantaṃ mukhena bhuñjantaṃ. Disvānassa etadahosi ‘sādhu rūpo vata, bho, ayaṃ samaṇo catukkuṇḍiko chamānikīṇṇaṃ bhakkhasaṃ mukheneva khādanti, mukheneva bhuñjati”ti evamādinā pāthikasutte (dī. ni. 3.7) āgatanayena veditabbo.

Atha bhagavā ayaṃ dukkarakārikāya pasanno, mayā ca etasmiṃ attabhāve ṭhatvā caturaṅgasamannāgataṃ dukkaraṃ kataṃ, dukkarakāre pasīdantenāpi anena mayi pasīditabbaṃ siyā, sopissa pasādo mayi natthīti dassento imaṃ desanaṃ ārabhi.

Tatra brahmacariyanti dānampi veyyāvaccampi sikkhāpadampi brahmavihārāpi dhammadesanāpi methunaviratipi sadārasantosopi uposathopi ariyamaggopi sakalasāsanampi ajjhāsayopi vīriyampi vuccati.

“Kiṃ te vataṃ kiṃ pana brahmacariyaṃ,
Kissa suciṇṇassa ayaṃ vipāko;
Iddhī jutī balavīriyūpapatti,
Idaṅca te nāga mahāvīmānaṃ.
Ahaṅca bhariyā ca manussaloke,
Saddhā ubho dānapatī ahumhā;
Opānabhūtaṃ me gharaṃ tadāsi,
Santappitā samaṇabrāhmaṇā ca.
Taṃ me vataṃ taṃ pana brahmacariyaṃ,
Tassa suciṇṇassa ayaṃ vipāko;
Iddhī jutī balavīriyūpapatti,
Idaṅca me dhīra mahāvīmāna”nti. (jā. 2.22.1592, 1593, 1595) –
Imasmiṅhi puṇṇakajātake dānaṃ brahmacariyanti vuttaṃ.

“Kena pāṇi kāmadaḍḍo, kena pāṇi madhussavo;
Kena te brahmacariyena, puṇṇaṃ pāṇimhi ijjhati.

Tena pāṇi kāmadaḍḍo, tena pāṇi madhussavo;

Tena me brahmacariyena, puṇṇaṃ pāṇimhi ijjhatī”ti. (pe. va. 275) –

Imasmiṃ aṅkurapetavatthusmiṃ veyyāvaccamaṃ brahmacariyanti vuttaṃ. “Evaṃ kho taṃ, bhikkhave, tittiriyaṃ nāma brahmacariyaṃ ahoṣī”ti (cūḷava. 311) imasmiṃ tittirajātake pañcasikkhāpadaṃ brahmacariyanti vuttaṃ. “Taṃ kho pana me pañcasikha brahmacariyaṃ neva nibbidāya na virāgāya na nirodhāya, yāvadeva brahmalokūpapattiyā”ti (dī. ni. 2.329) imasmiṃ mahāgovindasutte brahmavihārā brahmacariyanti vuttaṃ. “Ekasmiṃ brahmacariyasmiṃ, sahaṃsaṃ maccuhāyina”nti (saṃ. ni. 1.184) ettha dhammadesanā brahmacariyanti vuttā. “Pare abrahmacārī bhavissanti, mayamettha brahmacārī bhavissāmā”ti (ma. ni. 1.83) sallekhasutte methunavirati brahmacariyanti vuttā.

“Mayaṅca bhariyā nātikkamāma,

Amhe ca bhariyā nātikkamanti;

Aññaṅtra tāhi brahmacariyaṃ carāma,

Tasmā hi amhaṃ daharā na mīyare”ti. (jā. 1.10.97) –

Mahādhammapālajātake sadārasantoso brahmacariyanti vutto.

“Hīnena brahmacariyena, khattiye upapajjati;

Majjhimena ca devattaṃ, uttamaṃ visujjhatī”ti. (jā. 1.8.75) –

Evaṃ nimijātake attadamanavasena kato aṭṭhaṅgiko uposatho brahmacariyanti vutto. “Idaṃ kho pana me, pañcasikha, brahmacariyaṃ ekantanibbidāya virāgāya...pe... ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo”ti (dī. ni. 2.329) mahāgovindasuttasmiṅneva ariyamaggo brahmacariyanti vutto. “Tayidaṃ brahmacariyaṃ iddhañceva phītaṅca vitthārikamaṃ bāhujaṅgaṃ puthubhūtaṃ yāva

devamanussehi suppakāsita’nti (dī. ni. 3.174) pāsādikasutte sikkhattayasaṅgahaṃ sāsanaṃ brahmacariyanti vuttaṃ.

“Apī ataramānānaṃ, phalāsāva samijjhati;

Vipakkabrahmacariyosmi, evaṃ jānāhi gāmaṇī”ti. (jā. 1.1.8) –

Ettha ajjhāsayo brahmacariyanti vutto. Idha pana vīriyaṃ brahmacariyanti adhippetam. Vīriyabrahmacariyassa hi idameva suttaṃ. Tadetam ekasmiṃ attabhāve catubbidhassa dukkarassa katattā caturaṅgasamannāgatanti vuttaṃ.

Tapassī sudam homīti sudanti nipātamattaṃ, tapanissitako homīti attho. Paramatapassīti paramo tapassī, tapanissitakānaṃ uttamo. Lūkho sudam homīti lūkho homi. Jegucchīti pāpajegucchiko. Pavivitto sudam homīti pavivitto aham homi. Tatrāssu me idam, sārīputtāti tatra caturaṅge brahmacariye idam mama tapassitāya hoti, tapanissitakabhāve mayham idam acelakāditapassitakattam hotīti dasseti.

Tattha acelakoti niccelo naggo. Muttācāroti visaṭṭhācāro, uccārakammādīsu lokiyakulaputtācārena virahito, ṭhitakova uccāraṃ karomi, passāvaṃ karomi, khādāmi bhuñjāmi ca. Hatthāpalekhanoti hatthe piṇḍamhi ṭhite jivhāya hattham apalikhāmi, uccāraṃ vā katvā hatthasmiññeva daṇḍakasaññī hutvā hatthena apalikhāmīti dasseti. Te kira daṇḍakam sattoti paññapenti, tasmā tesam paṭipadam pūrento evamakāsi. Bhikkhāgahaṇattham ehi bhaddanteti vutto na eṭīti na ehibhaddantiko. Tena hi tiṭṭha bhaddanteti vuttopi na tiṭṭhatīti na tiṭṭhabhaddantiko. Tadubhayampi titthiyā evam etassa vacanaṃ kataṃ bhavissatīti na karonti. Ahampi evam akāsinti dasseti. Abhihaṇanti puretaraṃ gahetvā āhaṭam bhikkham. Uddissakatanti idam tumhe uddissa katanti evam ārocitabhikkham. Na nimantananti asukam nāma kulam vā vīthim vā gāmaṃ vā paviseyyāthāti evam nimantitabhikkhampi na sādiyāmi na gaṇhāmi.

Na kumbhimukhāti kumbhito uddharitvā diyyamānaṃ bhikkham na gaṇhāmi. Na kaḷopimukhāti kaḷopīti ukkhali vā pacchi vā. Tatopi na gaṇhāmi. Kasmā? Kumbhikaḷopiyo maṃ nissāya kaṭacchunā pahāraṃ labhantīti. Na eḷakamantaranti ummāraṃ antaraṃ katvā diyyamānaṃ na gaṇhāmi. Kasmā? Ayaṃ maṃ nissāya antarakaṇaṃ labhatīti. Daṇḍamusalesupi eseva nayo. Na dvinnanti dvīsu bhuñjamānesu ekasmiṃ utthāya dente na gaṇhāmi. Kasmā? Kabaḷantarāyo hotīti. Na gabbhīniyātiādīsu pana gabbhīniyā kucchiyaṃ dārako kilamati, pāyantiyā dārakassa khīrantarāyo hoti, purisantaragatāya ratiantarāyo hotīti na gaṇhāmi. Na saṃkittīsūti saṃkittitvā katabhattesu. Dubbhikkhasamaye kira acelakasāvakā acelakānaṃ atthāya tato tato taṇḍulādīni samādapetvā bhattam pacanti. Ukkatthācelako tatopi na paṭiggaṇhāti.

Na yattha sāti yattha sunakho piṇḍam labhissāmīti upatthito hoti, tattha tassa adatvā āhaṭam na gaṇhāmi. Kasmā? Etassa piṇḍantarāyo hotīti. Saṇḍasaṇḍacārīnīti samūhasamūhacārīnī, sace hi acelakam disvā imassa bhikkham dassāmāti mānusakā bhattageham pavisanti. Tesu ca pavisantesu kaḷopimukhādīsu nilīnā makkhikā uppatitvā saṇḍasaṇḍā caranti. Tato āhaṭam bhikkham na gaṇhāmi. Kasmā? Maṃ

nissāya makkhikānaṃ gocarantarāyo jātoti, ahampi tathā akāsim. Na thusodakanti sabbasassasambhārehi kataṃ loṇasovīrakam. Ettha ca surāpānameva sāvajjam, ayaṃ pana sabbesupi sāvajjasāññī.

Ekāgārikoti yo ekasmiññeva gehe bhikkham labhitvā nivattati. Ekālopikoti yo ekeneva ālopena yāpeti. Dvāgārikādīsipi eseva nayo. Ekissāpi dattiyāti ekāya dattiyā. Datti nāma ekā khuddakapāti hoti, yattha aggabhikkham pakkhipitvā ṭhapenti. Ekāhikanti ekadivasantarikam. Addhamāsikanti addhamāsantarikam. Pariyāyabhattabhojananti vārabhattabhojanam. Ekāhavārena dvīhavārena sattāhavārena aḍḍhamāsavārenāti evaṃ divasavārena ābhatam bhattabhojanam.

Sākabhakkhoti allasākabhakkho. Sāmākabhakkhoti sāmākataṇḍulabhakkho. Nīvārādīsu nīvārā nāma tāva araññe sayamjātavīhijāti. Daddulanti cammakārehi cammam likhitvā chaḍḍitakasataṃ. Haṭam vuccati silesopi sevālopi kaṇikārādirukkhanīyāsopi. Kaṇanti kuṇḍakam. Ācāmoti bhattaukkhalikāya laggo jhāmaodano, taṃ chaḍḍitaṭṭhāne gahetvā khādāti. “Odanakañjiya”ntipi vadanti. Piññākādayo pākātā eva. Pavattaphalabhojīti patitaphalabhojī.

Sāṇānīti sāṇavākacoḷāni. Masāṇānīti missakacoḷāni. Chavadussānīti matasarīrato chaḍḍitavattāni. Erakatiṇādīni vā ganthetvā katanivāsanāni. Paṃsukūlānīti pathaviyam chaḍḍitanantakāni. Tiritānīti rukkhattacavattāni. Ajinanti ajinamigacammaṃ. Ajinakkhipanti tadeva majjhe phālitaṃ. Sakhurakantipi vadanti. Kusacīranti kusatiṇam ganthetvā katacīram. Vākacīraphalakacīresupi eseva nayo. Kesakambalanti manussakesehi katakambalam. Yaṃ sandhāya vuttam “yāni kānici, bhikkhave, tantāvutānam vatthānam, kesakambalo tesam paṭikuṭṭho akkhāyati. Kesakambalo, bhikkhave, sīte sīto, uṇhe uṇho, dubbaṇṇo duggandho dukkhasamphaso”ti (a. ni. 3.138). Vālakambalanti assavālādīhi katakambalam. Ulūkapakkhakanti ulūkapattāni ganthetvā katanivāsanam. Ubbhaṭṭhakoti uddham ṭhitako. Ukkuṭikappadhānamanuyuttoti ukkuṭikavīriyam anuyutto, gacchantopi ukkuṭikova hutvā uppatitvā uppatitvā gacchati. Kaṇṭakāpassayikoti ayakāṇṭake vā pakatikaṇṭake vā bhūmiyam koṭṭetvā tattha cammam attharivā ṭhānacaṅkamādīni karomīti dasseti. Seyyanti sayantopi tattheva seyyam kappemi. Sāyam tatiyamassāti sāyatatiyakam. Pāto majjhanhike sāyanti divasassa tikkhattum pāpam pavāhessāmīti udakorohanānuyogam anuyutto viharāmīti dasseti.

156. Nekavassagaṇikanti nekavassagaṇasañjātam. Rajojallanti rajamalam, idaṃ attano rajojallakavatasamādānakālam sandhāya vadati. Jegucchisminti pāpajigucchanabhāve. Yāva udakabindumhipīti yāva udakathevakepi mama dayā paccupaṭṭhitā hoti, ko pana vādo aññesu sakkharakaṭṭhaladaṇḍakavālikādīsū. Te kira udakabindum ca ete ca sakkharakaṭṭhalādayo khuddakapāṇāti paññapenti. Tenāha “yāva udakabindumhipi me dayā paccupaṭṭhitā hotī”ti. Udakabindumpi na hanāmi na vināsemi, kiṃ kāraṇā. Māham khuddake pāṇe visamagate saṅghātam āpādesinti. Ninnathalatiṇaggarukkhasākhādīsū visamaṭṭhāne gate udakabindusaṅkhāte

khuddakapāṇe saṅghātaṃ vadhaṃ mā āpādesinti. Etamatthaṃ “satova abhikkamāmī”ti dasseti. Acelakesu kira bhūmiṃ akkantakālato pabhuti sīlavā nāma natthi. Bhikkhācāraṃ gacchantāpi dussīlavā hutvā gacchanti, upaṭṭhākānaṃ gehe bhuñjantāpi dussīlavā hutvā bhuñjanti. Āgacchantāpi dussīlavā hutvā āgacchanti. Yadā pana morapiñchena phalakaṃ sammajjitvā sīlaṃ adhiṭṭhāya nisīdanti, tadā sīlavantā nāma honti.

Vanakammikanti kandaṃūlaphalāphalādīnaṃ atthāya vane vicarantaṃ. Vanena vananti vanato vanaṃ, esa nayo sabbattha. Saṃpatāmīti gacchāmi. Āraññaṃkoti araññaṃ jātavuddho, idaṃ attano ājīvakaṃ sandhāya vadati. Bodhisatto kira pāsāṇḍapariggaṇhaṇatthāya taṃ pabbajjaṃ pabbaji, niratthakabhāvaṃ pana ñatvāpi na uppabbajjito, bodhisattā hi yaṃ yaṃ ṭhānaṃ upenti, tato anivattitadhammā honti, pabbajjitvā pana mā maṃ koci addasāti tatova araññaṃ pavīṭṭho. Tenevāha “mā maṃ te addasaṃsu ahañca mā te addasa”nti.

Goṭṭhāti govajā. Paṭṭhitagāvoti nikkhantagāvo. Tattha catukkuṇḍikoti vananteyeveva ṭhito gopālakaṃ gāvīhi saddhiṃ apagatabhāvaṃ disvā dve hatthe dve ca jaṇṇukāni bhūmiyaṃ ṭhapetvā evaṃ catukkuṇḍiko upasaṅkamitvāti attho. Tāni sudaṃ āhāremīti mahallakavacchakānaṃ gomayāni kasaṭāni nirojāni honti, tasmā tāni vajjetvā yāni taruṇavacchakānaṃ khīrapānēneva vadḍhantānaṃ saojāni gomayāni tāni kucchipūraṃ khādītva puna vanasaṇḍameva pavisati. Taṃ sandhāyāha “tāni sudaṃ āhāremī”ti. Yāvakaivañca meti yattakaṃ kālaṃ mama sakaṃ muttakarīsaṃ aparikkhīnaṃ hoti. Yāva me dvāraḷaṇjo pavattittha, tāva tadeva āhāremīti attho. Kāle pana gacchante gacchante parikkhīnaṃsalohito upacchinnadvāraḷaṇjo vacchakānaṃ gomayāni āhāremi. Mahāvikaṭabhojanasminti mahante vikaṭabhojane, apakatibhojaneti attho.

157. Tatrāssudaṃ, sārīputta, bhīṃsanakassa vanasaṇḍassa bhīṃsanakatasmīṃ hotīti. Tatrāti purimavacanāpekkhanaṃ. Sudanti padapūraṇamate nipāto. Sārīputtāti ālapanāṃ. Ayaṃ panettha atthayojanā – tatrāti yaṃ vuttaṃ aññataraṃ bhīṃsanakaṃ vanasaṇḍanti, tatra yo so bhīṃsanako vanasaṇḍo vutto, tassa bhīṃsanakassa vanasaṇḍassa bhīṃsanakatasmīṃ hoti, bhīṃsanakakiriyāya hotīti attho. Kiṃ hoti? Idaṃ hoti, yo koci avītarāgo...pe... lomāni haṃsantīti.

Atha vā tatrāti sāmīatthe bhummaṃ. Su iti nipāto. Kiṃ su nāma te bhonto samaṇabrāhmaṇātiādīsū viya. Idanti adhippetamatthaṃ paccakkhaṃ viya katvā dassanavacanaṃ. Sudanti su idaṃ, sandhivasena ikāralopo veditabbo. Cakkhundriyaṃ itthindriyaṃ anaññātaññassāmītindriyaṃ kiṃ sūdhavittantiādīsū viya. Ayaṃ panettha atthayojanā, tassa, sārīputta, bhīṃsanakassa vanasaṇḍassa bhīṃsanakatasmīṃ idaṃsu hotīti. Bhīṃsanakatasminti bhīṃsanakabhāveti attho. Ekassa takārassa lopo daṭṭhabbo. “Bhīṃsanakattasmi”ntiyeva vā pāṭho, bhīṃsanakatāya iti vā vattabbe līṅgavipallāso kato, nimittatthe cetāṃ bhummavacanaṃ. Tasmā evaṃ sambandho veditabbo, bhīṃsanakabhāve idaṃsu hoti, bhīṃsanakabhāvanimittaṃ bhīṃsanakabhāvahetu, bhīṃsanakabhāvapaccayā idaṃsu hoti. Yo koci avītarāgo taṃ vanasaṇḍaṃ pavisati.

Yebhuyyena lomāni haṃsanti bahutarāni lomāni haṃsanti, uddhaṃ mukhāni sūcisadisāni kaṅṭakasadisāni ca hutvā tiṭṭhanti, appāni na haṃsanti, bahutarānaṃ vā sattānaṃ haṃsanti, appakānaṃ atisūrapurisānaṃ na haṃsantīti.

Antaratṭhakāti māghamāsassa avasāne catasso, phaggaṇamāsassa ādimhi catassoti evaṃ ubhinnaṃ antare aṭṭharatti. Abbhokāseti mahāsatto himapātasamaye rattiṃ abbhokāse viharati, athassa lomakūpesu āvutamuttā viya himabindūni tiṭṭhanti, sarīraṃ setadukūlapārutaṃ viya hoti. Divā vanasaṇḍeti divā himabindūsu sūriyātapasamphassa vigatesu assāsopi bhavye, ayaṃ pana sūriye uggacchanteyeva vanasaṇḍaṃ pavisati, tatrāpissa sūriyātapena paggharantaṃ himaṃ sarīreyeva patati. Divā abbhokāse viharāmi rattiṃ vanasaṇḍeti gimhakāle kiresa divā abbhokāse vihāsi, tenassa kacchehi sedadhārā muccimṣu, rattiṃ assāso bhavye, ayaṃ pana sūriye atthaṃ gacchanteyeva vanasaṇḍaṃ pavisati. Athassa divā gahitausme vanasaṇḍe aṅgārakāsuyam pakkhitto viya attabhāvo paridayhittha. Anacchariyāti anuacchariyā. Paṭibhāsīti upatṭhāsī.

Sotattoti divā ātapena rattiṃ vanausmāya sutatto. Sosinnoti rattiṃ himena divā himodakena sutṭhu tinto. Bhimsanaketi bhayajanake. Naggoti niccelo. Nivāsanapārurane hi sati sītaṃ vā uṇhaṃ vā na atibādheyya, tampi me natthīti dasseti. Na caggimāsīnoti aggimpi na upagato. Esanāpasutoti suddhiesanattāya pasuto, payutto. Munīti, tadā attānaṃ munīti katvā katheti.

Chavatṭhikānīti upadḍhadadḍhāni aṭṭhīni. Upadhāyāti yathā sīsūpadhānaṅca pādūpadhānaṅca paññāyati, evaṃ santharivā tattha seyyam kappemīti dasseti. Gāmaṇḍalāti gopāladārakā. Te kira bodhisattassa santikaṃ gantvā, sumedha, tvaṃ imasmim ṭhāne kasmā nisīno, kathehīti vadanti. Bodhisatto adhomukho nisīdati, na katheti. Atha naṃ te akathetaṃ na dassāmāti parivāretvā oṭṭhubhanti sarīre kheḷaṃ pātentī. Bodhisatto evampi na katheti. Atha naṃ tvaṃ na kathesīti omuttenti passāvamassa upari vissajjenti. Bodhisatto evampi na kathetiyeva. Tato naṃ kathehi kathehīti paṃsukena okiranti. Bodhisatto evampi na kathetiyeva. Athassa na kathesīti daṇḍakasalākā gahetvā kaṇṇasotesu pavesenti. Bodhisatto dukkhā tībā kaṭukā vedanā adhivāsento kassaci kiñci na karissāmīti matako viya acchati. Tenāha “na kho panāhaṃ, sārīputta, abhijānāmi tesu pāpakaṃ cittaṃ uppādetā”ti. Na mayā tesu pāpakaṃ cittampi uppāditanti attho. Upekkhāvihārasmim hotīti upekkhāvihāro hoti. Vihāro eva hi vihārasminti vutto. Teneva ca “idaṃsu me”ti etthāpi ayaṃsu meti evaṃ attho veditabbo. Iminā nayena aññānīpi evarūpāni padāni veditabbāni. Iminā ito ekanavutikappe pūritaṃ upekkhāvihāraṃ dasseti. Yaṃ sandhāyāha –

“Sukhapatto na rajjāmi, dukkhe na homi dummano;
Sabbattha tulito homi, esā me upekkhāpāramī”ti.

Dukkarakārikādisuddhivaṇṇanā niṭṭhitā.

Āhārasuddhivaṇṇanā

158. Āhārena suddhīti kolādinā ekaccena parittakaāhārena sakkā sujjhītunti evaṃdiṭṭhino honti. Evamāhamsūti evaṃ vadanti. Kolehīti padarehi. Kolodakanti kolāni madditvā katapānakam. Kolavikatinti kolasālavakolapūvakolagulaḍikolavikāram. Etaparamoti etaṃ pamāṇam paramam assāti etaparamo. Tadā ekanavutikappamatthake pana na beluvapakkatālapakkapamāṇo kolo hoti, yaṃ etarahi kolassa pamāṇam, ettakova hotīti attho.

159. Adhimattakasimānanti ativiya kisabhāvaṃ. Āsītikapabbāni vā kālapabbāni vāti yathā āsītikavalliyā vā kālavalliyā vā sandhiṭṭhānesu milāyitvā majjhe unnatunnatāni honti, evaṃ mayhaṃ aṅgapaccaṅgāni hontīti dasseti. Oṭṭhapadanti yathā oṭṭhassa padaṃ majjhe gambhīram hoti, evamevaṃ bodhisattassa milāte maṃsalohite vaccadvārassa antopaviṭṭhattā ānisadaṃ majjhe gambhīram hoti. Athassa bhūmiyaṃ nisinnatṭhānaṃ sarapōṅkhena akkantaṃ viya majjhe unnataṃ hoti. Vaṭṭanāvalīti yathā rajjuyā āvunitvā katā vaṭṭanāvalī vaṭṭanānaṃ antarantarā ninnā hoti, vaṭṭanatṭhānesu unnatā, evaṃ piṭṭhikaṇṭako unnatāvanato hoti, jarasālāya gopānasiyoti jinṇasālāya gopānasiyo, tā vaṃsato muccitvā maṇḍale patitṭhahanti, maṇḍalato muccitvā bhūmiyanti; evaṃ ekā upari hoti, ekā heṭṭhāti oluggaviluggā bhavanti. Bodhisattassa pana na evaṃ phāsuḷiyo, tassa hi lohite chinne maṃse milāte phāsuḷantarehi cammāni heṭṭhā otiṇṇāni, taṃ sandhāyetaṃ vuttaṃ.

Okkhāyikāti heṭṭhā anupaviṭṭhā. Tassa kira lohite chinne maṃse milāte akkhiāvātakā matthaluṅgaṃ āhacca aṭṭhamsu, tenassa evarūpā akkhitārakā ahesuṃ. Āmakacchinnoti atitaruṇakāle chinno, so hi vātātapena saṃphusati ceva milāyati ca. Yāvassu me, sārīputtāti, sārīputta, mayhaṃ udaracchavi yāva piṭṭhikaṇṭakam allīnā hoti. Atha vā yāvassu me, sārīputta, bhāriyabhāriyā ahoṣi dukkarakārikā, mayhaṃ udaracchavi yāva piṭṭhikaṇṭakam allīnā ahoṣīti evamettha sambandho veditabbo. Piṭṭhikaṇṭakamyeva pariggaṇhāmīti sahaudaracchaviṃ gaṇhāmi. Udaracchaviṃyeva pariggaṇhāmīti sahapitṭhikaṇṭakam gaṇhāmi. Avakujjo papatāmīti tassa hi uccārapassāvattṭhāya nisinnassa passāvo neva nikkhamati, vaccaṃ pana ekam dve kaṭakaṭṭhimattaṃ nikkhamati. Balavadukkham uppādeti. Sarīrato sedā muccanti, tattheva avakujjo bhūmiyaṃ patati. Tenāha “avakujjo papatāmī”ti. Tameva kāyanti taṃ ekanavutikappamatthake kāyaṃ. Mahāsaccakasutte pana pacchimabhavikakāyaṃ sandhāya imameva kāyanti āha. Pūtimūlānīti maṃse vā lohite vā sati tiṭṭhanti. Tassa pana abhāve cammakhaṇḍe lomāni viya hattheyeva lagganti, taṃ sandhāyāha “pūtimūlāni lomāni kāyasmā patantī”ti.

Alamariyañānadassanavisesanti ariyabhāvaṃ kātuṃ samatthaṃ lokuttaramaggaṃ. Imissāyeva ariyāya paññāyāti vipassanāpaññāya anadhigamā. Yāyaṃ ariyāti yā ayaṃ maggapaññā adhigatā. Idaṃ vuttaṃ hoti – yathā etarahi vipassanāpaññāya adhigatattā maggapaññā adhigatā, evaṃ ekanavutikappamatthake

vipassanāpaññāya anadhigatattā lokuttaramaggapaññam nādhigatosmīti, majjhimabhāṇakattherā panāhu, imissāyevāti vuttapaññāpi yāyaṃ ariyāti vuttapaññāpi maggapaññāyeva. Atha ne bhikkhū āhaṃsu “evaṃ sante maggassa anadhigatattā maggaṃ nādhigatosmīti idaṃ vuttaṃ hoti, bhante”ti. Āvuso, kiñcāpi dīpetuṃ na sakkomi, dvepi pana maggapaññāyevāti, etadeva cettha yuttaṃ. Itarathā hi yā ayanti niddeśo ananurūpo siyā.

Āhārasuddhivaṇṇanā niṭṭhitā.

Saṃsārasuddhiādivaṇṇanā

160. Saṃsārena suddhīti bahukaṃ saṃsaritvā sujjhantīti vadanti. Upapattiyā suddhīti bahukaṃ upapajjitvā sujjhantīti vadanti. Āvāsena suddhīti bahūsu ṭhānesu vasitvā sujjhantīti vadanti. Tīsupi ṭhānesu saṃsaraṇakavasena saṃsāro. Upapajjanakavasena upapatti. Vasanakavasena āvāsoti khandhāyeva vuttā. Yaññenāti bahuyāge yajitvā sujjhantīti vadanti. Muddhāvasittenāti tīhi saṅkhehi khattiyābhisekena muddhani abhisittena. Aggipāricariyāyāti bahuaggiparicaraanena sujjhantīti vadanti.

161. Daharoti taruṇo. Yuvāti yobbanena samannāgato. Susukāḷakesoti suṭṭhu kāḷakeso. Bhadrena yobbanena samannāgatoti imināssa yena yobbanena samannāgato yuvā, taṃ yobbanam bhaddam laddhakanti dasseti. Paṭhamena vayasāti paṭhamavayo nāma tettiṃsa vassāni, tena samannāgatoti attho, paññāveyyattiyenāti paññāveyyattibhāvena. Jiṇṇoti jarājiṇṇo. Vuddhoti vadḍhitvā ṭhitaṅgapaccaṅgo. Mahallakoti jātimahallako. Addhagatoti bahuaddhānam gato cirakālātikanto. Vayo anuppattoti vassasatassa tatiyakotṭhāsam pacchimavayaṃ anuppatto. Āsītiko me vayo vattatīti imaṃ kira suttaṃ bhagavā parinibbānasamvacchare kathesi. Tasmā evamāha. Paramāyāti uttamāya. Satiyātiādīsu padasatampi padasahassampi vadantas seva gahaṇasamatthatā sati nāma. Tadeva ādhāraṇaupanibandhanasamatthatā gati nāma. Evaṃ gahitaṃ dhāritaṃ sajjhāyaṃ kātuṃ samatthavīriyaṃ dhiti nāma. Tassa atthañca kāraṇaṇca dassanasamatthatā paññāveyyattiyaṃ nāma.

Daḷhadhammā dhanuggahoti daḷham dhanuṃ gahetvā ṭhito issāso. Daḷhadhanu nāma dvisahassathāmaṃ vuccati, dvisahassathāmaṃ nāma yassa āropitassa jiyābaddho lohasīsādīnaṃ bhāro daṇḍe gahetvā yāva kaṇḍappamāṇā ukkhittassa pathavito muccati. Sikkhitoti dasa dvādasa vassāni ācariyakule uggahitasippo. Katahatthoti koci sippameva uggaṇhāti. Katahattho na hoti, ayaṃ pana katahattho ciṇṇavasībhāvo. Katūpāsanoti rājakulādīsu dassitasippo. Lahukena asanenāti anto susiraṃ katvā tūlādīni pūretvā katalākhāparikkammaṃ sallahukakaṇḍena. Evaṃ katañhi ekausabhagāmī dve usabhāni gacchati, atṭhausabhagāmī soḷasausabhāni gacchati. Appakasirenāti nidukkheṇa. Atipāteyyāti atikkameyya. Evaṃ adhimattasatimantoti yathā so dhanuggaho taṃ vidatthacaturaṅgulachāyaṃ sīghaṃ eva atikkameti, evaṃ padasatampi padasahassampi uggahetuṃ upadhāretuṃ sajjhāyituṃ atthakāraṇāni ca upaparikkhituṃ samatthāti attho. Aññatra asitapītakhāyitasāyitāti asitapītādīni hi bhagavatāpi kātabbāni honti, bhikkhūhipi. Tasmā tesam karaṇamattakālam ṭhapetvāti dasseti.

Apariyādinñāyevāti aparikkhīñāyeva. Sace hi eko bhikkhu kāyānupassanaṃ pucchati, añño vedanānupassanaṃ, añño cittānupassanaṃ, ayyo dhammānupassanaṃ. Iminā puṭṭhaṃ ahaṃ pucchissāmīti eko ekaṃ na oloketi. Evaṃ santepi tesam vāro paññāyati. Evaṃ buddhānaṃ pana vāro na paññāyati, vidatthacaturaṅgulachāyaṃ atikkamato puretaraṃyeva bhagavā cuddasavidhena kāyānupassanaṃ, navavidhena vedanānupassanaṃ, soḷasavidhena cittānupassanaṃ, pañcavidhena dhammānupassanaṃ katheti. Tiṭṭhantu vā tāva ete cattāro. Sace hi aññe cattāro sammappadhānesu, aññe iddhipādesu, aññe pañca indriyesu, aññe pañca balesu, aññe satta bojjhaṅgesu, aññe aṭṭha maggaṅgesu pañhaṃ puccheyyūṃ, tampi bhagavā katheyya. Tiṭṭhantu vā ete aṭṭha. Sace aññe sattatiṃsa janā bodhipakkhiyesu pañhaṃ puccheyyūṃ, tampi bhagavā tāvadeva katheyya. Kasmā? Yāvata hi lokiyamahājanā ekaṃ padaṃ kathenti. Tāva ānandatthero aṭṭha padāni katheti. Ānandatthere pana ekaṃ padaṃ kathenteyeva bhagavā soḷasapadāni katheti. Kasmā? Bhagavato hi jivhā mudukā dantāvaraṇaṃ suphusitaṃ vacanaṃ agalitaṃ bhavaṅgaparivāso lahuco. Tenāha “apariyādinñāyevassa, sārīputta, tathāgatassa dhammadesanā”ti.

Tattha dhammadasenāti tantīṭhapanā. Dhammapadabyañjananti pāḷiyā padabyañjanaṃ, tassa tassa atthassa byañjanakaṃ akkharaṃ. Pañhapaṭibhānanti pañhabyākaraṇaṃ. Iminā kiṃ dasseti? Tathāgato pubbe daharakāle akkharāni sampiṇḍetvā padaṃ vattūṃ sakkoti, padāni sampiṇḍetvā gāthaṃ vattūṃ sakkoti, catuakkharehi vā aṭṭhaakkharehi vā soḷasaakkharehi vā padehi yuttāya gāthāya atthaṃ vattūṃ sakkoti. Idāni pana mahallakakāle akkharāni sampiṇḍetvā padaṃ vā, padāni sampiṇḍetvā gāthaṃ vā, gāthāya atthaṃ vā vattūṃ na sakkotīti evaṃ natthi. Daharakāle ca mahallakakāle ca sabbametaṃ tathāgatassa apariyādinnamevāti imaṃ dasseti. Mañcakena cepi manti idaṃ buddhabaladīpanatthameva parikappetvā āha. Dasabalaṃ pana mañcake āropetvā gāmanigamarājadhāniyo pariharaṇakālo nāma natthi. Tathāgatā hi pañcame āyukoṭṭhāse khaṇḍiccādīhi anabhībhūtā suvaṇṇavaṇṇasarīrassa vevaṇṇiye ananuppatte devamanussānaṃ piyamanāpakāleyeva parinibbāyanti.

162. Nāgasamāloti tassa therassa nāmaṃ. Paṭhamabodhiyañhi vīsativassabbhantare upavānanāgitameghiyattherā viya ayampi bhagavato upatṭhāko ahoṣi. Bījayaṃnanti mandamandena tālavaṇṭavātena bhagavato utusukhaṃ samuṭṭhāpayamāno. Etadavocāti sakalasuttantaṃ sutvā bhagavato pubbacaritaṃ dukkarakāraṃ āgamma pasanno etaṃ “acchariyaṃ bhante”tiādivacanaṃ avoca. Tattha accharaṃ paharitaṃ yuttanti acchariyaṃ. Abhūtapubbaṃ bhūtanti abbhutaṃ. Ubhayenapi attano vimhayameva dīpeti. Ko nāmo ayaṃ bhanteti idaṃ bhaddako vatāyaṃ dhammapariyāyo, handassa bhagavantaṃ āyācitvā nāmaṃ gaṇhāpemīti adhippāyena āha. Athassa bhagavā nāmaṃ gaṇhanto tasmā tiha tvantiādīmāha. Tassattho, yasmā idaṃ suttaṃ sutvā tava lomāni hatṭhāni, tasmā tiha tvam, nāgasamāla, imaṃ dhammapariyāyaṃ “lomahaṃsana pariyāyo”tveva naṃ dhārehīti.

Samsārasuddhiādivaṇṇanā niṭṭhitā.

Papañcasūdaniyā majjhimanikāyatṭhakathāya

Mahāsīhanādasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.